



## Các phương án tiếp cận chia sẻ lợi ích

Kết quả so sánh sơ bộ tại 13 nước đang thực hiện REDD+

Phạm Thu Thủy

Maria Brockhaus

Grace Wong

Lê Ngọc Dũng

Januarti Sinarra Tjajadi

Lasse Loft

Cecilia Luttrell

Samuel Assembe Mvondo



# Các phương án tiếp cận chia sẻ lợi ích

## Kết quả so sánh sơ bộ tại 13 nước đang thực hiện REDD+

**Phạm Thu Thủy**  
CIFOR

**Maria Brockhaus**  
CIFOR

**Grace Wong**  
CIFOR

**Lê Ngọc Dũng**  
CIFOR

**Januarti Sinarra Tjajadi**  
CIFOR

**Lasse Loft**  
Cơ quan nghiên cứu Đa dạng sinh học và Khí hậu

**Cecilia Luttrell**  
CIFOR

**Samuel Assembe Mvondo**  
CIFOR

Báo cáo chuyên đề số 141

© 2014 Tổ chức Nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế (CIFOR)

Nội dung trong ấn phẩm này được cấp phép bởi giấy phép Creative Commons dưới hình thức Ghi công - Phi thương mại - Không có tác phẩm phái sinh.

Pham, T.T., Brockhaus, M., Wong, G., Dung, L.N., Tjajadi, J.S., Loft, L., Luttrell, C., Mvondo, S.A. 2014. Các phương án tiếp cận chia sẻ lợi ích: Kết quả so sánh sơ bộ tại 13 nước đang thực hiện REDD+. Báo cáo chuyên đề số 141. Bogor, Indonesia: CIFOR.

Translation of: Pham TT, Brockhaus M, Wong G, Dung LN, Tjajadi JS, Loft L, Luttrell C and Assembe Mvondo S. 2013. *Approaches to benefit sharing: A preliminary comparative analysis of 13 REDD+ countries*. Working Paper 108. Bogor, Indonesia: CIFOR.

Ảnh chụp bởi Neil Palmer/CIAT

Cộng đồng Boa Vista, ảnh chụp tại vùng biên Khu bảo tồn Juma, Amazon, Brazil.

CIFOR  
Jl. CIFOR, Situ Gede  
Bogor Barat 16115  
Indonesia

T +62 (251) 8622-622

F +62 (251) 8622-100

E [cifor@cgiar.org](mailto:cifor@cgiar.org)

Chúng tôi xin cảm ơn các nhà tài trợ đã hỗ trợ cho nghiên cứu này thông qua việc đóng góp vào quỹ của CGIAR. Xin xem danh sách các nhà tài trợ: <https://cgiarfund.org/FundDonors>

Tất cả các quan điểm thể hiện trong ấn phẩm này là của các tác giả. Chúng không nhất thiết đại diện cho quan điểm của CIFOR, các cơ quan chủ quản của tác giả hay của các nhà tài trợ cho ấn phẩm này.

# Mục lục

Các từ viết tắt	v
Lời cảm ơn	vi
Tóm tắt	vii
<b>1 Giới thiệu</b>	<b>1</b>
<b>2 Đánh giá tính hiệu lực, hiệu ích và công bằng của các cơ chế chia sẻ lợi ích: Khung phân tích và các nguồn số liệu</b>	<b>3</b>
<b>3 Khung quy định, các điều khoản pháp lý và các chủ đề thảo luận ảnh hưởng đến chia sẻ lợi ích từ REDD+</b>	<b>6</b>
<b>4 Các phương án cơ chế chia sẻ lợi ích</b>	<b>14</b>
4.1 Các phương án cho các cơ chế chia sẻ lợi ích theo chiều dọc	15
4.2 Các phương án cho các cơ chế chia sẻ lợi ích theo chiều ngang	21
<b>5 Phân quyền cho các bên tham gia trong các cơ chế chia sẻ lợi ích</b>	<b>23</b>
5.1 Phân bổ thẩm quyền và quyền kiểm soát trong các cơ quan chính phủ, các nhà tài trợ và các NGO	23
5.2 Chuyển giao quyền lực đến các cộng đồng địa phương	25
5.3 Mâu thuẫn giữa các quyền sử dụng chính thức và theo truyền thống	26
5.4 Lợi ích và động lực cho việc tham gia vào REDD+	27
<b>6 Đánh giá rủi ro</b>	<b>31</b>
6.1 Quyền sử dụng đất không rõ ràng và không ổn định	31
6.2 Một số bên không được đại diện đầy đủ	34
6.3 Thiếu cơ chế học hỏi chính sách	34
6.4 Ưu điểm và nhược điểm của phân quyền quản lý và chuyển giao quyền lực	35
6.5 Quy mô và các định nghĩa rừng	36
6.6 Các rủi ro gắn liền với các luận điểm chính sách	37
<b>7 Thảo luận</b>	<b>39</b>
<b>8 Kết luận</b>	<b>46</b>
<b>9 Tài liệu tham khảo</b>	<b>47</b>
<b>Phụ lục</b>	
1 Ý nghĩa của 3E đối với REDD+ tại 13 quốc gia	55
2 Các bên tham gia và quyền của họ	61

# Danh mục các bảng

## Bảng

1	Các luận điểm về chia sẻ lợi ích từ REDD+	4
2	Tổng quan về các chính sách và thực tiễn chia sẻ lợi ích từ REDD+ tại các quốc gia được nghiên cứu	7
3	Các chủ đề tranh luận thịnh hành tại các quốc gia	12
4	Phân bổ nguồn thu từ rừng nhượng quyền tại Indonesia	17
5	Lựa chọn tiếp cận về chia sẻ lợi ích trong các dự án	28
6	Các vấn đề về quyền sử dụng đất chính tại 13 quốc gia	32
7	Quản trị đa cấp và các rủi ro đối với chia sẻ lợi ích tại 13 quốc gia được nghiên cứu	36
8	Ý nghĩa của mỗi kiểu cơ chế chia sẻ lợi ích trong việc đạt tới các kết quả 3E của REDD+	40
9	Các yếu tố cần thiết và điều kiện thực tế để đạt được các yếu tố này tại 13 quốc gia	44

# Các từ viết tắt

3E	Hiệu lực (effectiveness), hiệu ích (efficiency) và công bằng (equity)
ABS	Tiếp cận và chia sẻ lợi ích
BNDES	Ngân hàng Phát triển Kinh tế Xã hội Quốc gia Brazil
C	Carbon
CBD	Công ước Đa dạng Sinh học
CBNRM	Quản lý Tài nguyên Thiên nhiên dựa vào Cộng đồng
CBFM	Quản lý Rừng dựa vào Cộng đồng
CER	Chứng chỉ giảm phát thải
CDM	Cơ chế Phát triển Sạch
CIFOR	Tổ chức Nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế
CODELT	Hội đồng Bảo vệ Môi trường qua Tính pháp lý và Truy xuất Nguồn gốc của Congo
COP	Hội nghị Các bên về Biến đổi khí hậu
CO <sub>2</sub>	Carbon dioxide
CSO	Tổ chức xã hội dân sự
CTF	Quỹ Ủy thác Bảo tồn
DR	Quỹ Trồng rừng Indonesia
DRC	Cộng hòa Dân chủ Congo
FIP	Chương trình Đầu tư Rừng
FLEGT	Thực thi Luật pháp, Quản trị và Kinh doanh Lâm nghiệp (Liên minh Châu Âu)
FONABOSQUE	Quỹ Phát triển Rừng Bolivia
FPIC	Đồng thuận dựa trên cơ sở tự nguyện và được cung cấp thông tin
GCS	Nghiên cứu So sánh Toàn cầu về REDD+ (CIFOR)
HH	Hộ gia đình
IHPH	Phí Nhượng quyền Khai thác Gỗ Indonesia
ICDP	Dự án Lồng ghép Bảo tồn và Phát triển
ITTO	Tổ chức Gỗ Nhiệt đới Quốc tế
JFM	Đồng quản lý rừng
LFA	Khu vực Rừng Địa phương, Papua New Guinea
MINEP	Bộ Môi trường và Bảo vệ Thiên nhiên, Cameroon
NGO	Tổ chức Phi Chính phủ
PAMs	Các Biện pháp và Chính sách
PES	Chi trả Dịch vụ Môi trường
PNG	Papua New Guinea
PROFONANPE	Quỹ Ủy thác về Vườn Quốc gia và Khu Bảo vệ của Peru
PSDH	Dự trữ Tài nguyên Rừng, Indonesia
PwC	PricewaterhouseCoopers
REDD	Giảm phát thải từ mất và suy thoái rừng
REDD+	Giảm phát thải từ mất và suy thoái rừng và cải thiện trữ lượng carbon rừng
UNFCCC	Công ước Khung của Liên hiệp quốc về Biến đổi Khí hậu
UN-REDD	Chương trình Hợp tác của Liên hiệp quốc về Giảm phát thải từ mất và suy thoái rừng tại các nước đang phát triển
SNV	Cơ quan Phát triển Hà Lan

# Lời cảm ơn

Nghiên cứu này là một phần trong chương trình Nghiên cứu So sánh Toàn cầu về REDD+ (GCS) của CIFOR do Liên minh Châu Âu, Norad, AusAID, và DFID tài trợ. Báo cáo này cũng là đóng góp đặc biệt của CIFOR cho dự án “Chia sẻ Lợi ích về REDD+” và Hợp phần số 6 của dự án “Tác động của Giảm Phát thải từ Mất và Suy thoái Rừng và Cải thiện Trữ lượng Carbon Rừng (I-REDD+)” đều do Liên minh Châu Âu tài trợ. Thông tin về chương trình này có thể tham khảo tại <http://www.i-redd.eu>.

Các tác giả của báo cáo này rất biết ơn nỗ lực nghiên cứu của rất nhiều cá nhân đã tham gia vào việc thiết kế phương pháp, thu thập và phân tích số liệu. Nếu không có sự tham gia, định hướng khoa học và điều phối tại các quốc gia của các nhà khoa học dưới đây, nghiên cứu này sẽ không thể hoàn thành: Phạm Thu Thủy (Nepal), Phạm Thu Thủy và Moira Moeliono (Việt Nam), Daju Resosudarmo và Moira Moeliono (Indonesia), Andrea Babon (Papua New Guinea), Peter Cronkleton (Bolivia), Mary Menton (Peru), Sven Wunder và Peter May (Brazil), Samuel Assembe và Jolien Schure (Cameroon), Samuel Assembe (Cộng hòa Dân chủ Congo), Salla Rantalla (Tanzania), Sheila Wertz-

Kanounnikoff (Mozambique), Suwadu Sakho-Jimbira (Burkina Faso) và Arild Angelsen (Na Uy). Đặc biệt nhóm tác giả xin được cảm ơn các đối tác tại các quốc gia nghiên cứu điểm đã giúp đỡ chúng tôi rất nhiều. Các đối tác quốc gia được nêu trên bao gồm Mạng lưới phát triển, giáo dục và xã hội (REDES), Trung tâm Nghiên cứu Phát triển (CEDLA), Công ty Truyền thông về Môi trường và Phát triển Libélula S.A.C. và Viện Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên (DAR), Viện nghiên cứu về Xóa đói Giảm nghèo (REPOA), Đại học Tổng hợp Eduardo Mondlane (UEM), Hội đồng Bảo vệ Môi trường qua Tính pháp lý và Truy xuất Nguồn gốc (CODELT), Trung tâm Luật Môi trường Indonesia (ICEL), Forest Action, Viện Quản lý Kinh tế Trung ương (CIEM), Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Vùng cao (CERDA), Đại học Tổng hợp Papua New Guinea (UPNG) Viện Nghiên cứu Quốc gia Papua New Guinea (NRI-PNG).

Chúng tôi cũng rất biết ơn các chuyên gia độc lập đã giúp đọc và thẩm định báo cáo này, đặc biệt là Thomas Sikor, He Jun và Louis Verchot, những người đã đóng góp những bình luận quan trọng và giá trị để hoàn thiện báo cáo.



# Tóm tắt

Báo cáo này cung cấp một cái nhìn trên phạm vi toàn cầu và một hồ sơ cập nhật về các cơ chế chia sẻ lợi ích của REDD+ cũng như phân tích các yếu tố kinh tế-chính trị có thể ảnh hưởng đến việc thiết kế và hình thành các cơ chế này. Phân tích được đưa ra chủ yếu dựa trên các cơ chế chia sẻ lợi ích hiện có cho REDD+ và quản lý rừng tự nhiên, cụ thể là các tiếp cận dựa trên hình thức quỹ, các công cụ thị trường, nhượng rừng, tiếp cận và chia sẻ lợi ích, và lâm nghiệp cộng đồng. Chúng tôi xây dựng báo cáo dựa trên kết quả phân tích theo bối cảnh tại 13 quốc gia: Bolivia, Brazil, Burkina Faso, Cameroon, Cộng hòa Dân chủ Congo, Indonesia, CHDCND Lào, Mozambique, Nepal, Papua New Guinea, Peru, Tanzania và Việt Nam. Các “hồ sơ quốc gia” được xây dựng từ năm 2009 đến năm 2012 trong khuôn khổ của nghiên cứu so sánh toàn cầu của CIFOR về REDD+. Không nằm ngoài dự đoán, kết quả phân tích của chúng tôi đã chỉ ra những thách thức to lớn trong việc thiết kế và thực hiện các cơ chế chia sẻ lợi ích nhằm đảm bảo tính hợp pháp và tính ứng dụng rộng rãi cho REDD+.

Các quốc gia được nghiên cứu hiện nay đã áp dụng nhiều phương án tiếp cận cũng như các lựa chọn chia sẻ lợi ích và hầu hết các phương án này được phát triển dựa trên các mô hình chia sẻ lợi ích quen thuộc với các quốc gia này. Ưu điểm của việc xây dựng dựa trên khuôn khổ pháp luật hiện hành là có thể giúp giảm chi phí của việc thiết lập và vận hành các thể chế mới liên quan đến chia sẻ lợi ích từ REDD+ và có sự ủng hộ chính trị cao hơn từ nhà nước. Tuy nhiên, tính hiệu lực, hiệu ích và công bằng (3E) của việc chia sẻ lợi ích phụ thuộc vào trách nhiệm giải trình, tính minh bạch và năng lực quản lý tài chính của nhà nước – vốn khá yếu ở hầu hết các quốc gia. Những thách thức thể chế và chính sách khác có thể ảnh hưởng tới việc thực hiện một cơ chế chia sẻ lợi ích hiệu quả là sự mâu thuẫn trong hệ thống pháp lý hiện hành, phân công trách nhiệm chồng chéo và việc thực hiện chính sách thiếu sự thống nhất giữa các cơ quan chính phủ, thực thi pháp luật còn yếu, kinh phí và nhân lực hạn chế, thiếu minh bạch, sự thâm tóm quyền lợi của các nhóm ưu thế và tham nhũng.

Hiện nay các nước nghiên cứu đang xây dựng chính sách và các bên có liên quan đang cần nhắc đưa ra nhiều quan điểm của mình dựa trên năm luận điểm liên quan đến việc ai đáng được hưởng lợi từ REDD+.

Luận điểm dựa trên khái niệm giá trị cho rằng lợi ích từ REDD+ phải được chia sẻ với các bên tham gia quan trọng đối với việc thực hiện REDD+, dù họ thuộc khu vực tư nhân, xã hội dân sự, chính quyền trung ương hay địa phương trên thực tế lại nhận được rất ít sự quan tâm ở các nước nghiên cứu. Điều này có thể giải thích là do sự không ổn định của các hệ thống quyền sử dụng đất hiện tại, trong đó các quyền hành chính và kiểm soát hầu như nằm trong tay của nhà nước và các nhóm có quyền lực. Thực tế này hạn chế khả năng tạo ảnh hưởng đến việc sử dụng đất hay đến các quyết định liên quan tới lợi ích từ REDD+ của các cộng đồng địa phương và các bên tham gia khác không thuộc nhà nước.

Trong các thảo luận khác về công bằng, quan điểm “lợi ích sẽ thuộc về người có quyền pháp lý” và “lợi ích thuộc về nhóm phải bỏ ra các chi phí” dường như là vấn đề được quan tâm nhiều nhất tại tất cả các quốc gia. Ngược lại, luận điểm “lợi ích thuộc về nhóm có tiềm năng giảm phát thải” lại ít nhận được sự quan tâm của cả các chính phủ cũng như những người phát triển các dự án REDD+, mặc dù vấn đề này thường được xác định là vấn đề cần phải ưu tiên trong các tranh luận và diễn đàn quốc tế về chia sẻ lợi ích từ REDD+. Sự thiếu nhất quán này cho thấy những người phát triển các dự án REDD+ cần phải chú ý hơn nữa đến quyền của các nhóm bản địa và các nhóm người vốn đã có lịch sử tham gia vào công tác quản lý rừng, đồng thời cho thấy các dự án này có thể sẽ gặp rắc rối để đạt được tính hợp pháp nếu các tranh tụng (hiện hữu hoặc tiềm tàng) với cộng đồng bản địa không được giải quyết. Việc tách rời các nhóm này ra khỏi quá trình chia sẻ lợi ích liên quan đến REDD+ có thể tạo ra các tác động xấu đối với nỗ lực giảm phát thải.

Với mục tiêu hỗ trợ việc phát triển các cơ chế chia sẻ lợi ích 3E tại các quốc gia, báo cáo này chỉ rõ các mối nguy cơ sau đi kèm với từng chủ đề tranh luận và các cơ chế chia sẻ lợi ích đang được đề xuất:

- quyền sử dụng đất không rõ ràng và không chắc chắn;
- thiếu tính đại diện của các nhóm liên quan cụ thể;
- thiếu sự cân nhắc và học hỏi từ các sai lầm và bài học kinh nghiệm trong quá khứ;
- thiếu các cơ chế học hỏi về chính sách trong các ngành, các cấp và theo thời gian;

- ưu điểm và nhược điểm của phân cấp quản lý và chuyển giao quyền lực cho địa phương; và
- việc hiểu và diễn giải về quy mô và các định nghĩa về ‘rừng’.

Để giảm thiểu các nguy cơ trên, cần phải cải thiện sự phối hợp giữa các bên, công tác thực thi luật pháp được tiến hành tốt hơn, có các hướng dẫn và giám sát các dòng tài chính rõ ràng, cải thiện việc trao đổi thông tin và năng lực của các bên tham gia. Liệu REDD+ có thể là chất xúc tác cho các thay đổi hay không phụ thuộc một phần vào việc chia sẻ chi phí và lợi ích từ REDD+ được thực hiện thế nào, và liệu các lợi ích này có đủ để

tạo ra các thay đổi về hành vi và chính sách thủ cựu ở tất cả các cấp chính quyền.

Việc thiết kế và thực hiện thành công các cơ chế chia sẻ lợi ích – và cùng với đó là tính hợp pháp và khả năng được chấp nhận của REDD+ – phụ thuộc vào việc phải có các mục tiêu rõ ràng, một quy trình ra quyết định công bằng có sự tham gia của các bên; đồng thời cũng cần phải có các phân tích cụ thể cho từng phương án chia sẻ lợi ích và tiềm năng ảnh hưởng của các phương án này lên cả đối tượng hưởng lợi và cả các nỗ lực giảm thiểu biến đổi khí hậu.

# 1. Giới thiệu

Giảm phát thải từ mất và suy thoái rừng (REDD+) nổi lên như một cơ chế đầy hứa hẹn cho việc giảm thiểu phát thải trong ngành lâm nghiệp và hỗ trợ quản trị rừng tốt hơn. Tuy nhiên, mặc dù cơ chế đã được chính thức công nhận kể từ kỳ Hội nghị Các bên lần thứ 15 của Công ước Khung của Liên hiệp quốc về Biến đổi Khí hậu (UNFCCC COP 15, Copenhagen, tháng 12/2009), rất nhiều câu hỏi về việc thiết kế và thực hiện các chương trình REDD+ quốc gia hiện vẫn chưa có lời giải. Thậm chí tại COP 18 (Doha, tháng 11/2012), các bên vẫn bị vướng với các vấn đề liên quan đến giám sát, báo cáo và kiểm chứng, các mức tham chiếu, tài chính bền vững cho REDD+, và hiệu lực, công bằng và hiệu quả (3E) trong phân bổ lợi ích (PwC 2012; Wertz-Kanounnikoff & Angelsen 2009). Nhất là các vấn đề về chia sẻ lợi ích nhận được sự quan tâm đáng kể từ cả các nhà hoạch định chính sách và các cộng đồng địa phương. Và điều rõ ràng là sự thành công của REDD+ (trong việc đạt được hiệu lực, hiệu quả và công bằng) sẽ phụ thuộc rất nhiều vào việc thiết kế và thực hiện các cơ chế chia sẻ lợi ích sẽ được vận hành ở tất cả các cấp độ quản trị.

Sự thừa nhận tầm quan trọng của chia sẻ lợi ích đối với tài nguyên thiên nhiên lần đầu tiên được chính thức hóa trong điều luật quốc tế vào năm 1992 qua Công ước Đa dạng Sinh học (CBD), một bước tiến tại thời điểm đó và được trông đợi sẽ giúp giải quyết các vấn đề về quản trị các hệ thống sinh thái kinh tế - xã hội ở các quốc gia đang phát triển (Nkhata *et al.* 2012a). Khái niệm “chia sẻ lợi ích” đã dần được phát triển và hoàn thiện từ thời điểm đó. Trong khi ban đầu chia sẻ lợi ích chỉ được hiểu trên phương diện phân chia các lợi ích tài chính, thì cho tới nay khái niệm này ngày càng được mở rộng để bao hàm các yếu tố như nhiệm vụ giải trình và trách nhiệm xã hội. Trong bối cảnh REDD+, chia sẻ lợi ích liên quan đến việc phân bổ các lợi ích cả bằng tiền và phi tiền tệ thu được qua việc thực hiện các dự án REDD+. Các lợi ích phi tiền tệ – là các lợi ích không dễ định lượng hoặc quy đổi thành tiền tệ - bao gồm việc quản trị được cải thiện (ví dụ, củng cố hệ thống quyền sử dụng đất và thực thi pháp luật), chuyển giao công nghệ, cải thiện sự tham gia trong quá trình ra quyết định, cung cấp cơ sở hạ tầng, và nhiều lợi ích khác. Hơn thế nữa, việc thực hiện REDD+ có thể không chỉ có việc thu trực tiếp các khoản chi trả tài chính mà còn bao gồm cả các chi phí cho việc thực hiện. Hai dạng chi phí chính bao gồm 1) chi phí thực hiện và chi phí giao dịch, nghĩa là các khoản chi trực

tiếp phục vụ cho việc thiết lập hệ thống REDD+ và thực hiện các chính sách cần thiết; và 2) chi phí cơ hội, hoặc chi phí thay thế bởi việc bỏ qua lợi nhuận từ việc sử dụng rừng hay sử dụng đất. Do vậy, việc hiểu “lợi ích” từ REDD+ đòi hỏi phải hiểu đầy đủ cả chi phí và lợi ích liên quan.

Tương tự, có rất nhiều hạng mục lợi ích. Luttrell *et al.* (2013) phân chia thành ba dạng chính của lợi ích (ròng): 1) lợi ích (ròng) từ việc thực hiện một dự án, chương trình hay chính sách REDD+; 2) lợi ích (ròng) từ việc thay đổi hình thức sử dụng rừng (ví dụ, tăng cường cung cấp dịch vụ môi trường và lâm sản ngoài gỗ); và 3) lợi ích (ròng) gián tiếp từ việc thực hiện REDD+ (ví dụ, quản trị được cải thiện, chuyển giao công nghệ, cải thiện sự tham gia trong quá trình ra quyết định, và cung cấp cơ sở hạ tầng).

Các cơ chế chia sẻ lợi ích bao gồm hàng loạt các phương tiện thể chế, các cấu trúc và công cụ quản trị để phân bổ tài chính và các lợi ích khác (Luttrell *et al.* 2012, 2013; Vhugen & Miner 2011). Theo UNFCCC (2007), các cơ chế chia sẻ lợi ích được thiết lập thông qua các Chính sách và Biện pháp (được gọi là PAM) của REDD+. Hai dạng PAM liên quan đến các cơ chế chia sẻ lợi ích là 1) bồi hoàn cho các chi phí cơ hội bị bỏ qua nếu mất rừng diễn ra và 2) các động cơ/cơ chế thúc đẩy tích cực dẫn đến các lựa chọn hành vi (Brown *et al.* 2008; Peskett *et al.* 2008). Cả hai dạng PAM này đều có thể được triển khai trước để các hoạt động REDD+ có thể khởi động, hoặc triển khai dần theo thời gian để đảm bảo tính liên tục của chúng (Gebara 2010).

Các cơ chế chia sẻ lợi ích có thể tổ chức theo hai trục chính: một *trục tung (chiều dọc)* gồm chia sẻ lợi ích ở các cấp độ từ quốc gia đến địa phương, và một *trục hoành (chiều ngang)* gồm chia sẻ ở từng cấp độ, bao gồm chia sẻ trong cộng đồng, giữa các hộ gia đình và các bên liên quan tại địa phương (Lindhjem *et al.* 2010; UN-REDD 2011), hoặc chia sẻ ngang ở cấp độ quốc gia hoặc khu vực. Tất cả các yếu tố theo chiều dọc và chiều ngang của một cơ chế chia sẻ lợi ích cần phải được thiết kế để 1) tối đa hóa tính công bằng đối với các bên chịu trách nhiệm liên quan đến giảm mất rừng và suy thoái rừng, 2) cải thiện tính hiệu quả của công tác quản lý rừng và 3) nâng cao hiệu quả của các chương trình trong quốc gia và cấp tỉnh (chủ yếu là nhằm giảm chi phí thực hiện và chi phí gián tiếp)

(Brockhaus *et al.* 2013). Tuy nhiên, các mục tiêu công bằng, hiệu lực và hiệu quả (3E) có thể có mâu thuẫn, do vậy cần phải có sự thỏa hiệp giữa các mục tiêu, đặc biệt là khi sự cân bằng này liên quan đến các khía cạnh thể chế và quan hệ quyền lực (Pascual *et al.* 2010). Một câu hỏi lớn là làm thế nào để cân bằng sự kỳ vọng và các kết quả đầu ra trong các trường hợp cụ thể của quốc gia (Brockhaus *et al.* 2013).

Giai đoạn thực hiện REDD+ cũng có ảnh hưởng đến dạng thức của cơ chế chia sẻ lợi ích được đưa ra. Hầu hết các quốc gia hoặc đang ở trong Giai đoạn 1 của REDD+ (chuẩn bị và xây dựng năng lực) hoặc đang chuyển tiếp từ Giai đoạn 1 sang Giai đoạn 2 (thực hiện các chính sách và biện pháp). PwC (2012) khuyến nghị là các cơ chế chia sẻ lợi ích dựa trên đóng góp đầu vào tỏ ra phù hợp hơn trong các giai đoạn sớm của REDD+, còn các cơ chế chia sẻ lợi ích dựa trên hiệu suất thực hiện sẽ phù hợp hơn với Giai đoạn 3.

Các cơ chế dựa trên đóng góp đầu vào là quá trình người hưởng lợi đồng ý hoặc trì hoãn thực hiện các hoạt động cụ thể với nhóm quản lý chia sẻ lợi ích để đổi lại bằng các hình thức chi trả trước hoặc bằng tiền hoặc phi tiền tệ. Dưới hình thức này sẽ “không cần có mối liên hệ nào giữa việc phân bổ lợi ích này với hiệu suất quản lý rừng có thể đo đếm được trong tương lai” (Behr 2012, p. 15). Theo các cơ chế chi trả dựa trên kết quả, việc phân bổ lợi ích sẽ mang tính điều kiện và bên hưởng lợi (ví dụ, các nhóm cộng đồng) chỉ được nhận chi trả khi đã đạt được những mục tiêu đã được định trước, và có thể đo đếm được cũng như kiểm chứng được (ví dụ, đã phục hồi hay bảo vệ X héc ta rừng). Cơ chế này nói chung thường liên hệ đến chi trả dựa trên thị trường. Đến nay, các cơ chế chi trả dựa trên kết quả mới chỉ đang được chính thức hóa thành tiếp cận quốc gia về chia sẻ lợi ích (ví dụ, qua các chương trình PES) tại Việt Nam và Brazil. Các quốc gia khác đang gặp khó khăn trong việc xác định các chỉ số kết quả có thể đo đếm và kiểm chứng được (Wertz-Kanounnikoff & McNeill 2012). Ở cấp độ toàn cầu, các tranh luận cũng đang bị sa lầy ở vấn đề tính có thể kiểm chứng được.

Việc thiết lập các cơ chế chia sẻ lợi ích, qua đó có thể đồng thời khuyến khích cải thiện quản lý rừng và mang lại lợi ích cho các nhóm tham gia phù hợp, trong đó có các cộng đồng địa phương, là một thách thức do có quá nhiều kiểu bên tham gia, sự đa dạng của các mục tiêu khác nhau, tính phức tạp của các mối quan hệ đối tác và các cơ chế chia sẻ lợi ích (World Bank 2009). Các cơ chế chia sẻ lợi ích từ REDD+ có thể được xây dựng từ cấp độ địa phương giữa các công ty tư nhân và các cộng đồng cho đến các cơ chế chi trả công ở cấp độ quốc gia.

Có rất nhiều các nghiên cứu về các cơ chế chia sẻ lợi ích tiềm năng có thể áp dụng cho REDD+. Ví dụ, Lindhjem *et al.* (2010) đánh giá các cơ chế chia sẻ lợi ích trong lĩnh vực sử dụng tài nguyên thiên nhiên tại các quốc gia thực hiện REDD+ trong tương lai về khía cạnh tiềm năng của các cơ chế này trong việc đạt được các kết quả 3E và áp dụng trong thực hiện REDD+. Vatn & Vedled (2011) và Vatn & Angelsen (2009) đưa ra một phân tích lý thuyết về các cơ chế chia sẻ lợi ích, trong khi Costenbader (2011) sử dụng các nghiên cứu điểm để đánh giá ba công cụ quản lý rừng về khả năng ứng dụng tiềm năng của chúng trong REDD+. Tuy nhiên, các nghiên cứu hiện đều có hạn chế ở chỗ chưa đưa ra một phân tích so sánh toàn cầu về các chính sách REDD+ và các mối quan tâm về kinh tế-chính trị ở cấp quốc gia có thể giúp cải thiện hay gây cản trở cho tính hiệu lực, hiệu quả và công bằng trong chia sẻ lợi ích ở các quốc gia.

Hơn nữa, mặc dù việc thiết kế các cơ chế chia sẻ lợi ích dường như được coi trọng trong các chương trình nghị sự về chính sách, nhưng có tương đối ít nghiên cứu để xác định các nguyên tắc kinh tế-chính trị cơ bản với vai trò là gốc rễ của các chính sách và tiếp cận chia sẻ lợi ích hiện tại (Nkhata *et al.* 2012a). Do vậy, báo cáo này được xây dựng dựa trên một nghiên cứu về chính sách REDD+ tại 13 quốc gia nhằm đưa ra một hồ sơ tổng quan và cập nhật về các cơ chế chia sẻ lợi ích từ REDD+ và phân tích các yếu tố kinh tế-chính trị có thể ảnh hưởng đến việc thiết kế và thiết lập. Xem xét các cơ chế này qua lăng kính 3E, chúng tôi cũng xác định một số nguy cơ đi kèm đối với các kết quả REDD+; nghĩa là, chúng tôi đánh giá các cơ chế trên quan điểm REDD+ không chỉ giúp giảm phát thải (hiệu lực) với chi phí thấp nhất (hiệu ích), mà phải giảm các đánh đổi không mong muốn về xã hội và sinh thái (công bằng và đạt được đồng lợi ích) (Angelsen *et al.* 2009).

Phần 2 của báo cáo này sẽ giới thiệu tổng quan khung phân tích được sử dụng để tổ chức số liệu. Tiếp theo đó chúng tôi sẽ xem xét và rà soát khung pháp lý và các tranh luận nổi bật liên quan đến chia sẻ lợi ích các quốc gia được nghiên cứu (Phần 3), loại hình của các cơ chế chia sẻ lợi ích từ REDD+ hiện có hoặc đang được đề xuất (Phần 4) và thảo luận về các quyền mà các bên tham gia chính đang nắm giữ (Phần 5). Trong Phần 6, chúng tôi đánh giá các nguy cơ có thể phát sinh từ các cơ chế hiện có hoặc đang được đề xuất đối với việc hiện thực hóa các kết quả 3E từ REDD+. Kết thúc báo cáo là một thảo luận (Phần 7) về các chiến lược tiềm năng của việc sử dụng các cơ chế chia sẻ lợi ích để đạt được các tiêu chí 3E từ REDD+.

## 2. Đánh giá tính hiệu lực, hiệu ích và công bằng của các cơ chế chia sẻ lợi ích: Khung phân tích và các nguồn số liệu

Khung phân tích được trình bày trong phần này mô tả các tiếp cận chủ đạo làm định hướng cho việc rà soát tài liệu của chúng tôi trong các nghiên cứu các cơ chế chia sẻ lợi ích từ REDD+ tại 13 quốc gia có các dự án REDD+ đang được thực hiện hoặc đã được lên kế hoạch: Bolivia, Brazil, Burkina Faso, Cameroon, Cộng hòa Dân chủ Congo (DRC), Indonesia, CHDCND Lào, Mozambique, Nepal, Papua New Guinea (PNG), Peru, Tanzania và Việt Nam.

Chúng tôi bắt đầu với giả thiết là các yếu tố kinh tế chính trị cơ bản định hướng cho việc thiết kế các cơ chế chia sẻ lợi ích từ REDD+, nhất là với thực tế REDD+ sẽ được thực hiện trong các bối cảnh rất khác nhau với các hoạt động trải dài ở các cấp độ (ví dụ, từ những thay đổi trong chính sách quốc gia đến các hành động trực tiếp tại các khu cụ thể). Sự tương tác phức tạp giữa các bối cảnh đa cấp độ đó có thể tạo ra những ảnh hưởng đáng kể đến các kết quả của REDD+ và các cơ chế chia sẻ lợi ích của nó. Do vậy, trọng tâm của nghiên cứu này là xác định điều kiện cho phép cần thiết để các chương trình REDD+ đạt được thành công và các yếu tố có thể dẫn đến thất bại của các chương trình này.

Bước đầu tiên của phân tích này là rà soát *khung pháp lý và quy định về chia sẻ lợi ích từ REDD+* (Phần 3). Mục tiêu của phần này là cung cấp một cái nhìn toàn cảnh về cả các điều kiện thuận lợi và các trở ngại đối với việc đạt được các kết quả 3E từ REDD+, cũng như để hiểu các trông đợi về REDD+ tại mỗi quốc gia. Angelsen *et al.* (2009) khuyến nghị là các chính sách REDD+ cần được đánh giá theo các tiêu chí 3E: tính hiệu lực để cập đến mức độ giảm phát thải đạt được nhờ các hành động REDD+; tính hiệu ích để cập đến chi phí tối thiểu để đạt được mức giảm này; và tính công bằng để cập đến vấn đề phân bổ các chi phí và lợi ích đi kèm, vấn đề thủ tục đối với việc ra quyết định có sự tham gia và các bối cảnh cụ thể định hình nhận thức của các bên liên quan về tính công bằng. Chúng tôi xem xét số liệu của mình qua lăng kính phân tích này.

Trong báo cáo này, chúng tôi cho rằng sự thành công hay thất bại trong việc đạt được 3E trong REDD+ nói chung và trong cơ chế chia sẻ lợi ích nói riêng được

xác định không chỉ phụ thuộc vào các chính sách và khung pháp lý chia sẻ lợi ích hiện tại. Trên thực tế, các yếu tố khác cũng gây ảnh hưởng mạnh mẽ, chẳng hạn như cam kết chính trị, năng lực tham gia và phối hợp của các bên liên quan, quan điểm và ưu tiên của các bên tham gia ở tầm chính sách về tầm quan trọng của 3E, và các tranh luận cụ thể định hình nên những gì được coi là các lựa chọn chính sách được trông đợi hoặc khả thi (Hajer 1996). Chắc chắn, quan điểm như vậy sẽ thêm sắc màu cho các *tranh luận hiện tại* xung quanh vấn đề “ai sẽ được hưởng lợi từ REDD+ và tại sao”, cũng như các ưu tiên cơ bản, các mối quan tâm và mục tiêu có khả năng sẽ gây mâu thuẫn giữa chính phủ và các bên liên quan ở các cấp độ khác nhau. Vì vậy, chúng tôi cũng áp dụng khung đề xuất được nêu trong Luttrell *et al.* (2012), trong đó xác định năm vấn đề nổi bật định hình các tranh luận về việc ai nên được hưởng lợi từ REDD+ (Bảng 1).

Sau đó, chúng tôi rà soát các cách tiếp cận hiện có về chia sẻ lợi ích được sử dụng trong các dự án thử nghiệm REDD+, các chính sách REDD+ và các dự án lâm nghiệp có liên quan khác để có thể đưa ra các bài học cho các nỗ lực trong tương lai và tạo nền tảng cho việc quản lý thích ứng các chính sách (Phần 4). Do hầu hết các nước hiện tại vẫn chưa có các chương trình REDD+ quốc gia, chúng tôi phân tích các cơ chế chia sẻ lợi ích trong các lĩnh vực khác nếu phù hợp. Trong các kiểu mô hình chia sẻ lợi ích liên quan đến REDD+ và quản lý tài nguyên thiên nhiên mà chúng tôi xác định, chúng tôi lựa chọn rà soát các tiếp cận dựa trên hình thức quỹ, nhượng quyền rừng, quản lý rừng dựa vào cộng đồng và quản lý rừng liên kết, các công cụ dựa vào thị trường, và tiếp cận và chia sẻ lợi ích để rút ra các bài học về hình thức nào có thể hoặc không thể áp dụng tại 13 quốc gia. Cân nhắc các trực giác và trực giác của các cơ chế chia sẻ lợi ích được đề cập ở phần trước (Lindhjem *et al.* 2010), chúng tôi phân tích hai bộ phương án bố trí quản trị: một là kênh rót kinh phí REDD+ từ cấp trung ương đến địa phương, và hai là phân bổ lợi ích trong các tổ chức và các cộng đồng. Chúng tôi cố gắng tối đa để phân biệt rạch ròi hai kiểu phương án này nếu có thể, tuy nhiên luôn nhận thức được là nhiều phương án có thể sử dụng cả cho các cơ chế theo chiều dọc và chiều ngang.

**Bảng 1. Các luận điểm về chia sẻ lợi ích từ REDD+**

<b>Luận điểm</b>	<b>Vấn đề tranh luận chính</b>
Tính hiệu lực và hiệu ích	Lợi ích cần được sử dụng như một động cơ thúc đẩy việc giảm phát thải và phải được chia sẻ đến các bên tham gia đóng góp vào sự giảm phát thải này
Luận điểm công bằng I: Lợi ích phải được chia sẻ cho người có quyền hợp pháp	Do thiếu các quyền được xác định rõ ràng đối với hấp thụ và tích trữ carbon, các chế độ về quyền sử dụng đất và rừng hiện tại và các công cụ chính sách hiện có đối với chia sẻ lợi ích từ rừng có thể đóng vai trò là cơ sở cho việc phân bổ chi trả về giảm phát thải carbon. Tuy nhiên, quyền sở hữu đối với đất hay cây gỗ trên đất không đảm bảo quyền hợp pháp của người sở hữu đối với các lợi ích thu được từ hấp thụ carbon hoặc giảm phát thải carbon (Peskett & Brodnig 2011).
Luận điểm công bằng II: Lợi ích phải được chia sẻ cho nhóm quản lý rừng ít phát thải	Lợi ích cần phải được chia sẻ không chỉ cho các bên tham gia giảm phát thải carbon mà cả các nhóm bản địa hoặc các nhóm sử dụng rừng khác được ghi nhận là có trách nhiệm quản lý rừng. Theo quan điểm này, lợi ích thu được từ REDD+ đầu tiên phải được sử dụng để ghi nhận các nỗ lực bảo vệ rừng trong quá khứ và khuyến khích việc tiếp tục bảo vệ rừng. Theo cách tiếp cận này, một cộng đồng có các quyền theo luật tục mặc dù không được công nhận theo pháp luật nhưng họ đã bảo vệ các vùng rừng sẽ có quyền đòi hỏi được hưởng lợi từ REDD+.
Luận điểm công bằng III: Lợi ích phải được chia sẻ cho người phải chịu chi phí	Các bên phải gánh chịu chi phí thực hiện, chi phí gián tiếp và chi phí cơ hội cần được bồi hoàn mà không tính đến việc lượng phát thải carbon trong phạm vi trách nhiệm của nhóm đối tượng trên (nghĩa là, phân bổ lợi ích phải tương xứng với đóng góp đầu vào). Đóng góp đầu vào để xác định và đo đếm hơn so với sự giảm phát thải và các chi phí cơ hội đi kèm. Cách tiếp cận này thừa nhận nhu cầu phải đưa cho các bên những động cơ khuyến khích để họ tham gia vào các giai đoạn sớm của thực hiện REDD+.
Luận điểm công bằng IV: Lợi ích phải được chia sẻ cho các nhóm điều phối hiệu quả việc thực hiện REDD+	Một phần lợi ích từ REDD+ cần phải được chia cho các bên đóng vai trò quan trọng trong việc tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện REDD+, ví dụ các tổ chức có công phát triển dự án và các cơ quan chính phủ.

Nguồn: Luttrell et al. (2012)

Tiếp theo đây chúng tôi xem xét các cấu trúc quyền trong REDD+ (Phần 5) được Ostrom (1976) xác định là phương thức các nhóm nắm quyền cụ thể sẽ quyết định hoạt động nào là được phép, và qua đó, sẽ được hưởng các lợi ích thu được từ rừng và đất. Chúng tôi xem xét các hệ thống quyền (ai có quyền gì đối với tài nguyên nào) tại 13 quốc gia được nghiên cứu, với hai mục đích chính: 1) lập sơ đồ các hệ thống quyền khác nhau trong các thảo luận về tính công bằng và 2) để hiểu xem liệu có thể hay không, hoặc nếu có thì làm thế nào, để xây dựng các cơ chế chia sẻ lợi ích hiện có hoặc đang được đề xuất trên nền tảng của các cấu trúc quyền (và các thể chế quản trị) hiện tại. Từ kết quả thu được qua phân tích này, chúng tôi có thể kiểm tra tính hiệu lực của các cơ chế chia sẻ lợi ích cụ thể trong các cấu trúc quyền được xem xét.

Để hỗ trợ cho công việc phân tích, chúng tôi sử dụng hệ thống phân loại quyền sở hữu mới được phát triển bởi Sikor *et al.* (2012) dựa trên phân loại ban đầu của Schlager & Ostrom (1992), với sự phân biệt giữa quyền sử dụng, quyền kiểm soát và quyền có thẩm

quyền. Quyền sử dụng bao gồm các quyền được thụ hưởng các lợi ích có liên quan (ví dụ, ai được cấp phép khai thác bao nhiêu gỗ từ một khu rừng, hay ai được coi là người sử dụng hợp pháp đất rừng để trồng cây lương thực). Quyền kiểm soát bao gồm các quyền được phép xác định quyền sử dụng (ví dụ, xác định xem bên tham gia nào được phép hoặc không được phép thụ hưởng các lợi ích có liên quan). Quyền có thẩm quyền bao gồm các quyền xác định quyền kiểm soát (ví dụ, quyền được ấn định quyền kiểm soát cho các bên cụ thể, đơn cử như ủy quyền thực hiện các giao dịch tài chính cho một ngân hàng nào đó). Do việc chi trả thường dựa trên các hoạt động sử dụng đất cụ thể, một bốn phận cơ bản của người cung cấp dịch vụ là thực hiện đầy đủ quyền sở hữu hoặc kiểm soát đối với đất đai của mình để đảm bảo cung cấp được dịch vụ (quyền sở hữu). Rõ ràng là đối với việc cung cấp dịch vụ, tùy thuộc vào các trường hợp cụ thể, một số quyền sẽ quan trọng hơn so với các quyền khác (Thomas *et al.* 2010). Do việc phân quyền hoặc do bản chất của các loại quyền cụ thể sẽ xác định xem lợi ích nào sẽ được chia sẻ và chia sẻ ra sao, việc phân tích riêng từng loại

quyền đối với mỗi loại lợi ích là rất quan trọng. Khi đã xác định được các bên tham gia và các quyền của họ trong nhiều hệ thống chia sẻ lợi ích khác nhau, chúng ta có thể đặt ra câu hỏi liệu các hệ thống chia sẻ lợi ích hiện tại có đưa ra đủ động cơ để khuyến khích các bên liên quan tại mỗi quốc gia, và liệu các hệ thống này đã công bằng và hiệu quả hay chưa.

Bước cuối cùng trong quá trình phân tích của chúng tôi là đánh giá tổng thể các thông tin đa cấp độ thu được từ các phân tích nói trên. Chúng tôi đánh giá xem liệu các cơ chế chia sẻ lợi ích tại mỗi trong 13 quốc gia đã công bằng (hay hợp lý) hay chưa, có đủ hiệu lực và hiệu quả hay không và xem xét các nguy cơ đối với REDD+ (Phần 6). Trong phần cuối cùng (Phần 7), chúng tôi xác định các cơ hội đối với các cơ chế chia sẻ lợi ích từ REDD+ trong bối cảnh phải đối mặt với các nguy cơ và đưa ra một số khuyến nghị cho các giai đoạn tiếp theo.

Kết quả của báo cáo này được chúng tôi rút ra chủ yếu từ những phát hiện trong các hồ sơ quốc gia đã được xây dựng từ năm 2009 đến năm 2012 trong khuôn khổ của nghiên cứu so sánh toàn cầu về REDD+ (GCS)

của CIFOR (Brockhaus & Di Gregorio 2012). Mỗi hồ sơ quốc gia bao gồm một phân tích về bối cảnh kinh tế-chính trị và thể chế trong đó có vấn đề REDD+ đang nổi lên và một mô tả sâu các bối cảnh quốc gia có liên quan đến REDD+, các lựa chọn chính sách cho REDD+ đang được thảo luận và một tổng quan về các động thái chính sách định hình các vấn đề và thách thức tại các quốc gia. Phương pháp chính để thu thập thông tin mà CIFOR và các đối tác tại các quốc gia sử dụng bao gồm rà soát bao quát nhiều nguồn tài liệu, thực hiện các cuộc phỏng vấn chuyên gia và tổ chức hội thảo tham vấn. Các hồ sơ quốc gia được xây dựng theo mẫu hướng dẫn được chuẩn hóa để hỗ trợ cho việc so sánh giữa các quốc gia (Brockhaus *et al.* 2012). Nguồn số liệu quan trọng thứ hai về các dự án REDD+ được lấy từ Hợp phần 2 của GCS. Hợp phần này có nhiệm vụ xác định các thể chế và các bố trí kỹ thuật để thực hiện REDD+ nhằm đạt được các kết quả 3E. Kết quả ban đầu của nghiên cứu về các điểm thực hiện dự án REDD+ được công bố trong Luttrell *et al.* (2012). Ngoài ra, chúng tôi cũng thu thập thông tin từ nhiều nghiên cứu khác và từ các báo cáo của các dự án liên quan đến chia sẻ lợi ích từ REDD+ trên toàn cầu.

### 3. Khung quy định, các điều khoản pháp lý và các chủ đề thảo luận ảnh hưởng đến chia sẻ lợi ích từ REDD+

- Chỉ có 4 quốc gia (Việt Nam, Indonesia, Brazil và Tanzania) có các chương trình/chiến lược REDD+ quốc gia quy định việc phân bổ tài chính từ REDD+.
- Các tiếp cận và phương án chia sẻ lợi ích khác nhau đang được từng quốc gia cân nhắc và đều có xu thế xây dựng dựa trên nền tảng các mô hình chia sẻ lợi ích hiện có và quen thuộc nhất trong bối cảnh quốc gia. Một mặt, xây dựng trên nền tảng (hoặc nâng cấp từ) các khung pháp lý hiện có có thể giúp giảm chi phí cho việc thiết lập và vận hành các thể chế mới và dễ nhận được ủng hộ chính trị từ phía nhà nước. Nhưng xét về khía cạnh khác, tính hiệu lực, hiệu quả và công bằng của các tiếp cận này sẽ phụ thuộc vào trách nhiệm giải trình, tính minh bạch và năng lực quản lý tài chính của nhà nước – vốn là vấn đề tương đối yếu ở hầu hết 13 quốc gia.
- Quyền đối với carbon và quyền sử dụng carbon là khái niệm rất non trẻ và hầu như không có khung pháp lý và hướng dẫn về lĩnh vực này. Điều này gây cản trở đối với việc thiết kế và thực hiện các cơ chế chia sẻ lợi ích, do không thể xác định rõ ràng ai sẽ xứng đáng được nhận các khoản chi trả từ REDD+.
- Mâu thuẫn về lợi ích, vốn rất phổ biến tại các quốc gia được nghiên cứu, đã làm trì hoãn việc thực hiện các chính sách REDD+. Các thảo luận về chia sẻ lợi ích từ REDD+ có đặc trưng là có rất ít sự tương tác giữa các ngành.
- Việc thiết kế và thực hiện các chính sách đối với REDD+ và đối với các cơ chế chia sẻ lợi ích bị sa lầy tại hầu hết các quốc gia được nghiên cứu do các điều khoản pháp lý mâu thuẫn, chức năng chồng chéo và việc thực hiện thiếu nhất quán giữa các cơ quan chính phủ, thực thi pháp luật không đủ mạnh, tài lực và nhân lực hạn chế, thiếu sự minh bạch, sự thâm tóm quyền lợi của nhóm ưu thế và tham nhũng không được kiểm soát.
- Tiếp cận chia sẻ lợi ích được đề xuất là rất đa dạng – hầu hết là các phương án hỗn hợp – có nghĩa là các thảo luận về chia sẻ lợi ích cũng rất phức tạp. Tuy nhiên, tại hầu hết các quốc gia, chúng tôi nhận thấy có sự đồng thuận tương đối cao trên các nguyên tắc chung về tính hiệu lực và hiệu quả của REDD+. Trong khi đó, các quốc gia lại rất khác nhau trong cách nhìn nhận tầm quan trọng của khía cạnh công bằng trong chia sẻ lợi ích.

Các khung pháp lý và quy định định hình bối cảnh quốc gia cho REDD+. Một chính phủ sẽ có nhiều khả năng thiết kế một khung pháp lý rõ ràng hơn cho cơ chế chia sẻ lợi ích với đối tượng hưởng lợi nếu các mục tiêu của REDD+ đã được làm rõ (Luttrell *et al.* 2012). Tuy nhiên, ngoại trừ Tanzania, Brazil, Việt Nam và Indonesia đã thông qua các chiến lược REDD+ quốc gia, trong đó đã xác định mục tiêu tổng thể và tầm nhìn cho một cơ chế chia sẻ lợi ích quốc gia, tại chín quốc gia còn lại, chia sẻ lợi ích vẫn còn là khái niệm trừu tượng và đang trong giai đoạn thí điểm (Bảng 2).

Có rất nhiều kiểu tiếp cận chia sẻ lợi ích đã được ghi nhận tại 13 quốc gia (Bảng 2). Ví dụ, cơ chế cấp vốn cho REDD+ được đề xuất tại Brazil bao gồm các

khoản trao tặng tự nguyện, các khoản vay (nợ), cổ phiếu, nợ không thể chấp và ngân sách công (May *et al.* 2011). Các chiến lược REDD+ quốc gia thiết lập Quỹ Ủy thác REDD Quốc gia tại Tanzania và Việt Nam, trong đó, mọi khoản thu được nhận về như các khoản tài trợ và được gửi trực tiếp vào một tài khoản ủy thác (Chính phủ Việt Nam 2012; Jambiya *et al.* 2012).

Ở hầu hết các quốc gia, các tiếp cận và các phương án đang được cân nhắc có xu thế được phát triển dựa trên các mô hình chia sẻ lợi ích quen thuộc và đã có sẵn cấu trúc thể chế tại quốc gia đó. Ví dụ, Brazil và Việt Nam đã có nhiều kinh nghiệm với các cơ chế chia sẻ lợi ích trong khuôn khổ các chương trình quốc gia về chi trả dịch vụ môi trường (PES); do vậy, các tiếp cận về chia sẻ lợi ích từ REDD+ trước hết phải dựa trên các



**Bảng 2. Tổng quan về các chính sách và thực tiễn chia sẻ lợi ích từ REDD+ tại các quốc gia được nghiên cứu**

	<b>Pháp luật liên quan và các đề xuất và thảo luận ở cấp quốc gia</b>	<b>Các đề xuất thể chế tài chính</b>
<b>MỸ LATIN</b>		
Brazil	<p>Đang soạn thảo Luật Lâm nghiệp và Chiến lược REDD+ Quốc gia; chưa có quan điểm rõ ràng về chia sẻ lợi ích nhưng về cơ bản coi đây là biện pháp phòng vệ; chưa thông qua quy định pháp lý quốc gia về quyền carbon, nhưng một số bang đã phê chuẩn dạng quy định này. Rất ít thảo luận về cách thức gắn kết các quỹ REDD+ với một chiến lược tổng thể nhằm giải quyết các nguyên nhân và tác nhân gây ra mất rừng.</p> <p>Gần đây, các thảo luận về các chiến lược phù hợp nhằm hỗ trợ các khu bảo tồn trong bối cảnh các sáng kiến REDD+ đã được khởi động.</p> <p>Thách thức trong việc cộng đồng có thể tiếp cận được với Quỹ Amazon đồng thời sử dụng Quỹ này để hỗ trợ phù hợp cho các nỗ lực tại địa phương, bao gồm xây dựng năng lực và trao quyền; một thách thức khác là thế nào để tránh các nguy cơ tạo ra các hình thức phụ thuộc mới vào các nguồn tài trợ bên ngoài.</p>	<p>Tài trợ công được cung cấp qua Quỹ Amazon và Bolsa Verde; Tiền từ Quỹ Amazon được phân bổ qua Ngân hàng Phát triển Kinh tế và Xã hội Quốc gia (BNDES); Nguồn lực từ Chương trình Đầu tư Rừng (FIP) được phân bổ qua Bộ Tài chính.</p> <p>Ba hợp phần chính của chia sẻ lợi ích bao gồm (Nepstad <i>et al.</i> 2007):</p> <p><b>Quỹ Quản lý Rừng Công</b> để bồi thường cho các cộng đồng bản địa và truyền thống, với mục tiêu nâng cao khả năng duy trì các sinh kế dựa vào rừng và tăng cường vai trò của chúng trong quản lý rừng. Việc chi trả phụ thuộc vào hiệu suất quản lý.</p> <p><b>Quỹ Quản lý Rừng Tư nhân</b>, để bồi thường một phần (20%) các chi phí cơ hội cho các chủ sở hữu hợp pháp thuộc khu vực tư nhân đối với đất rừng tư nhân nếu yêu cầu phù hợp với luật pháp, và bồi thường cao hơn (100%) cho các chi phí cơ hội đối với đất rừng tư nhân nếu vượt quá yêu cầu theo luật pháp.</p> <p><b>Quỹ Chính phủ</b> để chi trả kinh phí hàng năm cho việc giám sát, bảo vệ và quản lý các khu rừng công hiện có.</p>
Bolivia	<p>Chưa có chiến lược REDD+ cụ thể, một phần là do các thay đổi về cấu trúc tổ chức và nhân sự trong chính phủ, ngoài ra còn do các lợi ích cạnh tranh và do các dự án phát triển. Các quyết định về tài nguyên lâm nghiệp được đưa ra ở cấp quốc gia. Hiện tại chưa có kế hoạch nào cho các cơ chế chia sẻ lợi ích.</p>	<p>Các quốc gia phát triển sẽ chuyển tiền cho các quốc gia đang phát triển và đây sẽ là nguồn thu chính của quốc gia; sau đó, các thu nhập này có thể phân bổ qua một cơ chế chia sẻ lợi ích tương tự PES.</p>
Peru	<p>Mặc dù đã có một số thảo luận về phân bổ các lợi ích từ các dự án REDD+ cụ thể tại các khu bảo vệ, nhưng vẫn chưa có quy định pháp lý nào về việc này. Các khung hiện thời chỉ điều tiết các dịch vụ môi trường nói chung.</p>	<p>Có sự hỗ trợ cho cả mô hình quỹ và cơ chế tài chính cho việc đo đếm carbon (nghiên cứu kỹ thuật, cơ bản, các hệ thống giám sát v.v...) của các dự án bảo tồn rừng mới và đang triển khai, ở cả khu vực công và tư nhân, hoạt động trong khuôn khổ các biện pháp được xác định ở cấp quốc gia và được các bang cho đăng ký và phê chuẩn.</p>
<b>CHÂU Á VÀ CHÂU ĐẠI DƯƠNG</b>		
Indonesia	<p>Chiến lược REDD+ Quốc gia được công bố vào tháng 6/2012. Các quy định của Bộ Lâm nghiệp từ 2012 và 2009 yêu cầu các dự án REDD+ phải có sự phê chuẩn của cấp bộ; đến nay chưa có dự án nào có sự phê chuẩn này. Bộ Tài chính (2009) đề xuất việc đưa ra mức tham chiếu phát thải ở cấp quốc gia và cấp tỉnh. Bộ Lâm nghiệp đã ban hành một số Đất Nhượng quyền Phục hồi Sinh thái có thể nhận nguồn vốn từ tín chỉ carbon. Tuy vậy, vẫn chưa có quy định rõ ràng là liệu carbon có phải là hàng hóa thuộc sở hữu quốc gia và phải được nhà nước điều tiết hay không.</p>	<p>Chiến lược REDD+ Quốc gia tuyên bố việc chi tiêu đối với các nguồn vốn từ chính phủ-sang-chính phủ cần phải được quản lý trong ngân sách ngoài kho bạc và không qua hệ thống chuyển giao tài khóa thường niên của chính phủ; một quy định từ Bộ Lâm nghiệp vào năm 2009 (bị Bộ Tài chính phản đối) quy định cụ thể một phần nguồn thu được phân bổ cho các dự án REDD+ theo phân loại rừng; một quy định của Bộ Lâm nghiệp năm 2012 tuyên bố việc chia sẻ lợi ích của phần thu nhập ngoài thuế từ carbon rừng sẽ được điều tiết trong các văn bản pháp quy sẽ được ban hành sau.</p>

Bảng 2. Tiếp tục

	<b>Pháp luật liên quan và các đề xuất và thảo luận ở cấp quốc gia</b>	<b>Các đề xuất thể chế tài chính</b>
Việt Nam	<p>Chương trình Hành động REDD+ Quốc gia đã được phê chuẩn vào tháng 6/2012 trong Quyết định 799 của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>Quỹ REDD+ Quốc gia sẽ được thiết lập trong Quỹ Bảo vệ và Phát triển Rừng ở cấp trung ương và cấp tỉnh để nhận và quản lý các khoản tài trợ và quỹ ủy thác do các quốc gia, tổ chức hay cá nhân chi trả cho REDD+ và thực hiện việc chi trả dịch vụ REDD+. Quỹ REDD+ Quốc gia sẽ không được đưa vào trong ngân sách chính phủ như các nguồn thu khác của nhà nước, và do vậy sẽ không được phép sử dụng cho các mục đích ngoài REDD+.</p> <p>Các phương pháp để hợp pháp hóa các quyền carbon hiện vẫn chưa rõ ràng.</p>	<p>Quỹ sẽ được quản lý bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Văn phòng Quỹ Ủy thác REDD+ tại Việt Nam sẽ có sự đại diện của các đối tác quốc tế trong cấu trúc quản lý và hành chính của Quỹ, bao gồm Hội đồng Quản lý Quỹ với các đại diện từ các đối tác REDD+ quốc tế, các tổ chức xã hội dân sự và các bộ ngành khác tại Việt Nam. Các Quỹ REDD+ cấp tỉnh sẽ được thành lập để nhận nguồn lực từ quỹ trung ương. Việc chi trả từ Quỹ REDD+ Quốc gia phải tuân thủ theo Nghị định 99/2010/NĐ-CP và các quy định quốc tế về REDD+ và sẽ được sử dụng cho các chi phí hoạt động quản lý các chương trình REDD+ quốc gia và địa phương.</p>
Nepal	<p>Hầu như chưa có thể chế rõ ràng cho chia sẻ lợi ích.</p> <p>Các lợi ích từ REDD+ sẽ chỉ đến được với những người quản lý rừng (có thể là chính phủ hoặc cộng đồng) và không có phần cho những người đang sử dụng rừng nhưng không chính thức tham gia vào việc quản lý rừng.</p>	<p>Có hai hình thức chia sẻ nguồn thu trong các khu bảo vệ. Tại các khu bảo vệ do nhà nước quản lý, 20-50% doanh thu được chia sẻ cho các cộng đồng địa phương. Hình thức này được áp dụng cho tất cả các vườn quốc gia và các khu bảo tồn động vật hoang dã. Tại các khu bảo vệ do NGO quản lý, tất cả các nguồn thu sẽ được chuyển về ngân quỹ NGO để sau đó đầu tư vào các hoạt động phát triển. Do vậy, lợi ích thu được từ REDD+ cũng sẽ phải được sử dụng theo các phương thức chia sẻ lợi ích nói trên.</p> <p>Tuy đã có đề xuất về việc tổ chức một Quỹ Ủy thác Carbon Rừng do nhiều bên liên quan quản lý, chính phủ (cụ thể là Bộ Tài chính) có lẽ không hứng thú với việc ủng hộ đề xuất này. Thay vào đó, Bộ Tài chính mong muốn tất cả các nguồn vốn sẽ phải được điều tiết thông qua các thủ tục ngân sách nhà nước chính thức (được gọi là Sổ Đỏ); ví dụ, tiền mà các cộng đồng ở vùng đệm nhận được phải thông qua Sổ Đỏ.</p>
CHDCND Lào	<p>Không có chương trình REDD+ quốc gia cũng như các cơ chế chia sẻ lợi ích, đồng thời, các quyền carbon và việc chia sẻ lợi ích cũng không có quy định rõ ràng; tuy nhiên, gần đây chính phủ đã bắt đầu chỉnh sửa khung pháp lý về rừng để thực hiện REDD+, theo đó, quyền sử dụng carbon và các phương án chia sẻ lợi ích được xem như là các biện pháp bảo đảm an toàn. Rất ít điều khoản pháp lý hiện hành về chia sẻ lợi ích từ các nguồn thu qua sử dụng đất liên quan đến việc quản lý rừng sản xuất của quốc gia. Có khá nhiều hoạt động chuẩn bị cho REDD+ đang được tiến hành, hầu hết với kinh phí từ Chương trình Đầu tư Rừng. Phần lớn nguồn vốn cho REDD+ và các chương trình lâm nghiệp có liên quan tại Lào là từ các dự án cụ thể được đầu tư từ các nguồn song phương và đa phương.</p>	<p>Chính phủ Lào quan tâm đến việc phát triển một chiến lược tài chính linh động cho việc thực hiện REDD+.</p>

Bảng 2. Tiếp tục

	<b>Pháp luật liên quan và các đề xuất và thảo luận ở cấp quốc gia</b>	<b>Các đề xuất thể chế tài chính</b>
PNG	Chương trình REDD+ quốc gia hiện đang được thiết kế; các mô hình chia sẻ lợi ích hiện vẫn bị trì hoãn; việc liệu các quyền carbon sẽ tuân thủ theo các quyền sử dụng theo luật tục hay không chưa rõ ràng; dự thảo quy định đề xuất là chính phủ có thể điều tiết việc mua bán carbon nhưng quyền về carbon vẫn thuộc chủ sở hữu đất (Covington & Baker & McKenzie 2009).	Chưa phát triển được quỹ ủy thác hoặc ủy ban điều phối tài trợ; các tổ chức xã hội dân sự đấu tranh đòi có cơ quan quản lý vốn REDD+ độc lập và có nhiều bên liên quan; mô hình PES được đề nghị bởi nhóm chuyên gia tư vấn (Nhóm Chuyên gia Tư vấn 2011) để xuất hai hướng đi: tiếp tục thị trường tự nguyện và PES dưới sự điều phối của một ủy ban quốc gia (lồng ghép việc thiết lập một thị trường tự nguyện ở giai đoạn phôi thai).
<b>CHÂU PHI</b>		
Tanzania	Khuôn khổ REDD+ Quốc gia của Tanzania trình bày các phương án: 1) cấp kinh phí cho các cộng đồng tương xứng với mức giảm phát thải mà họ đạt được; 2) phân bổ lợi ích theo đóng góp đầu vào để cân nhắc các khác biệt về mặt sinh thái và giải quyết vấn đề công bằng. Khuôn khổ này đề xuất nhiều về các lợi ích bằng hiện vật hơn là các lợi ích tài chính.	Khuôn khổ REDD+ Quốc gia đề xuất thành lập một Quỹ Ủy thác Quốc gia để nhận các nguồn tài chính từ người mua và phân bổ vốn đến các cộng đồng/người thực hiện; Chiến lược REDD+ Quốc gia cũng ủng hộ tiếp cận phi thị trường này; tuy nhiên, các cơ quan đề xuất dự án REDD+ đang vận động cho cả hai phương án: quỹ ủy thác và tiếp cận dựa trên thị trường.
Burkina Faso	REDD+ được khởi động mà không có các cơ chế tài chính hoặc chia sẻ lợi ích chính thức. Việc chia sẻ lợi ích từ REDD+ được thực hiện qua các cơ chế hiện có tại các khu vực rừng được quản lý. Các luật hiện tại không quy định về quyền carbon.	Đề xuất Chuẩn bị của Burkina Faso đề cập đến việc thành lập một Quỹ REDD+ Quốc gia trong đó có tiêu chí về đồng lợi ích (giới, xóa đói giảm nghèo).
Cameroon	Chưa có chiến lược REDD+; chưa có cơ chế điều phối; chưa soạn thảo các văn bản pháp lý quy định về quyền carbon; chưa đề xuất được bố trí chia sẻ lợi ích ở cấp quốc gia.  Thiếu các quy định pháp lý rõ ràng về carbon.  Mô hình phí sử dụng đất và nhượng quyền rừng đưa ra bài học kinh nghiệm thực tế về các cơ chế chia sẻ lợi ích hiện có trong ngành lâm nghiệp.	Luật quản lý môi trường quy định về việc thiết lập một Quỹ Môi trường và Phát triển Bền vững (NESDF); tuy nhiên, đến nay quỹ này vẫn chưa đi vào hoạt động và việc nó có ra đời hay không trong tương lai vẫn là một dấu hỏi. Lực chọn rõ ràng cho các quỹ để khởi động việc chuẩn bị REDD+ có lẽ chỉ là hình thức trợ cấp.  Một tiếp cận dung hòa cho REDD+ dường như đang được quan tâm, mang nghĩa, một tiếp cận có thể kết nối giữa các cấp độ quốc gia và địa phương. Kinh nghiệm cho thấy tính hiệu quả của các quỹ được thiết lập để bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển bền vững (Quỹ Phát triển Rừng và Quỹ Cứu hộ Động vật Hoang dã) đã phải thỏa hiệp với nguyên tắc một quỹ nhà nước duy nhất. Việc phát triển các đồng lợi ích có thể sẽ khó đạt được nếu các hoạt động bảo tồn phụ thuộc vào một quỹ duy nhất. Đối với REDD+, điều này có thể cho thấy cần phải thiết kế các cơ chế để qua đó tiền sẽ tự động được chuyển đến các quỹ cụ thể.
DRC	Bộ luật về Khai khoáng và Lâm nghiệp năm 2002 quy định về nguồn lực được chuyển giao đến các tỉnh và các vùng lãnh thổ, theo đó doanh thu nhượng quyền từ tài nguyên thiên nhiên: 40% cho các tỉnh, trong đó có 15% cho các vùng lãnh thổ.	Chương trình Phát triển Liên hiệp quốc, chính phủ và các tổ chức xã hội dân sự đã thảo luận về việc thiết lập một Quỹ Ủy thác REDD+ của Nhiều nhà tài trợ phục vụ cho các hoạt động REDD+ để thu hút các đầu tư tài chính ở giai đoạn sớm.

Bảng 2. Tiếp tục

	Pháp luật liên quan và các đề xuất và thảo luận ở cấp quốc gia	Các đề xuất thể chế tài chính
Mozambique	Chiến lược Quốc gia về REDD+ đang được soạn thảo. Không có kế hoạch soạn thảo các quy định pháp lý về quyền carbon. Các dự án hiện tại bao gồm các hoạt động mô tả REDD+ và các dự án PES có hợp phần REDD+.	Cơ chế chia sẻ lợi ích được đề xuất phân bổ 20% cho quản lý, nghiên cứu và giám sát, báo cáo và thẩm tra, và 80% cho các hoạt động REDD+ và các cộng đồng, hộ gia đình và khu vực tư nhân.

Nguồn: Babon & Gowae 2013; Dkamela 2011; Indrarto *et al.* 2012; Jambiya *et al.* 2012; Jimbira *et al.* 2012; Lestrelin *et al.* 2012; Luttrell *et al.* 2012; May *et al.* 2011; Mpoyi *et al.* 2013; Paudel *et al.* 2013; Pham *et al.* 2012a; Piu *et al.* 2013; Siteo *et al.* 2012; Videa 2011

hệ thống tài chính nhà nước đang được sử dụng cho PES, trong đó các cơ quan chính phủ, các tổ chức tài chính quốc tế hay các tổ chức phi chính phủ (NGO) bảo tồn đóng vai trò đại diện cho người sử dụng dịch vụ (Engel *et al.* 2008). Ngược lại, tại Mozambique, Tanzania và Nepal, có nhiều kinh nghiệm trong quản lý rừng cộng đồng và phân bổ các khoản chi trả đến các cộng đồng địa phương; do vậy, các đặc trưng quản lý rừng có sự tham gia nổi bật trong các tiếp cận mà họ đề xuất. Với ưu thế của mô hình nhượng quyền rừng tại Indonesia và Cameroon, các quốc gia này có thể sẽ sử dụng tiếp cận này cho các chính sách trong tương lai.

Xu thế này có nhiều điểm tích cực cũng như các điểm hạn chế. Một mặt, xây dựng trên nền (hoặc nâng cấp) các khuôn khổ hiện có có thể làm giảm chi phí cho việc thiết lập và vận hành các thể chế mới và dễ nhận được sự ủng hộ chính trị từ nhà nước. Nhưng nhìn vào khía cạnh khác, tính hiệu lực, hiệu quả và công bằng của các tiếp cận này sẽ phụ thuộc vào trách nhiệm giải trình, tính minh bạch và năng lực quản lý tài chính của nhà nước – vốn tương đối yếu ở hầu hết các quốc gia được nghiên cứu.

Ngược lại, các quốc gia khác cởi mở và linh hoạt hơn trong việc xem xét các tiếp cận mới (ví dụ, Cameroon, Burkina Faso), thể hiện qua việc chấp nhận các tiếp cận đa chiều với một vài ví dụ thành công về cơ chế chia sẻ lợi ích.

Với sự đa dạng của các phương pháp chia sẻ lợi ích đang được đề xuất – và sự xuất hiện của các phương án hỗn hợp – tại các quốc gia nghiên cứu, không có gì ngạc nhiên khi các chủ đề tranh luận về chia sẻ lợi ích đang thịnh hành tại mỗi quốc gia là rất khác nhau (Bảng 3). Điều này cũng đến từ thực tế là hầu hết các sáng kiến REDD+ tại các quốc gia đều đang trong giai đoạn sơ khởi và các chính phủ đang xem xét tất cả các

phương án mà các nhóm khác nhau đề xuất, và đôi khi chọn thử nghiệm một số mô hình trong số đó.

Mặc dù các nước nói chung ủng hộ các nguyên tắc về tính hiệu lực và hiệu ích của REDD+ –qua đó có chung một sự đồng thuận là một hoạt động REDD được thiết kế tốt, quy mô lớn, có hiệu lực và hiệu quả về kinh tế có thể giúp ngăn chặn được các tác động nguy hiểm của biến đổi khí hậu – nhưng các tranh luận về công bằng trong chia sẻ lợi ích thì lại rất khác nhau. Ví dụ, ở Việt Nam, Nghị định 99 và Chiến lược REDD+ Quốc gia đề xuất chính quyền địa phương, cộng đồng sống ở rừng, các ban quản lý tài nguyên thiên nhiên và các tổ chức bảo vệ rừng nên được chia sẻ lợi ích từ REDD+, vì vậy đã bao gồm tất cả bốn nhóm chủ đề về công bằng đã mô tả ở trên (Pham *et al.* 2012a). Ở Indonesia, Chiến lược REDD+ Quốc gia coi trọng đồng lợi ích tương đương như giảm phát thải carbon, và do vậy chủ yếu đề cập đến luận điểm III và IV (Indrarto *et al.* 2012).

Trong các thảo luận về công bằng, luận điểm I (lợi ích phải được chia cho những người có quyền hợp pháp bao gồm quyền hưởng hoa lợi, hoặc quyền được hưởng thu nhập từ một nguồn tài nguyên, đến quyền được chuyển giao tài nguyên cho các bên khác) và luận điểm III (lợi ích phải được chia cho các bên phải chịu chi phí) có vẻ được quan tâm nhất tại tất cả các quốc gia. Luận điểm II (lợi ích phải được chia cho các cơ chế quản lý rừng ít phát thải) nhận được sự chú ý từ cả chính phủ và các cơ quan phát triển dự án REDD+ tại toàn bộ 13 quốc gia, tuy nhiên nó chỉ nổi bật ở các quốc gia hiện đang thực hiện các dự án PES nơi mà nông dân và các chủ đất ở vùng cao đang được nhận các hình thức khuyến khích để giảm thiểu phát thải (ví dụ, Việt Nam, Brazil).

Luận điểm IV cho rằng các lợi ích từ REDD+ cần phải được chia sẻ cho các bên đóng vai trò quan trọng

trong việc thực hiện REDD+, cho dù đó là các nhóm thuộc khu vực tư nhân, NGO hay các cơ quan chính quyền trung ương và địa phương. Tuy nhiên, tỷ trọng lợi ích cần được chia cho các đối tượng này vẫn đang là vấn đề tranh cãi ở hầu hết các quốc gia (Luttrell *et al.* 2012). Tại Việt Nam, Quyết định 380 về các dự án thử nghiệm PES quy định phân bổ 90% lợi ích cho những người đang bảo tồn rừng và 10% cho chi phí hành chính (Pham *et al.* 2012b). Tại Papua New Guinea, dự án chính thức thử nghiệm REDD+ đầu tiên tại April Salumei, chia 20% cho cơ quan phát triển dự án (Babon & Gowae 2013).

Cho dù 4 trong số 13 quốc gia đã có Chiến lược REDD+ Quốc gia và đang có những tranh luận rất khác nhau về chia sẻ lợi ích, một thách thức chung cho việc thiết kế cơ chế chia sẻ lợi ích tại tất cả các nước là phải đồng thời đạt được tính hiệu lực, tính hiệu ích và sự công bằng. Tại tất cả các quốc gia, thảo luận về các quyền carbon và quyền sở hữu carbon vẫn đang ở giai đoạn sơ khai và chưa có được khung pháp lý cũng như các hướng dẫn cho vấn đề này. Kết quả là, vẫn chưa rõ là ai sẽ phù hợp để nhận chi trả lợi ích từ REDD+, đây có thể là nguồn gốc tạo ra mâu thuẫn giữa các bên tham gia.

Hơn thế nữa, các điều khoản pháp lý không đồng bộ, phân công trách nhiệm chồng chéo và sự thiếu thống nhất trong thực hiện của các cơ quan chính phủ, thực thi pháp luật yếu kém, tài lực và nhân lực hạn chế, thiếu sự minh bạch, tham nhũng và sự thâm tóm quyền lợi của nhóm ưu thế không được kiểm soát đã kìm hãm và làm giảm hiệu lực của cả việc thực hiện REDD+ cũng như việc phân bổ lợi ích tại các quốc gia. Quản lý một khối lượng lớn kinh phí từ các nhà tài trợ để thực hiện các dự án thử nghiệm REDD+ cũng là một thử thách không nhỏ đối với các cấp chính quyền địa phương (ví dụ, tại Việt Nam, Lào và Cameroon). Thực thi luật pháp yếu và tham nhũng tại Indonesia, Cameroon, PNG và Nepal đã dẫn đến thực hiện các chính sách về cả REDD+ và lâm nghiệp nói chung đều thiếu hiệu quả. Tại PNG, yếu tố chính đe dọa việc hiện thực hóa các kết quả đầu ra về hiệu quả và công bằng trong REDD+ là việc thiếu sự làm chủ của nhà nước đối với các lộ trình chính sách và thực tế là các chiến lược REDD+ đã được xây dựng bởi một nhóm nhỏ các quan chức chính phủ và các nhà tư vấn quốc tế, với sự tham gia rất hạn chế của các chủ đất truyền thống (những người sở hữu các vùng rừng mà các chiến lược REDD+ đang nỗ lực bảo vệ và do vậy rất cần sự ủng hộ của họ trong việc thực hiện) (Babon & Gowae 2013).

Xét về tính hiệu ích, sự phối hợp và chia sẻ thông tin giữa các bên liên quan là điều cốt yếu trong việc đánh giá và phân bổ lợi ích đến các bên cụ thể. Tuy nhiên, tại hầu hết các quốc gia, các bên hầu như đều hoạt động độc lập nhau với sự hạn chế chia sẻ thông tin, cho dù có rất nhiều các cuộc họp, hội thảo và hội nghị đã được tổ chức ở cả cấp quốc gia cũng như địa phương (ví dụ, tại Indonesia), đây là hiện tượng mà Gallemore *et al.* (2012) và Moeliono *et al.* (2012) gọi là các “xa lộ trống thông tin”. Sự thiếu hiệu quả này dẫn đến chi phí giao dịch cao do việc thiếu phối hợp và chồng chéo về chức năng nhiệm vụ giữa các bộ; thiếu cơ chế giám sát tài chính minh bạch và việc sử dụng quá nhiều thủ tục tài chính phức tạp càng làm giảm tính hiệu quả của việc thực hiện các chính sách. Ví dụ, các thủ tục hành chính công kênh tại Lào và Việt Nam có khả năng làm tăng chi phí thực hiện (Lestrelin *et al.* 2012; Pham *et al.* 2012a). Tại Indonesia, khung thể chế cho các hoạt động lâm nghiệp bao gồm cả các luật và quy định chuyên ngành, cụ thể (ví dụ, các quy định điều tiết hoạt động lâm nghiệp, nông nghiệp và khai khoáng) và các quy định tổng quát và đa ngành (ví dụ, phân quyền, lập kế hoạch tài chính và quy hoạch không gian). Điều này không chỉ dẫn đến sự thiếu thống nhất, mâu thuẫn, sự bấp bênh và thiếu hiệu quả, mà còn có thể thúc đẩy tham nhũng do sự có mặt của nhiều khung pháp lý chồng chéo sẽ tạo cơ hội cho các hành vi trục lợi kinh tế. Phân tích từ một vài quốc gia (ví dụ, Việt Nam, Cameroon và Nepal) cũng cho thấy kinh phí cho các chương trình lâm nghiệp và các dự án thử nghiệm REDD+ trước đây đã không được sử dụng hiệu quả và thậm chí có thể bị sử dụng sai mục đích nếu không đưa ra được một hệ thống nhằm đảm bảo trách nhiệm giải trình. Ví dụ, tại Bolivia, kinh phí và nguồn lực đầu tư vào REDD+ được ưu tiên sử dụng để đào tạo và tổ chức cho các cán bộ chương trình chứ không phải để phát triển các kế hoạch nhằm tạo ra các kết quả mục tiêu.

Xét về tính công bằng, lợi ích từ REDD+ vẫn chỉ tập trung cho số ít tầng lớp trên có quyền lực. Tại Việt Nam, khả năng để các cơ quan chính phủ và các công ty quốc doanh chiếm hữu các lợi ích từ REDD+ là rất cao, do thực tế là 80% rừng có chất lượng tốt hiện được quản lý bởi các cơ quan nhà nước. Các tổ chức xã hội dân sự được tham gia vào việc ra quyết định nhưng chỉ có rất ít ảnh hưởng do vai trò chính trị của các tổ chức này không nổi bật. Tại Nepal, các chiến lược được thiết kế để cải thiện sự tham gia của các cộng đồng và các bên liên quan tại địa phương chỉ hạn chế ở cấp độ quốc gia, cụ thể là tập trung vào một số ít công chức nhà nước, các cơ quan phát triển, một vài NGO và một số

Bảng 3. Các chú đề tranh luận thịnh hành tại các quốc gia

Quốc gia	Tính hiệu lực với Tính hiệu ích: Lợi ích cần phải được sử dụng làm động cơ khuyến khích để tạo ra sự giảm phát thải và phải được chia cho các bên tạo ra mức giảm này	Luận điểm về Công bằng I: Lợi ích phải được chia cho những người có quyền hợp pháp (theo pháp luật hoặc luật tục)	Luận điểm về Công bằng II: Lợi ích phải được chia cho các cơ chế quản lý rừng ít phát thải	Luận điểm về Công bằng III: Lợi ích phải được chia cho các bên phải chịu chi phí	Luận điểm về Công bằng IV: Lợi ích phải được chia cho các đối tượng đang giúp hỗ trợ hiệu quả việc thực hiện
<b>Mỹ Latin</b>					
Brazil <sup>a</sup>	X	X	X	X	X
Bolivia	X	X		X	X
Peru	X	X	X	X	
<b>Châu Á và Châu Đại Dương</b>					
Indonesia*	X	X		X	X
Việt Nam*	X	X	X	X	X
Nepal	X	X	X	X	X
CHDCND Lào	X	X		X	X
PNG	X	X		X	X
<b>Châu Phi</b>					
Tanzania*	X	X		X	X
Burkina Faso	X	X	X	X	
Cameroon	X	X		X	X
DRC	X	X		X	X
Mozambique	X	X		X	X

Ghi chú: Rà soát này dựa trên các chiến lược REDD+ hiện có và một số dự án thử nghiệm REDD+. 'X' có nghĩa là chủ đề này xuất hiện trong một hoặc vài dự án.

a. Dấu hoa thị (\*) là các nước đã có Chiến lược REDD+ Quốc gia.

Nguồn: Angelsen *et al.* 2009; Aronsen *et al.* 2011; Babon & Gowae 2013; Champange & Roberts 2009; Dkamela 2011; Government of Nepal 2011; Hedge & Bull 2011; Indrarto *et al.* 2012; Jambiya *et al.* 2012; Jimbira *et al.* 2012; Kokko 2010; Lestrelin *et al.* 2012; Luttrell *et al.* 2012; Mayrand & Paquin 2004; Mbak 2010; Nhantumbo & Izidine 2009; Paudel *et al.* 2013; Pham *et al.* 2012a; Siteo *et al.* 2012; van Noordwijk *et al.* 2008; Videva 2011

hiệp hội dân sự (Paudel *et al.* 2013). Tại Mozambique, có thể thấy việc thực thi luật pháp và các quy định yếu kém đe dọa nghiêm trọng tính công bằng trong các kết quả (Sitoe *et al.* 2012). Tại Brazil, các chiến lược REDD+ phản ứng với các chính sách do chính quyền địa phương tự xây dựng hoặc hợp tác với với các sáng

kiến lớn của các NGO trong nước và quốc tế. Tuy nhiên, mối quan hệ đối tác với các tổ chức hay các bên liên quan ở cấp địa phương vẫn chưa được hình thành (May *et al.* 2011). Tiếp cận này không chỉ làm giảm tính hiệu quả mà còn có thể mang lại những nguy cơ tiềm ẩn đối với tính công bằng.

## 4. Các phương án cơ chế chia sẻ lợi ích

Chia sẻ lợi ích theo chiều dọc và chiều ngang đều có chung những thách thức trong việc đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.

### Các phương án chiều dọc:

Bốn phương án tiếp cận về chia sẻ lợi ích hiện đang được áp dụng tại các quốc gia.

- **Tiếp cận dựa trên quỹ** bao gồm ba phương án: các quỹ độc lập nằm ngoài hệ thống hành chính quốc gia; các quỹ nằm trực tiếp trong hoặc được lồng ghép vào ngân sách nhà nước; và các quỹ phụ thuộc vào năng lực của hệ thống hành chính nhà nước và có thể cấp kinh phí trực tiếp cho khu vực nhà nước theo các quyết định về đối tượng hưởng lợi tài chính của các ủy ban độc lập. Tuy cả 13 quốc gia đều có lựa chọn các mô hình quỹ khác nhau, nhưng tất cả đều đối mặt với các khó khăn trong việc thiết lập và vận hành các quỹ này, nhất là do nguyên nhân cạnh tranh và mâu thuẫn về quyền lực và lợi ích giữa các tổ chức và do quan điểm về cách thức sử dụng các quỹ cũng như cách thức chia sẻ lợi ích giữa các đối tượng hưởng lợi vẫn chưa được xác định rõ ràng.
- **Các thỏa thuận Nhượng quyền rừng** hiện hữu ở tất cả các quốc gia trừ Tanzania. Một mặt, nếu nhà nước quyết định được các quy tắc thống nhất để quản lý việc chia sẻ các nguồn thu từ rừng sẽ làm tăng đáng kể tính hiệu quả. Mặt khác, nó sẽ tạo ra các thách thức đối với việc đảm bảo tính công bằng, cũng như trách nhiệm giải trình và sự minh bạch, do công tác quản trị yếu được ghi nhận ở hầu hết các quốc gia.
- **Tiếp cận và chia sẻ lợi ích (ABS):** Các kinh nghiệm đã được tổng kết về cơ chế chia sẻ lợi ích này còn rất ít. Tuy nhiên, các tài liệu thu được từ 13 quốc gia được nghiên cứu cho thấy cam kết hướng tới ABS mới dừng ở mức lý thuyết, chưa được chuyển hóa thành hoạt động thực tiễn. Tất cả các quốc gia đều đang đối mặt với nhiều thách thức trong việc thực hiện ABS do sự phức tạp của các hệ thống quyền sử dụng đất và các khó khăn trong việc xác định quyền sở hữu cộng đồng đối với các nguồn gen.
- **Các công cụ dựa trên thị trường** (dựa trên hiệu suất thực hiện) được trông đợi sẽ đưa ra những bài học hữu ích cho việc đạt được các kết quả 3E trong REDD+. Tuy nhiên, thực tiễn thu được từ tất cả 13 quốc gia đều cho thấy các dịch vụ môi trường không được giám sát và việc chi trả không dựa trên kết quả thực hiện, chủ yếu là do các rào cản về kỹ thuật cũng như xã hội. Liệu PES (dạng công cụ dựa trên thị trường phổ biến nhất) có thực sự mang lại sự cải thiện về các dịch vụ môi trường và sinh kế địa phương hay giảm đói nghèo là chưa rõ ràng. Việc thực hiện các công cụ dựa trên thị trường (đặc biệt là Cơ chế Phát triển Sạch) gặp rất nhiều khó khăn do chi phí cơ hội và chi phí giao dịch cao trong khi thể chế còn yếu kém, nhất là ở cấp địa phương.

### Các phương án theo chiều ngang:

- **Quản lý tài nguyên thiên nhiên dựa vào cộng đồng:** Các nghiên cứu về khả năng quản lý rừng cộng đồng có thể cải thiện các dịch vụ môi trường và sinh kế địa phương đưa ra các kết quả rất khác nhau. Ưu thế của chính phủ trong các hệ thống quyền sử dụng đất ở hầu hết các quốc gia cho thấy việc phối hợp quản lý sẽ tiếp tục bị điều khiển bởi phía nhà nước, trong khi các cộng đồng địa phương có rất ít quyền trong việc ra quyết định. Sự thâm tóm quyền lợi vào tầng lớp trên và tham nhũng cũng là các thử thách đáng kể cản trở các nỗ lực để đạt được việc chia sẻ lợi ích hiệu quả và công bằng.
- **Đồng quản lý rừng:** Có thể nhận thấy vai trò tích cực của các hiệp hội và khả năng của hình thức đồng quản lý rừng trong việc tạo ra các lợi ích gia tăng cho các cộng đồng địa phương tại tất cả các quốc gia đang thực hiện cách thức chia sẻ lợi ích này (Lào, Tanzania, Burkina Faso, và Mozambique). Tuy nhiên, trên thực tế, sự thâm tóm quyền lợi vào tầng lớp trên, tham nhũng và các hệ thống quyền sử dụng đất bị thiên lệch về phía nhà nước có nhiều ảnh hưởng xấu lên việc thực hiện đồng quản lý rừng.



Trong phần này, chúng tôi phân tích các phương án về cơ chế chia sẻ lợi ích cả theo chiều ngang và chiều dọc, với phương pháp được lựa chọn theo Streck & Parker (2012).

## 4.1. Các phương án cho các cơ chế chia sẻ lợi ích theo chiều dọc

Các nguồn vốn từ cộng đồng quốc tế hoặc các thị trường quốc tế cho các hoạt động REDD+ có thể sẽ cần có những cơ chế chia sẻ lợi ích theo chiều dọc, cụ thể là giữa các cơ quan chính quyền và các cộng đồng từ cấp trung ương, vùng và địa phương (và có thể bao gồm cả các NGO và khu vực tư nhân ở cấp địa phương). Các phát hiện tại 13 quốc gia cho thấy bốn kiểu cơ chế chia sẻ lợi ích được vận hành chủ yếu theo chiều dọc mặc dù chúng cũng mang một số yếu tố của chia sẻ lợi ích theo chiều ngang: tiếp cận dựa trên quỹ, các mô hình nhượng quyền rừng, tiếp cận và chia sẻ lợi ích (ABS) và các công cụ dựa vào thị trường.

### 4.1.1. Các tiếp cận dựa trên quỹ

Mặc dù khái niệm “quỹ” được sử dụng trong bối cảnh REDD+ để cập đến các cơ chế tài chính phi thị trường, trong đó quỹ được sử dụng làm kênh để chuyển tải các thị nguồn tài chính và kinh phí trên thị trường, việc liệu các quỹ có thể sử dụng như một hình thức chia sẻ lợi ích hay không vẫn đang là vấn đề tranh cãi. Một mặt, quỹ có thể là một yếu tố nằm trong một cấu trúc chia sẻ lợi ích, đơn cử như PES, nếu có được sự lồng ghép (ví dụ, PES đi cùng với một quỹ phát triển cộng đồng). Mặt khác, một quỹ quy mô lớn không chỉ đơn thuần làm việc phân bổ các nguồn tài chính, mà hơn thế, một trong những chức năng mà quỹ có thể làm là đánh giá các dự án được đề xuất và thiết lập các điều kiện để cấp vốn. Như vậy, nó phù hợp với định nghĩa về các cơ chế chia sẻ lợi ích được Luttrell *et al.* (2012, p. 131) sử dụng, theo đó “các phương tiện thể chế, các cấu trúc quản trị, và các công cụ được sử dụng để phân bổ tài chính và các lợi ích ròng khác từ các chương trình REDD+”.

Các quỹ có thể được vận hành theo ba cách như sau:

1. Các quỹ độc lập bên ngoài hệ thống hành chính quốc gia, như là các quỹ ủy thác bảo tồn (ví dụ, Quỹ Đa dạng Sinh học Brazil (FUNBIO), Quỹ Bảo vệ và Sử dụng Bền vững Môi trường, Bolivia (PUMA), Quỹ ủy thác cho Vườn Quốc gia và

Khu Bảo vệ của Peru (PROFONANPE)); các cơ chế PES do người sử dụng cấp tài chính, trong đó các nguồn kinh phí từ các nhóm sử dụng dịch vụ môi trường sẽ được sử dụng (ví dụ, Los Negros, Bolivia; xem Wunder 2008), và các quỹ đa tài trợ, như trong trường hợp ở DR Congo, Tanzania và PNG. Phương án này được đề xuất tại các quốc gia nói trên chủ yếu để đáp ứng các yêu cầu của các nhà tài trợ và công chúng về trách nhiệm giải trình và tính minh bạch (PNG: xem Babon & Gowae 2013; Tanzania: xem Jambiya *et al.* 2012; Mpoyi *et al.* 2013). Tuy nhiên, như thấy trong trường hợp Việt Nam, phương án này có thể sẽ gặp sự phản kháng mạnh về mặt chính trị do chi phí để thiết lập các hệ thống phức tạp như vậy thường cao và lợi ích tiềm năng từ các chi trả REDD+ vẫn chưa rõ ràng.

2. Các quỹ được đưa vào hoặc lồng ghép vào ngân sách nhà nước (ví dụ, viện trợ phát triển chính thức, kinh phí và hỗ trợ chương trình). Tại Indonesia, Nepal, Việt Nam và Mozambique, thường có xu thế sử dụng các quỹ nhà nước làm kênh để chuyển dòng tài chính theo các thủ tục quản lý ngân sách, tuy nhiên, có sự khác biệt khá rõ ràng về mức độ mà các bộ lâm nghiệp và tài chính mong muốn khi đưa các quỹ này vào ngân sách (Indrarto *et al.* 2012; Paudel *et al.* 2013; Siteo *et al.* 2012). Nhiều bên liên quan nhìn nhận dạng quỹ này với thái độ nghi ngờ do chúng chịu sự kiểm soát quá lớn bởi chính phủ và có khả năng các quỹ REDD+ sẽ bị sử dụng sai cho các mục đích ngoài REDD+. Tuy nhiên, các ý kiến khác lại cho là các hệ thống quốc gia đã có sẵn các thủ tục giám sát, trong khi đó, các quỹ ngoài ngân sách không có. Ví dụ, trong trường hợp Việt Nam, chính phủ lựa chọn phương án này do các quỹ nằm trong hệ thống ngân sách có khả năng đảm bảo đồng lợi ích thu được qua rất nhiều biện pháp chính sách hiện đang được thực hiện. Tuy nhiên, như trong trường hợp của Việt Nam và Indonesia, tham nhũng là một rào cản rất lớn đối với các nỗ lực nhằm tránh việc các quỹ bị sử dụng sai mục đích.
3. Các quỹ phụ thuộc vào năng lực của hệ thống hành chính nhà nước và có thể cấp nguồn tài chính trực tiếp cho các đơn vị nhà nước, tuy nhiên, quyết định về bên hưởng lợi tài chính là do các ủy ban độc lập đưa ra (ví dụ, Quỹ Amazon, Quỹ Phục hồi Rừng Indonesia, Quỹ Phát triển Rừng, Bolivia (FONABOSQUE)). Tại Brazil, Việt Nam, Tanzania và Cameroon, các quỹ REDD+ được thiết lập như các quỹ phụ thuộc vào các quỹ hiện có (ví dụ như quỹ PES).

Mặc dù ưu tiên lựa chọn các mô hình quỹ tại 13 quốc gia là rất khác nhau, các chính phủ đều gặp những khó khăn chung trong việc thiết lập và vận hành các quỹ này. Đầu tiên, lưu lượng tài chính lớn được chuyển qua các quỹ tương ứng sẽ tạo ra sự cạnh tranh giữa các tổ chức và gây ra các mâu thuẫn về quyền lực và lợi ích. Trong trường hợp của Nepal, Indonesia và Việt Nam, Bộ Tài chính không ủng hộ việc thiết lập các quỹ như vậy mà muốn các nguồn tài chính này được đưa vào trong ngân sách nhà nước và chịu sự quản lý của Bộ Tài chính (chứ không phải là ngành lâm nghiệp) (Indrarto *et al.* 2012; Paudel *et al.* 2013; và Pham *et al.* 2012a). Thứ hai, tại các quốc gia đã có các quỹ như vậy được thiết lập, thì các thảo luận lại tập trung chủ yếu vào việc nên quản lý các quỹ như thế nào và ai quản lý, khái niệm chủ đạo về cách thức sử dụng quỹ và cách thức chia sẻ lợi ích cho các bên hưởng lợi hiện vẫn rất mơ hồ. Tất cả các yếu tố là thiếu sự rõ ràng và yếu về mặt thể chế, thực thi pháp luật yếu kém, tham nhũng và sự đầu tư vào quyền lợi vào tầng lớp trên không được kiểm soát tại tất cả các quốc gia càng đe dọa nhiều hơn khả năng phân bổ thực sự các lợi ích của REDD+ từ cấp trung ương đến địa phương.

#### 4.1.2. Nhượng quyền rừng

Tại các quốc gia chưa xây dựng các khung pháp lý và chính sách mới hoặc điều chỉnh các khung hiện có để điều tiết việc chia sẻ lợi ích từ hấp thụ carbon rừng hay cụ thể là về REDD+, các điều luật hiện có quy định về quản lý rừng thương mại có thể áp dụng như “mặc định” tạm thời hoặc làm khuôn khổ cho chia sẻ lợi ích trong các dự án REDD+ (Costenbader 2011). Chia sẻ lợi ích trong bối cảnh này thường là kết quả của các chính sách hay các quy định quốc gia, trong đó đưa ra các yêu cầu tối thiểu để thiết lập các lợi ích và chuyển giao và không cần một thỏa thuận giữa các thực thể địa phương và bên ngoài (Behr *et al.* 2012). Trên thực tế, người khai thác tài nguyên sẽ phải chi trả phí sở hữu hoặc các loại phí khác cho nhà nước, và nhà nước sẽ phân bổ các lợi ích tài chính đến các cấp chính quyền, và gián tiếp, đến các cộng đồng địa phương và bản địa.

Các dạng thỏa thuận nhượng quyền khai thác gỗ hiện đang tồn tại ở 12 quốc gia được nghiên cứu, ngoại trừ Tanzania.

Tại Trung Phi (Cameroon và DRC), hình thức nhượng quyền rừng là hình thức sở hữu rừng rất thông dụng. Luật Lâm nghiệp 1994 của Cameroon quy định rằng lợi tức được chính phủ thu thông qua một loại thuế về khai thác công nghiệp tại các khu vực nhượng quyền

rừng sẽ được phân bổ như sau: 50% vào ngân sách nhà nước, 40% vào các hội đồng nông thôn (chính quyền địa phương tại Cameroon) và 10% vào các thôn làng ở tiếp giáp với rừng nhượng quyền; luật này cũng quy định việc chi trả một loại thuế thôn bản cho các cộng đồng ở tiếp giáp với rừng nhượng quyền (Morrison *et al.* 2009 được dẫn trong Costenbader 2011).

Các diện tích rừng nhượng quyền diện tích lớn cũng phổ biến tại Indonesia và PNG. Lợi tức được chia sẻ từ tài nguyên rừng tại Indonesia bao gồm các nguồn Phí Nhượng quyền Rừng (IHPH), Quy định về Thuế Tài nguyên Rừng (PSDH) và Quỹ Phục hồi Rừng (DR) (Indrarto *et al.* 2012); việc phân bổ nguồn thu từ ngành lâm nghiệp đến các cấp chính quyền cấp trung ương, tỉnh và quận/huyện được mô tả trong Bảng 4. Tại Indonesia, chính quyền khu vực sử dụng các biện pháp giám sát để đảm bảo người dân địa phương được nhận lợi ích kinh tế trực tiếp từ các vùng rừng nhượng quyền. Ví dụ, một nghị định do thị trưởng Đông Kalimantan ban hành vào năm 2000 về Phí Đền bù cho các Cộng đồng gần Rừng bắt buộc các đơn vị nhận nhượng quyền khai thác gỗ phải trả một khoản phí được tính toán dựa trên lượng gỗ khai thác (mét khối) từ đất đai theo luật tục cho các cộng đồng bản địa tại các khu vực mà họ tiến hành khai thác (Muljono 2009).

Tại PNG, có ít nhất là 217 vùng rừng nhượng quyền khai thác gỗ thương phẩm, bao gồm các khu Mua Quyền khai thác Gỗ, các Khu Rừng Địa phương, và các Thỏa thuận Quản lý Rừng, chiếm đến hơn 10,5 triệu héc ta (Bun *et al.* 2004). Một đánh giá của ITTO (2007) nhận thấy hầu hết các công ty khai thác gỗ tại PNG hoạt động tại các vùng rừng được phân loại là “rừng sản xuất” đều là các công ty nước ngoài và có nhiều nhân công ngoại quốc đóng tại chỗ để giám sát hoạt động khai thác (tuy cũng có một số công ty hợp đồng với các nhà thầu trong nước thực hiện một vài phần công việc). Tại Bolivia, hệ thống nhượng quyền rừng bắt đầu có hiệu lực sau khi Luật Lâm nghiệp 1700 được thông qua năm 1996; tại Peru và Brazil, sau khi xem xét kinh nghiệm của các quốc gia khác, hệ thống nhượng quyền rừng bắt đầu được chấp nhận vào năm 2000 (Gray 2000).

Hệ thống nhượng quyền rừng có cả các điểm tích cực và hạn chế. Một mặt, việc chính phủ đưa ra các luật lệ thống nhất để quản lý việc chia sẻ các nguồn thu từ rừng sẽ giúp tăng đáng kể tính hiệu quả. Mặt khác, một thách thức xuất hiện tại các quốc gia có nhượng quyền rừng là việc đảm bảo tính công bằng, trách nhiệm giải trình và tính minh bạch của quy trình nhượng quyền.

**Bảng 4. Phân bổ nguồn thu từ rừng nhượng quyền tại Indonesia**

Ngành	Nguồn thu	Phần được chia (%)			
		Chính quyền trung ương	Chính quyền cấp tỉnh	Các quận/huyện có sản xuất gỗ	Các quận huyện khác trong tỉnh
Lâm nghiệp	Phí Nhượng quyền Rừng	20	16	64	–
	Quy định về Thuê Tài nguyên Rừng	20	16	32	32
	Quỹ Phục hồi Rừng	60	–	40	–

Nguồn: Resosudarmo *et al.* 2006 trích dẫn trong Indrarto *et al.* 2012

Ví dụ, tại Cameroon có những bằng chứng cho thấy sự thiếu công bằng khi mà các cộng đồng đang phải đối mặt với nguy cơ không nhận được bất cứ chi trả nào, và sự thiếu hiệu quả thể hiện ở các khoản chi trả quá mức hoặc quá thấp. Tham nhũng trong ngành lâm nghiệp ở Cameroon dẫn đến rất nhiều vùng nhượng quyền rừng chỉ tồn tại trên giấy tờ, với các “miếng bánh” hầu như chỉ được chia sẻ trong các nhóm có ưu thế tùy theo mức độ quyền lực. Hơn nữa, Bộ Lâm nghiệp và Động vật Hoang dã cũng đã nhận diện các khó khăn trong việc thu hút các khoản kinh phí từ Chương trình Ngành Lâm nghiệp và Môi trường và sự bỏ sót các thủ tục phân bổ tài chính (Dkamela 2011). Tại Mozambique và Burkina Faso, quyền đối với rừng được trao cho các cộng đồng chứ không phải cho các công ty công nghiệp lớn dưới dạng rừng quản lý cộng đồng (Larson & Dahal 2012; Mansur & Zacarias 2003).

Một điểm yếu nữa là một quyết định chung ở cấp quốc gia nhằm đảm bảo tính đồng bộ trong chia sẻ lợi ích có thể không giải quyết được các khác biệt giữa các địa phương về chi phí giao dịch và chi phí cơ hội, do đó, làm giảm sự tham gia của các cộng đồng địa phương và như vậy gây ra sự bất bình đẳng trong chia sẻ lợi ích giữa các bên (Costenbader 2011). Cho dù có lập luận là nhượng quyền khai thác gỗ tại châu Phi mang lại các lợi ích trực tiếp cho người dân địa phương thông qua tạo công ăn việc làm, hầu hết các vị trí có chuyên môn đều được đảm nhận bởi các lao động từ nơi khác đến do người dân địa phương thường không có các kỹ năng và năng lực chuyên môn cần thiết cho việc quản lý rừng (Dkamela 2011; Mansur & Zacarias 2003; Mpoyi *et al.* 2013). Hơn nữa, tại tất cả các quốc gia, việc nhượng quyền rừng thường đi cùng với quản trị yếu, thực thi pháp luật chưa tương xứng và thiếu tính minh bạch dẫn đến việc chia sẻ lợi ích còn nhiều bất cập. Các cơ chế chứng chỉ rừng, hình thành do sự quan tâm ngày càng nhiều của cộng đồng quốc tế đối với quản lý rừng bền vững, có thể đưa ra những hỗ trợ tốt hơn để đáp ứng được nhu cầu của các cộng đồng địa phương (Behr

*et al.* 2012; Karsenty *et al.* 2008; Lescuyer *et al.* 2012). Tuy nhiên, một số nghiên cứu đã chỉ ra rằng chứng chỉ rừng chỉ đóng góp rất ít trong việc giảm thiểu sự bất bình đẳng trong phân bổ các lợi ích từ rừng (van Dam 2003; Van Hensbergen *et al.* 2011) và, tại một số quốc gia đang phát triển, chất lượng của chứng chỉ do một số tổ chức cấp cũng đang bị nghi ngờ về độ tin cậy (Cerutti *et al.* 2011; Greenpeace 2011); tuy nhiên, chứng chỉ rừng vẫn là một công cụ quan trọng đối với việc cải thiện công tác quản lý nhượng quyền rừng (Van Hensbergen *et al.* 2011).

#### 4.1.3. Tiếp cận và chia sẻ lợi ích (ABS)

ABS là một biện pháp được CBD đề xuất với mong muốn “chia sẻ công bằng và hợp lý các lợi ích xuất phát từ việc sử dụng các tài nguyên di truyền, bao gồm việc tiếp cận nguồn gen và thông qua chuyển giao một cách phù hợp các công nghệ liên quan, tính đến tất cả các quyền đối với tài nguyên và đối với các công nghệ đó, và qua các nguồn kinh phí phù hợp” (Điều 1, CBD).

Cách thức chia sẻ lợi ích thì khác nhau khá nhiều tùy theo luật pháp của các quốc gia và theo các lĩnh vực (ngành nghề) mà nguồn gen được nghiên cứu và phát triển thành sản phẩm thương mại. Laird & Wynberg (2008) lưu ý rằng mỗi lĩnh vực hình thành một thị trường riêng, tiến hành nghiên cứu và phát triển theo những cách thức khác nhau, sử dụng nguồn gen khác nhau, có những nhu cầu cụ thể trong tiếp cận nguồn gen, và sử dụng những tiếp cận khác nhau trong việc đạt đến thỏa thuận về chia sẻ lợi ích và sở hữu trí tuệ.

Có không nhiều bài học và phân tích về chủ đề này, chủ yếu là do rất ít quốc gia được nghiên cứu đã tiến hành hiệu quả các biện pháp này để thúc đẩy việc chia sẻ lợi ích thu được từ việc sử dụng tài nguyên di truyền; hơn thế nữa, các bên phân đối với người được thu lợi từ vật liệu di truyền không rõ ràng, với nguyên nhân

chính là do các đàm phán về ABS vẫn đang tiếp diễn trải qua nhiều kỳ COP của CBD trong rất nhiều năm (Nkhata *et al.* 2012b; Tvedt 2006). Phân tích từ 13 quốc gia cho thấy mặc dù các chính phủ nói chung đều có cam kết đối với CBD, nhưng những cam kết này hiếm khi được thể hiện bằng hành động thực tế do không có đủ kinh phí, nguồn lực của chính phủ không đủ đáp ứng và các cán bộ chính phủ không có đủ năng lực. Hơn nữa, các nghiên cứu điểm cho thấy ABS có rất ít tác động đối với việc cải thiện công tác quản lý rừng.

Một vấn đề khác liên quan đến dạng thức cơ chế chia sẻ lợi ích này là khả năng xem nhẹ với các nhân tố đồng lợi ích khác, ví dụ như đào tạo, chuyển giao công nghệ và xây dựng năng lực (Finston 2007 trích dẫn từ Nkhata *et al.* 2012b). Tuy có ít bài học đã được tài liệu hóa về ABS, năm nguyên tắc chính trong khuôn khổ này có thể tỏ ra hữu ích trong việc định hướng thiết kế REDD+ trong tương lai: 1) định nghĩa về sở hữu đối với tài nguyên và các kiến thức có liên quan; 2) xác định lợi ích dựa trên hiệu suất công việc; 3) chia sẻ các lợi ích; 4) chuyển giao kết quả nghiên cứu của bên thứ ba; và 5) tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ. Ituarte-Lima & Subramanian (2011) đưa ra những bài học cụ thể trong vấn đề công bằng trên phương diện các thỏa thuận pháp lý về ABS cho REDD+, cho rằng các đàm phán REDD+ cần phải vượt ra ngoài giả thiết là các bên liên quan thường có địa vị và vị trí bình đẳng trong các thỏa thuận. Nói một cách khác, các quan hệ pháp lý công bằng giữa những người dân sống phụ thuộc vào rừng và các bên tham gia khác trong REDD+ (dù là đơn lẻ hay tập thể) sẽ không tự động hình thành; mà thực tế, sẽ phải được xây dựng một cách tích cực dựa trên cân nhắc trước việc bất cân đối về quyền lực và những khó khăn của các cộng đồng phụ thuộc vào rừng trong việc tuân thủ các yêu cầu pháp lý.

Trước thực tế rằng mỗi quốc gia đều có quyền khai thác và sử dụng tài nguyên di truyền, thể hiện trong Điều 3 của CBD, mỗi quốc gia nên cân nhắc làm thế nào để áp dụng tốt nhất các nguyên tắc đề cập ở trên trong bối cảnh các quy định của Hiến pháp quốc gia và sự phức tạp của hệ thống quyền sử dụng đất của mình. Hầu hết các quốc gia đều gặp thách thức chung trong việc xác định quyền sở hữu cộng đồng đối với tài nguyên di truyền và thiếu những hướng dẫn rõ ràng về sở hữu tài nguyên, điều này dẫn đến nhiều bất cập trong chia sẻ lợi ích (Suneetha & Pisupati 2009). Ở những nơi việc giám sát và thực thi các thỏa thuận dựa trên sức ép xã hội, tính hiệu quả của việc thực hiện phụ thuộc vào sự đoàn kết xã hội. Nkhata *et al.* (2012b) cũng chỉ ra một vấn đề lớn đối với việc thực hiện là làm

thế nào để bảo vệ các cơ chế chia sẻ trước các sức ép và đột biến từ bên ngoài.

#### 4.1.4. Các công cụ dựa vào thị trường

Các công cụ thị trường dùng để chi trả cho những người cung cấp các dịch vụ hệ sinh thái ngày càng được thúc đẩy như một phương pháp tiếp cận chia sẻ lợi ích quan trọng cho công tác bảo tồn. Các công cụ thị trường được trông đợi sẽ đảm bảo các sản phẩm đầu ra của các chương trình PES và REDD+ đảm bảo được các tiêu chí 3E do chúng có xu hướng dựa trên kết quả thực hiện. Nguyên lý hoạt động cơ bản của PES là tạo ra các việc làm hiệu quả, ở cả cấp độ cá nhân cũng như cộng đồng, để cung cấp các dịch vụ môi trường và đền bù cho những người cung cấp dịch vụ các chi phí cho dịch vụ mà họ cung cấp. Các chương trình PES cũng nhằm đến mục tiêu đảm bảo những người được nhận lợi ích từ các dịch vụ phải chi trả cho chúng, qua đó thừa nhận các dịch vụ này (Mayrand & Paquin 2004). Các chương trình PES hiện đang được vận hành tại chín trong số 13 quốc gia: Brazil, Bolivia, Cameroon, Indonesia, Mozambique, Nepal, Peru, Tanzania và Việt Nam.

Các nhà hoạch định chính sách và cộng đồng quốc tế đặt rất nhiều kỳ vọng vào PES do tiềm năng thực hiện được mục tiêu kép là bảo vệ môi trường và xóa đói giảm nghèo (Wunder 2008), thúc đẩy sự minh bạch và trách nhiệm giải trình, và xóa đi các rào cản cho việc tiếp cận các lợi ích (Nkhata *et al.* 2012b). Tuy nhiên, các kết quả nghiên cứu về tác động của PES được báo cáo trong các tài liệu và tại 13 quốc gia khá mâu thuẫn. Các chương trình PES tại Mỹ Latin tương đối phát triển, trong khi tại Đông Nam Á thì hầu như chỉ là các nỗ lực nhỏ lẻ, mới dừng lại ở mức các hoạt động thử nghiệm chịu ảnh hưởng của các nhà tài trợ, hầu hết vẫn đang ở giai đoạn lập kế hoạch và mới chỉ có rất ít hợp đồng được ký kết (Huang & Upadhyaya 2007; Wertz-Kanounnikoff & Kongphan-Apirak 2008). Do vậy, rất khó để đánh giá mức độ đóng góp của các sáng kiến này trong việc cải thiện sử dụng đất và nâng cao chất lượng của các dịch vụ môi trường (Pattanayak *et al.* 2010; Tomich *et al.* 2004; van Noordwijk *et al.* 2012).

Trong các nghiên cứu điểm về các sáng kiến hấp thụ carbon và bảo vệ rừng đầu nguồn dựa trên cơ chế thị trường tại Mỹ Latin, Grieg-Gran *et al.* (2005) nhận thấy PES có những ảnh hưởng tích cực đối với thu nhập địa phương. Tuy nhiên, các dự án PES ở Brazil chưa cho thấy nhiều tính hiệu quả trong việc mang lại lợi ích cho các cá nhân và các nhóm do chúng được

thực hiện trong bối cảnh thiếu sự thừa nhận pháp lý, không tương thích với các chính sách của nhà nước và thiếu sự điều phối cần thiết (May *et al.* 2011). Trong một số trường hợp, PES tạo ra những đồng lợi ích nhất định, ví dụ như củng cố hệ thống quyền sử dụng đất (ví dụ tại Indonesia) hay cải thiện thể chế xã hội (ví dụ tại Việt Nam).

Tại các quốc gia khác, có thể nhận thấy ảnh hưởng của PES lên các kết quả về cả môi trường và xã hội đều không rõ ràng. Mặc dù mục tiêu ban đầu khi thiết kế PES không phải là xóa đói giảm nghèo, nhưng PES vẫn luôn được kỳ vọng là sẽ mang lại những tác động tích cực cho người nghèo (Lee & Mahanty 2009; Pagiola *et al.* 2005). Tuy các phân tích về mối liên hệ giữa PES và đói nghèo tại Mỹ Latin cho thấy có thể một bộ phận người nghèo được hưởng lợi (Locatelli *et al.* 2008; Wunder 2008), nhưng các lợi ích này nhìn chung còn hạn chế hoặc không rõ ràng (Fishera *et al.* 2009). Thách thức thường thấy nhất tại chín trong số quốc gia được nghiên cứu nơi đang có các chương trình PES được vận hành là các rào cản về mặt tổ chức (thiếu sự điều phối giữa các bên liên quan, chi phí giao dịch cao do sự chông chéo về chức năng nhiệm vụ giữa các cơ quan chính phủ, thiếu năng lực trong việc thực hiện PES); các rào cản về thể chế (thiếu các quy định cụ thể về PES nói chung và các cơ chế chia sẻ lợi ích trong PES nói riêng, mức chi trả thấp, hệ thống quyền sử dụng đất không ổn định); và đội ngũ nhân viên chính phủ thiếu kiến thức và năng lực (ví dụ, xem May *et al.* 2011; Paudel *et al.* 2013; Pham *et al.* 2012a; Siteo *et al.* 2012). Trong hầu hết các trường hợp, người dân địa phương có ít khả năng tham gia do họ không có tài sản và chỉ có rất ít quyền đối với cả cây và đất đai, và do đó họ không có khả năng tạo ảnh hưởng lên việc phân bổ lợi ích. Quản trị rừng yếu kém hoặc thậm chí không tồn tại dẫn đến các nỗ lực PES dễ bị đổ vỡ và dễ trở thành đối tượng cho sự thâm tóm quyền lợi vào tầng lớp trên và tham nhũng (Jambiya *et al.* 2012; Paudel *et al.* 2013; Pham *et al.* 2013).

Tính điều kiện vốn được xem như yếu tố cốt lõi trong PES (Wertz-Kanounnikoff & Kongphan-Apirak 2008; Wunder 2005). Tuy nhiên, các đánh giá trên quy mô toàn cầu gần đây của van Noordwijk *et al.* (2012) và Pattanayak *et al.* (2010) nhận thấy rằng việc thiếu giám sát và đánh giá toàn diện chính là điểm yếu cốt lõi nhất trong các chính sách và chương trình PES hiện đang thực hiện ở khắp nơi trên thế giới. Sunderlin & Sills (2012) nhận thấy rằng hầu hết các dự án thử nghiệm REDD+ được nghiên cứu đều áp dụng một cách tiếp cận hỗn hợp giữa các Dự án Lồng ghép Bảo tồn và Phát triển (ICDP) và PES, tuy nhiên rất ít trong số các

dự án sử dụng tiếp cận dựa trên kết quả được thực hiện. Các phân tích trong báo cáo này cũng đưa ra các kết quả tương tự: không có sự giám sát hay đánh giá là liệu các chương trình này có mang đến sự cải thiện đạt được trên khía cạnh các dịch vụ môi trường hay các chỉ số xã hội hay không. Các kết quả này dẫn đến câu hỏi lớn về hiệu quả có thể của các chính sách REDD+ được xây dựng với cách thức bố trí chia sẻ lợi ích dựa trên các công cụ thị trường.

Yếu tố then chốt cho việc hình thành mối quan hệ lâu dài và bền vững giữa người mua và người bán trong các chương trình PES là quy trình ra quyết định có độ tin cậy và tính hợp pháp, sự sẵn sàng và cam kết chi trả của người mua và sự hiểu biết rõ ràng về các lợi ích và bổn phận của cả người bán và người mua. Pham *et al.* (2013) nhận thấy trong trường hợp của Việt Nam, niềm tin và nhận thức địa phương về sự công bằng sẽ quyết định sự lựa chọn của người dân đối với các phương án chia sẻ lợi ích. Tuy nhiên, trong khi đó các chương trình PES hiện tại lại không đạt được ba yếu tố then chốt là tính hiệu lực, hiệu quả và công bằng. Do vậy, các tác giả đã đưa ra đề xuất cần cân nhắc tiếng nói của địa phương và phải hiểu rõ hơn nữa về sự công bằng trong thiết kế các cơ chế chia sẻ lợi ích. Quan trọng hơn, báo cáo này cũng lưu ý là PES và REDD+ cần phải áp dụng một tiếp cận quản lý thích ứng để có thể giải quyết các vấn đề liên quan đến chi phí cơ hội và đưa được vào vấn đề xây dựng năng lực và lòng tin của các bên liên quan.

Các kết quả phát hiện được từ hầu hết các quốc gia cho thấy: về phía cung cấp, các cộng đồng địa phương còn hạn chế về năng lực, trong khi đó về phía bên có nhu cầu, thì có quá ít người mua (ví dụ, Việt Nam: Pham *et al.* 2009; Brazil: Veríssimo *et al.* 2002; Bolivia: Robertson & Wunder 2005; Peru: Renner 2010). Ở hầu hết các điểm được nghiên cứu, các bên trung gian đóng vai trò là phương tiện quan trọng trong đàm phán PES – tuy nhiên mối quan tâm của chính các bên trung gian đôi khi lấn lướt tính công tâm của họ, dẫn đến có khá ít các kết quả đầu ra tối ưu từ PES (Pham *et al.* 2012b). Các nhà tài trợ hiện đang đóng vai trò rất quan trọng trong hỗ trợ các chương trình PES (Dkamela 2011; Pham *et al.* 2012a; Siteo *et al.* 2012). Cụ thể là, giá thành của các dịch vụ môi trường làm cho các chương trình sẽ không thể thực hiện xét trên khía cạnh tài chính nếu các chi phí giao dịch không được các nhà tài trợ đảm nhiệm (Costenbader 2011; Indrarto *et al.* 2012; Pham *et al.* 2012a). Tuy nhiên, có rất nhiều câu hỏi vẫn chưa có lời giải liên quan đến các điều kiện lý tưởng, khung thời gian, phương pháp thực hiện và chi phí giao dịch cần thiết cho việc thực hiện PES thành công (Garnett *et al.* 2007; Landell-Mills & Porras 2002) và mức độ mà PES

có thể lồng ghép thành công vào công tác bảo tồn và phát triển (Barton *et al.* 2009).

Cơ chế Phát triển Sạch (CDM) là chương trình đầu tư và tín dụng môi trường toàn cầu đầu tiên thuộc thể loại này, đưa ra một công cụ đền bù phát thải được chuẩn hóa với tên gọi Giảm Phát thải được Chứng nhận (CER). Mục tiêu của CER là giảm phát thải khí nhà kính đồng thời hỗ trợ các nước đang phát triển trong việc đạt được phát triển bền vững, với các mục tiêu đa chiều là giảm đói nghèo, mang lại các lợi ích về môi trường và giảm phát thải một cách hiệu quả về chi phí. CDM sử dụng một số phần trăm từ tín dụng giảm phát thải đến từ các dự án trồng mới và phục hồi rừng (AR). Tuy nhiên, tương phản với số lượng rất lớn các dự án trong ngành năng lượng tại hầu hết các quốc gia, số lượng dự án trong lĩnh vực lâm nghiệp lại tương đối ít. Theo trang web của UNFCCC (<http://cdm.unfccc.int/>), tiến trình thực hiện CDM trong lĩnh vực lâm nghiệp đang rất chậm ở khắp nơi trên thế giới; vào thời điểm 11/02/2013, chỉ có 44 hoạt động AR được đăng ký với UNFCCC.

Các chỉ trích về sự phức tạp của các quy trình CDM đã xuất hiện ở cấp độ quốc tế. Cameroon, Việt Nam và Indonesia là các bên đang gặp nhiều khó khăn một phần là do sự phức tạp của các yêu cầu về hành chính và thủ tục (Dkamela 2011; Indrarto *et al.* 2012; Pham *et al.* 2012a). Indonesia cũng đã vấp phải một số lỗi quản trị trong việc thực hiện: chức năng giám sát của Ủy ban Quốc gia về Cơ chế Phát triển Sạch (cơ quan thẩm quyền quốc gia được chỉ định) không hoạt động và cơ chế đã được phê chuẩn vẫn chưa rõ ràng (Indrarto *et al.* 2012.). Tại Lào, hạn chế về khả năng ngăn ngừa phát thải khí nhà kính và sự yếu kém của các thể chế cho CDM và cho thị trường carbon đã làm giảm đáng kể sức hấp dẫn của quốc gia này đối với các nhà đầu tư dự án CDM (Lestrelin *et al.* 2012). Trong bối cảnh thị trường carbon hiện nay, nhà đầu tư có xu hướng quan tâm nhiều hơn đến các hoạt động carbon khác mà bỏ qua các dự án carbon rừng. Một nghiên cứu mới đây của Trung tâm Risoe của Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (Romero *et al.* 2013) đề xuất các tổ chức đa phương cần hợp tác với các định chế tại các quốc gia để tổ chức những diễn đàn cấp quốc gia nhằm đến các nhà đầu tư và các nhà phát triển dự án trong ngành lâm nghiệp.

Các vấn đề tài chính, hành chính và quản trị tạo ra nhiều cản trở cụ thể đối với việc phát triển các dự án CDM-AR (Thomas *et al.* 2010). Ngoài ra, Romero *et al.* (2013) cũng xác định ba rào cản chính cho việc cấp tài chính cho các dự án carbon rừng: rủi ro dự án, rủi ro thị trường carbon, và các hoạt động thay thế có hiệu

suất thực hiện cao hơn. Ở cấp độ quốc gia, Pham *et al.* (2008) đưa ra một số lý do cho sự yếu kém của các dự án CDM-AR tại Việt Nam bao gồm mức chi phí giao dịch cao cần có để đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật cho việc thiết lập và giám sát quy trình, việc không có các khoản chi trả trước của người mua hoặc nhà tài trợ, và việc thiếu vắng các cơ chế chia sẻ lợi ích đáp ứng được các tiêu chí 3E.

Có thể rút ra các bài học từ một dự án giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu dựa vào rừng tiên tiến tại Bolivia. Dự án Hành động vì Biến đổi Khí hậu Noel Kempff Mercado tại Santa Cruz, tuy không phải là một dự án CDM-AR nhưng cũng đã nhận được chứng thực cho các tiêu chuẩn của dự án – chứng chỉ quốc tế của Societé Generale de Surveillance UK Ltd (SGS) chứng thực và xác nhận sự giảm phát thải mà dự án này đạt được (1997–2005). Theo SGS, 989.622 tCO<sub>2</sub>e (tương đương tấn CO<sub>2</sub>) đã được giảm nhờ dự án này (Videa 2011). Một phân tích khác, do Thomas *et al.* (2010) thực hiện trên bốn dự án đã được đăng ký là dự án CDM-AR với UNFCCC, cho thấy việc áp dụng chúng có thể “thành công” nếu có những hỗ trợ kinh phí ban đầu; nếu việc thiết kế và thực hiện chúng được dẫn dắt bởi các tổ chức lớn có năng lực kỹ thuật; nếu chúng được thực hiện trên đất tư nhân (đất có đi kèm với quyền tài sản được đảm bảo); và nếu hầu hết nguồn thu có được từ các dự án CER được đầu tư trực tiếp lại cho các cộng đồng địa phương.

#### 4.1.5. Phí sử dụng đất

Tại Cameroon, Nghị định số 76-166 ngày 27/04/1976 đã thiết lập các điều khoản về quản lý đất quốc gia, trong đó yêu cầu những người sử dụng đất quốc gia phải trả phí thường niên:

Nguồn thu nhận được từ phân bổ quỹ đất quốc gia, cho dù đó là đất được cấp hay được cho thuê, sẽ được phân bổ thành 40% nộp vào ngân sách nhà nước, 40% sẽ được chuyển cho hội đồng địa phương nơi có quỹ đất đó, và 20% sẽ được sử dụng cho các mục đích công đáp ứng nhu cầu của cộng đồng thôn bản.

Tuy nhiên, thực tế về chi trả phí sử dụng đất từ các đối tượng nhận đất nhượng quyền cho các mục đích ví dụ như kinh doanh nông nghiệp và việc chia sẻ doanh thu này không được ghi nhận một cách có hệ thống. Một đánh giá gần đây của Assembe-Mvondo *et al.* (2013) cho thấy cơ chế phân bổ tiền thuê đất đối với đất thuộc tài sản quốc gia đã được cấp hoặc cho thuê cho các hoạt động kinh tế tại Cameroon không thật sự mang lại hiệu lực, hiệu quả và công bằng. Điều đó có nghĩa

là mô hình chia sẻ nguồn thu từ phí sử dụng đất tại Cameroon chưa thật sự hoàn chỉnh, mới được thiết kế sơ sài và thiếu một cơ chế giám sát ổn định. Cũng không đáng ngạc nhiên khi việc áp dụng mô hình này vào thực tế gặp rất nhiều hạn chế và thách thức. Kết quả là, mục tiêu về việc các cơ quan công quyền sẽ bồi thường tài chính cho các cộng đồng địa phương rất khó đạt được. Hơn nữa, các quyền của các cộng đồng địa phương và các hội đồng lân cận đang bị huỷ hoại bởi các hành vi phi pháp được thực hiện bởi cả những người sản xuất công nghiệp và nông nghiệp và một số quan chức chính phủ và do độ vênh của các quy định trong hệ thống hiện tại. Điều này đi ngược lại với mục tiêu xóa đói giảm nghèo nông thôn tại Cameroon.

Tại Lào, do khu vực tư nhân nhận được kỳ vọng sẽ tăng nguồn thu quốc gia và cung cấp nguồn vốn và công nghệ cần thiết cho phát triển kinh tế, chính phủ đã phê duyệt những chính sách đầu tư đất đai khá “hấp dẫn” (Nghị định số 02/2009 thiết lập mức phí thuê đất từ 5 tới 50 đô la Mỹ đối với các hoạt động sản xuất nông nghiệp và trồng trọt). Điều này thúc đẩy các nhà đầu tư Việt Nam, Thái Lan và Trung Quốc trong các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và chế biến gỗ thực hiện đầu tư những nguồn lực tài chính đáng kể lên quốc gia này và tạo ra tình trạng đất đai không được kiểm soát trên quy mô lớn, chuyển đổi rừng và khai thác gỗ. Tuy nhiên, Lestrelin *et al.* (2012) chỉ ra rằng việc này không chỉ gây ra các tác động to lớn lên đất đai mà còn đẩy nhanh tốc độ mất rừng và suy thoái rừng. Hơn nữa, điều này cũng có thể gây ra những mâu thuẫn giữa người dân địa phương và các công ty nước ngoài đặc biệt là khi dân số tăng nhanh và người dân địa phương đối mặt với tình trạng khan hiếm đất sản xuất nông nghiệp trong nước.

## 4.2. Các phương án cho các cơ chế chia sẻ lợi ích theo chiều ngang

Chia sẻ lợi ích được mô tả là theo chiều ngang khi được vận hành trong mối quan hệ giữa các cộng đồng, trong các cộng đồng và thậm chí trong các hộ gia đình trong các cộng đồng đó. Một số bài học có thể rút ra từ các hình thức tổ chức hiện đang hiện hữu, ví dụ, các mô hình quản lý tài nguyên thiên nhiên dựa vào cộng đồng hay các chương trình quản lý rừng liên kết.

### 4.2.1. Quản lý tài nguyên thiên nhiên dựa vào cộng đồng (CBNRM)

Mặc dù đã có rất nhiều định nghĩa về CBNRM, tuy nhiên thì việc xác định chính xác đó là gì vẫn không

hề dễ dàng do định nghĩa có thể thay đổi tùy theo nhận thức của từng quốc gia và tùy theo các cộng đồng tham gia cụ thể. Trong khuôn khổ của nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng định nghĩa về CBNRM của Fabricius *et al.* (2004) trong đó CBNRM là việc sử dụng và quản lý tập thể đối với tài nguyên thiên nhiên tại các vùng nông thôn bởi các nhóm người với các đặc điểm nhận biết riêng do họ tự xác định, sử dụng các công cụ sở hữu cộng đồng. Một trong các mục tiêu của CBNRM là thiết lập các thể chế phù hợp để người dân địa phương có thể quản lý và khai thác hợp pháp tài nguyên phục vụ cho lợi ích trực tiếp của họ. Vì vậy, do khái niệm CBNRM trên nguyên tắc đề cập đến việc quản lý một tài sản thuộc sở hữu cộng đồng, các nguồn thu mà tài sản này mang lại cần được phân bổ theo chiều ngang đến các cộng đồng hoặc các cá nhân. CBNRM còn được gọi cách khác là quản lý rừng tập thể hiện đang thực hiện tại cả 13 quốc gia trong nghiên cứu này.

Bằng chứng về sự cải thiện của các dịch vụ môi trường mà quản lý rừng cộng đồng có thể mang lại vẫn chưa rõ ràng. Trong khi tại Nepal (Paudel *et al.* 2013) và Tanzania (Jambiya *et al.* 2012), hình thức quản lý này dường như là những ví dụ thành công, thì quản lý rừng cộng đồng tại Indonesia, PNG, Cameroon và Việt Nam lại thể hiện được rất ít tác động đối với cải thiện công tác quản lý rừng (Babon & Gowae 2013; Dkamela 2011; Indrarto *et al.* 2012; Pham *et al.* 2012a).

Trong số các quốc gia được nghiên cứu, Nepal là nơi được coi là có mô hình rừng cộng đồng thành công nhất. Theo Paudel *et al.* (2013), sự hiện diện của rất nhiều cách thức chia sẻ nguồn thu trong các mô hình quản lý rừng dựa vào cộng đồng (CBFM) giúp đưa ra cơ sở vững chắc cho việc thiết kế các hình thức chia sẻ lợi ích trong REDD+ (ví dụ, một nhóm nhận toàn bộ lợi ích, tuy nhiên 15% hoa lợi có thể dùng để chi trả cho các loài cây gỗ nếu bán ra thị trường bên ngoài; 75% hoa lợi từ gỗ sẽ được chuyển vào ngân sách trung ương, trong đó chính quyền địa phương sẽ được nhận 15% và 10% cho các cộng đồng địa phương; xem Phụ lục 2 để biết thêm chi tiết). Tuy nhiên, sự đa dạng về các hình thức chia sẻ nguồn thu trong các dạng CBFM khác nhau làm cho việc áp đặt đồng bộ các mô hình này là rất khó khăn (Paudel *et al.* 2013). Hơn nữa, ưu thế của chính phủ trong các hệ thống quyền sử dụng đất vốn phổ biến ở hầu hết các quốc gia dẫn đến thực tế là các hình thức quản lý tập thể vẫn bị chi phối và dẫn dắt bởi nhà nước, trong đó, các cộng đồng địa phương có rất ít quyền trong việc ra quyết định. Trong trường hợp của Nepal, PNG và Việt Nam, có rất nhiều lỗ hổng quản trị trong các phương thức cộng

đồng quản lý, nguyên nhân chủ yếu là do giá trị kinh tế cao của gỗ, sự thâm tóm quyền lợi vào tầng lớp trên và các mối quan hệ móc ngoặc giữa các lãnh đạo chính trị địa phương, nhân viên lâm nghiệp và đầu nậu gỗ (Brockhaus *et al.* 2013). Một nghiên cứu tại Indonesia (Maryudi & Krott 2012) chỉ ra rằng lợi ích kinh tế thu được từ những mô hình này rất hiếm khi vượt qua mức đủ sống của người dân.

#### 4.2.2. Đồng quản lý rừng (JFM)

“Đồng quản lý rừng” đôi khi được xem như đồng nghĩa với CBNRM do khái niệm này cũng dựa trên nguyên tắc là sự tham gia của cộng đồng trong quản lý rừng. Hơn nữa, rất khó để khái quát hóa một khái niệm cho nhiều quốc gia do sự khác biệt về nguồn lực, các điều kiện kinh tế xã hội và chính trị, và các kiểu sức ép lên rừng. Tuy nhiên, để phục vụ cho mục đích của nghiên cứu này, chúng tôi hiểu JFM dưới góc độ liên quan đến việc phát triển các quan hệ đối tác giữa các nhóm sử dụng rừng nhỏ lẻ và một cơ quan quản lý rừng cấp vùng dựa trên sự tin tưởng lẫn nhau và cùng xác định vai trò và trách nhiệm của mỗi bên trong bảo vệ và phát triển rừng (Sharma & Kohli 2012). Chúng tôi coi JFM khác biệt với cơ chế chia sẻ lợi ích của CBNRM do JFM thường xảy ra trong các khu vực đất rừng thuộc sở hữu nhà nước, do vậy, các cơ quan chính phủ có quyền được quyết định về mức độ cũng như hình thức chia sẻ lợi ích. Đối với cả CBNRM và JFM, giám sát và thực thi các thỏa thuận đều tương đối khó và vẫn tồn đọng vấn đề chưa rõ ràng là làm thế nào để có thể cắt bớt quyền lực của các bên tham gia thuộc nhà nước.

Vai trò tích cực của các quan hệ đối tác trong JFM và khả năng của hình thức này trong việc tạo lợi ích gia tăng cho các cộng đồng địa phương được thừa nhận ở tất cả các quốc gia đang thực hiện cơ chế chia sẻ lợi ích này (Burkina Faso, Mozambique, Lào và Tanzania). Hơn nữa, JFM được hỗ trợ bởi nỗ lực của các chính phủ trong việc phân quyền quản lý rừng (Jambiya *et al.* 2012; Jimbira *et al.* 2012; Lestrelin *et al.* 2012; và Siteo *et al.* 2012). Mặc dù đã có các nỗ lực xây dựng các thể chế thôn bản/cộng đồng và cải thiện công tác quản trị, thách thức còn tồn tại là việc chuyển các nỗ

lực này thành thực tiễn (Jambiya *et al.* 2012). Các thách thức liên quan đến quyền sử dụng trong JFM cũng khá giống đối với CBNRM. Cụ thể là việc duy trì quyền sở hữu nhà nước đối với đất rừng trong mô hình JFM thường làm hạn chế khả năng tham gia của cộng đồng địa phương và làm trầm trọng hơn sự thiếu rõ ràng về quyền được nhận các lợi ích (Jambiya *et al.* 2012; Jimbira *et al.* 2012; Lestrelin *et al.* 2012; Siteo *et al.* 2012).

Vấn đề thường xuyên được nhắc đến trong phân bổ lợi ích theo chiều ngang trong các cộng đồng địa phương và bản địa là sự thâm tóm quyền lợi vào tầng lớp trên đã cản trở các nỗ lực chia sẻ lợi ích một cách công bằng và hợp lý (Costenbader 2011). Bouda *et al.* (2008) và Coulibaly-Lingani (2011) khi xác định các điểm hạn chế trong tiếp thị lâm sản tại Burkina Faso, đã chỉ ra cụ thể là thiếu tính minh bạch trong thị trường gỗ nhiên liệu.

Tại Lào, hai nghiên cứu điểm về quản lý và bảo vệ rừng sản xuất trong khuôn khổ Chương trình Lâm nghiệp Lào-Thụy Điển đã minh họa mức độ lợi ích được phân bổ (Mahanty *et al.* 2007). Trong nghiên cứu đầu tiên, lợi nhuận ròng của thôn (tiền bán gỗ - (tiền thuê đất + các khoản thuế + công khai thác gỗ + vận chuyển gỗ + quỹ phát triển rừng của huyện) từ rừng quản lý liên kết được phân bổ theo chiều ngang: 60% vào quỹ phát triển rừng của thôn; 30% được giữ lại để chi trả cho chi phí vận hành trong các năm tiếp theo; và 10% được trả cho phí bảo vệ rừng cho các thôn nơi không có hoạt động khai thác gỗ trong một năm cụ thể. Trong mô hình JFM thứ hai, người dân chỉ được giao khoán để bảo vệ rừng sản xuất. Trong thu nhập từ bán gỗ, 10% được phân bổ dưới dạng quỹ bảo vệ rừng và 5% là quỹ phát triển thôn. Trong cả hai trường hợp, người dân đều phải xây dựng một kế hoạch sử dụng các quỹ này và cần có sự cho phép của huyện hay tỉnh dựa trên kế hoạch do người dân đề xuất. Tuy nhiên, phân tích của Mahanty *et al.* (2007) cho thấy cả hai chương trình này đều không thật sự hiệu quả: đối với cả hai, việc thiết lập đều rất tốn công sức và chi phí khởi động rất cao, và đều cần có sự hỗ trợ đáng kể để xây dựng năng lực và tính minh bạch cần thiết ở tất cả các cấp.



## 5. Phân quyền cho các bên tham gia trong các cơ chế chia sẻ lợi ích

- Trong chia sẻ lợi ích theo chiều dọc, quyền có thẩm quyền thường do chính quyền trung ương nắm giữ. Trong chia sẻ lợi ích theo chiều ngang, các bên có liên quan chia sẻ quyền có thẩm quyền.
- Việc nhà nước duy trì các quyền kiểm soát và quyền có thẩm quyền cũng đồng nghĩa với việc các nhóm địa phương không chỉ bị hạn chế mức độ được tham gia trong việc ra quyết định mà các cơ chế này còn dễ bị suy yếu bởi 1) hiểu nhầm/mâu thuẫn giữa chính quyền trung ương và địa phương về ai nắm giữ quyền kiểm soát và thẩm quyền, và 2) sự yếu kém về năng lực lãnh đạo và điều phối.
- Một số quốc gia trong nghiên cứu này đang có sự chuyển mình rõ rệt trong việc tăng cường quyền sử dụng và kiểm soát của các cộng đồng địa phương. Tuy nhiên, các quyền kiểm soát của các nhóm này vẫn còn hạn chế và họ cũng ít khi được thông tin đầy đủ về các quyền của mình.
- Mâu thuẫn giữa các quyền chính thức và quyền theo luật tục được nhận thấy ở hầu hết các quốc gia được nghiên cứu, điều này cản trở việc thực hiện hiệu quả REDD+ và các cơ chế chia sẻ lợi ích của REDD+.
- Các động lực (khuyến khích) được thiết kế dựa trên các phương án chia sẻ lợi ích hiện tại không đủ mạnh để các bên thay đổi hành vi.

Dù quốc gia có áp dụng một hoặc vài cơ chế chia sẻ lợi ích như được mô tả trong Phần 3, câu hỏi chính vẫn luôn cần được trả lời là ai phải được trả và ai sẽ chi trả. Như đã đề cập ở trên, lời giải cho các câu hỏi này phụ thuộc chủ yếu vào người kiểm soát quyền sở hữu. Tuy nhiên, do khái niệm về “quyền sở hữu” bao gồm rất nhiều quyền, điều cần thiết là phải hiểu ai nắm giữ những quyền nào trong từng cơ chế chia sẻ lợi ích.

Trong phần này, chúng tôi xem xét các hệ thống quyền khác nhau (ai có quyền gì đối với cái gì) tại các quốc gia được nghiên cứu với hai mục đích: lập sơ đồ các hệ thống quyền đối với các tranh luận công bằng (nếu có thể làm được) và để hiểu xem các cơ chế chia sẻ lợi ích hiện có hoặc đang được đề xuất đã được xây dựng trên nền tảng của các cấu trúc quyền và các thể chế quản trị hiện có như thế nào. Một mục tiêu bổ sung là giải quyết xem liệu các hệ thống chia sẻ lợi ích có thể được thiết kế hiệu quả trong các cấu trúc này hay không. Để xác định các bên và các quyền của họ trong các hệ thống chia sẻ lợi ích, một câu hỏi khác xuất hiện là liệu các hệ thống chia sẻ lợi ích và các cơ chế chi trả hiện có có tạo ra được động lực cho các bên liên quan tham gia và liệu cơ chế đang được vận hành có công bằng hoặc hợp lý hay không. Như trình bày ở Phần 2, chúng tôi sử dụng ở đây các khái niệm về quyền sử dụng, quyền kiểm soát và quyền có thẩm quyền.

### 5.1. Phân bổ thẩm quyền và quyền kiểm soát trong các cơ quan chính phủ, các nhà tài trợ và các NGO

Trong chia sẻ lợi ích theo chiều dọc, quyền có thẩm quyền do chính quyền trung ương nắm giữ. Các Bộ được giao nhiệm vụ quản lý tài nguyên thiên nhiên có trách nhiệm phân bổ quyền kiểm soát cho các bên cụ thể và để xác định bản chất và phạm vi cho phép của các quyền kiểm soát theo các luật, quy định và hướng dẫn về đa dạng sinh học, lâm nghiệp và môi trường (Sikor *et al.* 2012). Trong chia sẻ lợi ích theo chiều ngang thì ngược lại, các bên có liên quan chia sẻ với nhau quyền có thẩm quyền.

Nhìn chung, ở khu vực Mỹ Latin, mặc dù các cộng đồng được coi như là có quyền sử dụng và quản lý, nhưng quyền sở hữu đối với rừng vẫn hoàn toàn là của nhà nước. Tại châu Phi và châu Á, chỉ có rất ít quyền được trao cho các cộng đồng, trong khi các cơ quan chính phủ thường nắm giữ hầu hết cả các quyền có thẩm quyền và quyền kiểm soát (Phụ lục 2).

Ngoài Tanzania và PNG, chính quyền trung ương vẫn luôn giữ vị trí chi phối trong các cơ chế chia sẻ lợi ích tại tất cả các quốc gia được nghiên cứu. Ví dụ, tại Việt Nam, Quỹ Bảo vệ và Phát triển Rừng trung ương nắm toàn bộ quyền kiểm soát và giữ lại 5% tổng chi trả

gián tiếp để vận hành hoạt động của quỹ (Pham *et al.* 2012a). Tại các bang Parana và Minas ở Brazil, chính quyền nhận các khoản chi trả trong các chương trình PES để sử dụng cho việc bảo vệ nguồn nước sinh hoạt thông qua các chương trình bảo tồn; chi trả không được thực hiện trực tiếp đến các cộng đồng (Mayrand & Paquin 2004). Tuy các tiến trình phân quyền có thể giao cho chính quyền các cấp một số quyền có thẩm quyền, nhưng nhìn chung, các chính quyền trung ương vẫn duy trì thẩm quyền trong việc ra các quyết định quan trọng về các quy định trong lĩnh vực lâm nghiệp. Trong một số trường hợp (ví dụ, Tanzania), thẩm quyền cấp phép cho các đất nhượng quyền khai thác thuộc về cả chính quyền trung ương và địa phương. Tại Bolivia, các cơ quan thẩm quyền địa phương được trao toàn quyền trong việc thực hiện một số quy định được đưa ra ở cấp trung ương (Videa 2011). Các Sở Tài nguyên và Môi trường ở Lào có thẩm quyền cấp phép nhượng quyền khai thác đến 150 ha (Lestrelin *et al.* 2012).

Trong hầu hết các nghiên cứu điểm, các nhà tài trợ với quyền lực chính trị của mình cũng nổi lên như một nhóm đối tượng nắm các quyền kiểm soát và thậm chí còn chiếm ưu thế trong phương diện chính sách về REDD+. Ví dụ, các bên chiếm ưu thế nhất trong các chương trình REDD+ tại Cameroon chủ yếu là các tổ chức phi chính phủ bảo tồn song phương và đa phương quy mô lớn, có rất ít sự tham gia của các tổ chức dân sự Cameroon, và sự tham gia của nhà nước được biểu hiện qua sự đại diện của Bộ Môi trường và Ban Giám sát và Bảo vệ Sinh thái Tự nhiên. Kết quả là quy trình REDD+ vẫn chỉ chủ yếu là do bên ngoài tác động và là cuộc chơi của tầng lớp trên mà không lôi kéo được sự tham gia của một số lượng lớn các bên liên quan trong ngành lâm nghiệp, ví dụ như những người canh tác du canh, thợ săn, người quản lý rừng cộng đồng, các hội đồng quản lý rừng hội đồng địa phương, các công ty trong và ngoài nước hoạt động trong các ngành lâm nghiệp, nông nghiệp, khai khoáng và các tổ chức xã hội dân sự (Dkamela 2011).

Việc nhà nước duy trì nắm giữ các quyền kiểm soát và quyền có thẩm quyền không chỉ đơn thuần có nghĩa là các nhóm địa phương có ít cơ hội tham gia trong việc ra quyết định mà hình thức này còn có nhiều rủi ro hoạt động không hiệu quả bởi một vài yếu tố như sau.

Đầu tiên, một thực tế rất phổ biến là sự hiểu nhầm và mâu thuẫn giữa chính quyền trung ương và địa phương về việc ai nắm giữ các quyền có thẩm quyền và quyền kiểm soát. Ví dụ, chính quyền địa phương tại PNG có thẩm quyền ra các quyết định về tài nguyên nhưng

không biết chính xác phạm vi quyền lực mà họ được trao (Babon & Gowae 2013). Tại Lào, có rất nhiều điểm không rõ ràng xuất hiện khi thành lập Bộ Tài nguyên và Môi trường vào năm 2011 đặc biệt là việc chuyển giao trách nhiệm bảo tồn và bảo vệ rừng từ Bộ Nông Lâm nghiệp sang Bộ mới (Lestrelin *et al.* 2012). Tại Tanzania, Cục Lâm nghiệp và Nuôi Ong đóng một vai trò lớn trong việc thực hiện REDD+ nhưng vai trò này bị yếu đi rất nhiều do thiếu hợp tác giữa các bộ chuyên ngành và những khó khăn trong việc phối hợp và trao đổi thông tin theo chiều ngang ở cấp độ địa phương, đặc biệt là giữa các cộng đồng (Jambiya *et al.* 2012). Tại Bolivia, các luật lệ mới đã được ban hành để điều tiết việc phân bổ ở cấp độ quốc gia các diện tích rừng thuộc sở hữu công thành các vùng nhượng quyền khai thác hoặc theo hệ thống thuế lâm nghiệp mới đã được thiết kế (Pacheco 2005). Cụ thể là, Luật Chuyển đổi Cải cách Ruộng đất dựa trên Cộng đồng đã phân bổ đất đai cho các nhóm dân nghèo và không có đất, quyền lực đã được phân quyền và các quyền cho người dân và cộng đồng bản địa đã được thừa nhận (USAID 2010). Tuy nhiên, người dân bản địa ở Bolivia vẫn gặp rất nhiều khó khăn trong việc duy trì kiểm soát đối với đất đai của họ (Jambiya *et al.* 2012; Larson *et al.* 2010). Tại Indonesia, câu hỏi phát sinh liên quan đến tính hợp lệ của một chương trình chia sẻ lợi ích được ban hành theo Quy định số P.36/2009 của Bộ Lâm nghiệp, là liệu chương trình này có cần phải được ban hành ở cấp pháp lý cao hơn (quy định của chính phủ) hay cơ chế như vậy cần phải do Bộ Tài chính ban hành chứ không phải là Bộ Lâm nghiệp (Indrarto *et al.* 2012). Ở hầu hết các quốc gia được nghiên cứu, quyền lực theo chiều dọc và chiều ngang cũng tạo ra nhiều mâu thuẫn về các quyền kiểm soát và quyền có thẩm quyền giữa các cơ quan thẩm quyền nhà nước. Ví dụ, tại Indonesia, một “cuộc chiến” giữa các bộ về vấn đề tài chính cho REDD+ hiện đang xảy ra: Bộ Lâm nghiệp ban hành một quy định trong năm 2012 tuyên bố các vấn đề pháp lý để giải quyết việc phân bổ thu nhập ngoài thuế từ carbon rừng, trong khi đó, Bộ Tài chính lại đang soạn thảo một chính sách tài chính cho giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu (Masripatin 2013).

Thứ hai, tại Lào, Cameroon, Việt Nam, Indonesia, Mozambique, Tanzania và PNG, có thể thấy rất rõ sự không rõ ràng về vai trò dẫn dắt và điều phối của chính phủ – cơ quan chính phủ nào chịu trách nhiệm chính trong việc phát triển các chính sách và chiến lược REDD+ (Indrarto *et al.* 2012; Lestrelin *et al.* 2012; Pham *et al.* 2012a; Siteo *et al.* 2012). Thậm chí khi các cấp chính quyền địa phương được trao các quyền kiểm soát cụ thể, không phải lúc nào họ cũng đủ năng lực để thực hiện hết chức trách của mình. Trong

trường hợp các quỹ nhà nước, ví dụ như các quỹ PES cấp tỉnh ở Việt Nam và các quỹ ủy thác tại Tanzania và Cameroon, các cơ quan chính phủ địa phương cấp dưới (ví dụ, cơ quan quản lý khu bảo vệ hay các cơ quan cấp huyện) thường cũng nắm các quyền kiểm soát. Tuy nhiên, các cơ quan thẩm quyền địa phương này lại thường phụ thuộc quá nhiều vào các hướng dẫn và chỉ thị từ chính quyền trung ương (Quy Bảo vệ và Phát triển Rừng Việt Nam 2012). Các quyền quản lý để sử dụng tài nguyên gỗ hầu như do các đơn vị nhận nhượng quyền nắm giữ, trong đó, chính quyền (trung ương và/hoặc địa phương) chịu trách nhiệm xây dựng các luật lệ hoặc hướng dẫn về quản lý rừng bền vững; tuy nhiên, việc thiếu sự tuân thủ và thực thi luật pháp kém được ghi nhận ở rất nhiều trường hợp tại các quốc gia. Giám sát sản xuất lâm nghiệp thường thuộc trách nhiệm của chính quyền trung ương và cấp tỉnh, và quyền lực tương đối của các cơ quan này phụ thuộc vào chính sách phân quyền ở từng quốc gia. Tuy nhiên, nhiều cơ quan thẩm quyền địa phương thể hiện rõ sự yếu kém trong kiểm soát và giám sát các vùng nhượng quyền khai thác do họ không có đủ năng lực và tài lực cần thiết. Đơn cử tại Lào và Indonesia, đã có nhiều nỗ lực để hạn chế sự tự do của chính quyền cấp tỉnh trong vấn đề giám sát và thực thi pháp luật trong ngành lâm nghiệp (Indrarto *et al.* 2012; Lestrelin *et al.* 2012).

## 5.2. Chuyển giao quyền lực đến các cộng đồng địa phương

Một số quốc gia được nghiên cứu đã có sự chuyển đổi theo hướng cấp nhiều quyền sử dụng và kiểm soát hơn cho các cộng đồng địa phương. Tại Peru, khung pháp lý thừa nhận quyền sở hữu, chiếm hữu, cho thuê và quyền tập thể đối với đất sản xuất nông nghiệp và đất cộng đồng bản địa, và các hội đồng của cộng đồng có quyền cho, cho thuê, bán hay thế chấp đất cộng đồng (USAID 2010). Tanzania là quốc gia đầu tiên ở châu Phi chính thức thừa nhận vai trò của các cộng đồng trong quản lý và sở hữu rừng (Jambiya *et al.* 2012) trong Đạo luật Lâm nghiệp 2002, theo đó đưa ra cơ sở pháp lý cho các cộng đồng được sở hữu, quản lý hoặc đồng quản lý rừng theo những điều kiện khác nhau và trong các hệ thống bố trí quản lý khác nhau (USAID 2012). Burkina Faso có sự thừa nhận về mặt pháp lý đối với các quyền được công nhận theo các luật tục và truyền thống với một đạo luật được ban hành năm 2009 nhằm tăng cường phân cấp quản lý và trao quyền đối với các vấn đề liên quan đến đất đai và đưa ra sự thừa nhận chính thức đối với các quyền sử dụng của cá nhân và tập thể (USAID 2009).

Theo tiếp cận nhượng quyền rừng, các doanh nghiệp nhận nhượng quyền khai thác (dù là nhà nước, cộng đồng hay tư nhân) là loại đối tượng duy nhất được nắm các quyền sử dụng cho phép họ được thu lợi trực tiếp từ cây gỗ chưa bị khai thác. Một cộng đồng cũng có thể thực hiện chức năng giống như một doanh nghiệp nhận nhượng quyền nếu cộng đồng đó được cấp quyền khai thác như tại Mozambique, Burkina Faso và Bolivia (Jimbira *et al.* 2012; Siteo *et al.* 2012; Videa 2011). Các đối tượng quản lý rừng có quyền sử dụng đối với các lâm sản ngoài gỗ và động vật rừng bên ngoài các khu bảo vệ để phục vụ nhu cầu thiết yếu của họ. Chính phủ và các cộng đồng có thể được nhận các quyền sử dụng đối với các lợi ích gián tiếp từ rừng dưới dạng thu nhập qua một loại thuế đánh lên việc khai thác tài nguyên thiên nhiên hay trên phần trăm của nguồn thu từ bán gỗ, và việc chia sẻ các nguồn kinh phí này được phân bổ đến chính quyền ở các cấp khác nhau. Ví dụ, tại Cameroon, việc phân bổ thu nhập từ các loại thuế đánh lên khai thác công nghiệp tại các rừng nhượng quyền là 50% về ngân sách nhà nước, 40% vào các hội đồng nông thôn và 10% đến các thôn làng tiếp giáp với đất nhượng quyền (Dkamela 2011). Tại Indonesia, các thôn làng/cộng đồng không được nhận trực tiếp các nguồn thu từ tài nguyên rừng, thu nhập này được phân bổ trong các cơ quan chính quyền ở tất cả các cấp (Indrarto *et al.* 2012).

Các cơ quan nhà nước nắm quyền có thẩm quyền trong các quỹ độc lập nằm ngoài hệ thống hành chính quốc gia do mỗi quỹ ủy thác này đều có một đại diện chính phủ trong ban điều hành. Trong một số trường hợp, tùy thuộc vào mức độ kiểm soát của các nhà tài trợ, nhà tài trợ có thể nắm các quyền có thẩm quyền thông qua kiểm soát việc giải ngân và ra các quyết định đầu tư. Các quỹ chuyển trực tiếp vào nhà nước (nghĩa là các quỹ được bố trí trong ngân sách nhà nước hoặc trong hệ thống hành chính quốc gia) mang lại cho các cơ quan nhà nước rất nhiều thẩm quyền trong việc sử dụng kinh phí phát triển ngành. Dưới các hệ thống này, các cộng đồng và đối tượng quản lý rừng không có thẩm quyền sử dụng kinh phí, nhưng có thể nhận được các lợi ích gián tiếp từ, ví dụ, các hoạt động phát triển như đầu tư vào cơ sở hạ tầng, nông nghiệp, tăng năng suất, giáo dục và y tế.

Với các công cụ thị trường và quản lý hợp tác, người dân địa phương có thể tham gia trong việc thực hiện các quyền có thẩm quyền và chia sẻ các quyền kiểm soát với các cơ quan chính phủ; kết quả là, người dân địa phương có thể yêu cầu được chia sẻ nhiều hơn các lợi ích cuối cùng mà REDD+ mang lại. Tuy nhiên, quyền kiểm soát mà các nhóm này nắm giữ là không nhiều và họ cũng thường không được thông tin đầy đủ về các quyền này.

Các ví dụ thực tế về chia sẻ lợi ích theo ABS cũng như thông tin về các kiểu quyền sử dụng mà các bên nắm giữ tại các quốc gia nghiên cứu cũng không nhiều. Nhìn chung, các công ty tư nhân hay các cơ quan nghiên cứu được cấp các quyền sử dụng đối với kiến thức truyền thống và tài nguyên di truyền. Một nhóm liên kết nghiên cứu giữa một trường đại học Mỹ (Đại học Tổng hợp Washington) và hai trường đại học ở Peru (Đại học Peruana Cayetano Heredia và Đại học Quốc gia Mayor de San Marcos) đã yêu cầu và được cấp quyền sử dụng đối với một số kiến thức truyền thống về các đặc tính chống sốt rét của một số loài thực vật (Suneetha & Pisupati 2009). Công ty Natura của Brazil đã được cấp các quyền sử dụng đối với kiến thức truyền thống khi họ sử dụng các nguyên liệu từ thực vật để sản xuất các sản phẩm chăm sóc thân thể và mỹ phẩm, và qua đó, được hưởng lợi từ các quyền này thông qua doanh thu bán hàng (Laird & Wynberg 2008). Migros Federation of Cooperatives, chuỗi bán lẻ lớn nhất tại Thụy Sĩ, có một thỏa thuận với chính phủ Bolivia cho họ quyền bảo vệ, truyền bá và tiếp thị năm loài khoai tây bản địa của Bolivia, trong đó có điều khoản cam kết chi trả cho nông dân một khoản hoa hồng từ doanh thu bán hàng (Ibisch 2005).

Tùy thuộc vào khung pháp lý và thỏa thuận ABS tại từng quốc gia, các đối tượng quản lý rừng tham gia vào cung ứng nguyên liệu được quyền chia sẻ một phần đối với bất cứ lợi nhuận nào thu được từ nguồn gen và kiến thức, bản quyền, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị hoặc đào tạo truyền thống. Ví dụ, cộng đồng Iratapuru ở Brazil nhận được phần trăm từ doanh thu ròng và các hoạt động xây dựng năng lực từ Natura (Laird & Wynberg 2008). Những người khai thác cây thuốc ở Cameroon được nhận quyền khai thác thực vật và nhờ nó họ nhận được chi trả từ các phòng thí nghiệm tại Hoa Kỳ khoảng 1 Euro cho 3 cây thuốc được khai thác (Rosendal 2010).

Các quyền sử dụng tài nguyên gỗ thường được đề cập nhiều nhất trong quản lý dựa vào cộng đồng. Ví dụ, người Krui ở tây nam Sumatra qua nhiều thế hệ đã áp dụng các mô hình nông lâm kết hợp phức tạp, trong đó trồng hàng loạt các loại cây có thể phát triển tốt dưới tán rừng dày có thể sử dụng cho mục đích thương mại như khai thác nhựa và gỗ. Họ có quyền khai thác và tiếp thị gỗ từ cây gỗ mà họ trồng theo như cái cách quyền sử dụng đất và được hỗ trợ bởi một nghị định của Chính phủ (Casson 2005).

Trong các chương trình JFM, chủ sở hữu rừng có quyền được sử dụng bền vững các lâm sản ngoài gỗ làm nguồn tiêu dùng tại chỗ cũng như mang lại nguồn thu

cho cộng đồng. Trong một số trường hợp, các tổ chức cộng đồng hợp tác với các cơ quan chính phủ có thể nắm quyền kiểm soát (ví dụ, ban quản lý thôn bản tại Việt Nam; CNNRM tại Bolivia; các nhóm quản lý trong các dự án ICDP ở Peru; các tổ chức cộng đồng trong chương trình PES ở Indonesia).

Tại Nepal, chính phủ liên bang sở hữu toàn bộ đất rừng; tuy nhiên, chính phủ liên bang ủy quyền quản lý một lượng lớn đất rừng cho các cộng đồng địa phương thông qua một vài hình thức đồng quản lý (Paudel *et al.* 2013). Các nhóm địa phương này có tư cách pháp nhân và chịu trách nhiệm xây dựng các mục tiêu quản lý của nhóm, các hoạt động và các luật lệ điều tiết việc sử dụng đất rừng thuộc trách nhiệm của họ (USAID 2012). Một ví dụ là tại Khu Bảo tồn Cộng đồng Mareja, 50% lợi tức được sử dụng cho phát triển cộng đồng (Nhantumbo & Izidine 2009). Dự án ICDP tại Vườn Quốc gia Kaa-Iya ở Bolivia là một trường hợp đặc biệt, trong đó chính quyền và các cộng đồng nhận được nguồn kinh phí như một khoản đền bù cho việc giảm thiểu tác động tiêu cực từ việc khai thác khí đốt tự nhiên từ một công ty khí đốt (Alers *et al.* 2007).

### 5.3. Mâu thuẫn giữa các quyền sử dụng chính thức và theo truyền thống

Tại tất cả các quốc gia nghiên cứu, những người nắm quyền sử dụng cộng đồng cũng chỉ có những ảnh hưởng rất nhỏ đến công tác quản lý rừng do cơ sở pháp lý cho các quyền của họ khá yếu. Một vấn đề cụ thể là mâu thuẫn giữa các quyền *theo luật pháp* (pháp lý) và *trên thực tế* (truyền thống). Hầu hết các cộng đồng sống gần rừng ở các quốc gia đều không thật sự hiểu đầy đủ các vấn đề của REDD+; ngoại trừ trường hợp những người đại diện cho các cộng đồng bản địa và truyền thống ở khu vực Amazon nắm khá rõ ràng tầm quan trọng của việc đảm bảo quyền sử dụng đất đối với việc được tiếp cận đến các lợi ích đi kèm với REDD+ và đưa các mối quan ngại này vào các đàm phán để đi đến một chiến lược REDD+ trong đó các vấn đề về tính công bằng được xác định là ưu tiên cao (May *et al.* 2011). Tại PNG, tuy là có những quyền *theo luật pháp* rõ ràng, nhưng các chủ đất truyền thống vẫn thường bị gạt ra bên lề trong việc ra các quyết định liên quan đến đất đai của họ (Babon & Gowae 2013). Tại Brazil, sở hữu đối với rừng được xác định tách rời với sở hữu đối với đất đai thông qua các dàn xếp mang tính hợp đồng (ví dụ, thỏa thuận thuê đất, nhượng quyền khai thác đối với sản phẩm trên mặt đất), trong khi chính phủ liên bang vẫn nắm giữ quyền được can thiệp vào tất cả các loại đất rừng nếu có sự thay đổi trong chính

sách quốc gia đối với các vùng đất mà người bản địa đã nắm giữ theo truyền thống (Chagas 2010). Tại Indonesia, Luật Lâm nghiệp sửa đổi năm 1999 cho phép thành lập các vùng “rừng theo luật tục” và “các vùng quản lý cho các mục tiêu đặc biệt”, mặc dù các cư dân gần rừng có một số quyền sử dụng và quản lý nhất định đối với các loại hình rừng này nhưng đất và tài nguyên thì vẫn là tài sản của nhà nước. Tuy nhiên, trên thực tế, việc áp dụng các kiểu quyền này đều rất hạn chế (USAID 2012). Tại Lào, chính sách Phân bổ Đất đai và Đất Rừng (LFA) thừa nhận các quyền của cộng đồng địa phương trong việc sử dụng đất rừng (Fujita 2008) nhưng trên thực tế, các cộng đồng gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận các quyền này (Lestrelin *et al.* 2012). Bộ luật Lâm nghiệp DRC (Luật 11/2002) quy định sở hữu đối với tất cả rừng và tài nguyên rừng thuộc về nhà nước, tuy nhiên cũng thừa nhận các quyền sử dụng truyền thống đối với các sản phẩm và dịch vụ từ rừng (USAID 2012). Tuy nhiên, các quyền sử dụng theo luật tục không phải là các quyền đầy đủ, ngoại trừ trường hợp các cộng đồng được nhận nhượng quyền khai thác rừng (USAID 2012).

#### 5.4. Lợi ích và động lực cho việc tham gia vào REDD+

Như đề cập ở trên, mục tiêu trọng tâm của phân tích này là đánh giá xem liệu sự khuyến khích (ưu đãi) đã đủ để trở thành nhân tố giúp các bên thay đổi hành vi của họ hay chưa. Như đã thấy ở trên, có rất ít ưu đãi có thể thực sự khuyến khích được các cộng đồng do quyền sử dụng đất chưa rõ ràng. Ngoài ra để đảm bảo tính bền vững và liên tục của việc cung cấp các dịch vụ môi trường, việc chi trả phải được thực hiện trực tiếp và hợp lý đến những người cung cấp các dịch vụ (Tomich *et al.* 2004). Việc xác định cơ chế tốt nhất để chi trả đến người cung cấp cũng rất quan trọng (Garnett *et al.* 2007). Tranh luận về việc chi trả sẽ chỉ nên dựa vào kết quả (ví dụ, sự tham gia của địa phương trong một chương trình) hay là sự đóng góp (ví dụ, trả trước) rất phổ biến ở hầu hết các quốc gia được nghiên cứu. Trong khi các nhà tài trợ thường ưu tiên vận động cho chi trả dựa trên kết quả, các chính phủ lại thường quan tâm hơn đến việc tạo ra ưu đãi cho các cộng đồng địa phương để họ có thể ít nhất đáp ứng nhu cầu sống hàng ngày (Pham *et al.* 2012a). Một gợi ý khác là kết hợp cả chi trả bằng tiền mặt và hiện vật có thể sẽ mang lại những thành công trong việc đảm bảo lợi ích lâu dài cho cộng đồng địa phương.

Phân loại các phương thức thanh toán (ví dụ, bằng hiện vật: có được chứng chỉ quyền sử dụng đất tại

Tanzania và Indonesia; phát triển cơ sở hạ tầng tại Brazil; chi trả bằng tiền mặt tại Brazil và Việt Nam), hình thức thanh toán (ví dụ, chi trả dựa trên hiệu suất thực hiện tại Brazil; chi trả dựa trên sự tham gia tại Peru và Brazil) và các cơ chế phân bổ lợi ích (ví dụ, dựa trên các quỹ; chi trả trực tiếp đến từng hộ dân) được trình bày trong Bảng 5. Trong số này, đảm bảo quyền sử dụng đất và chi trả bằng tiền mặt trực tiếp cho các hoạt động cải thiện sinh kế và phát triển cộng đồng mang lại những động lực lớn nhất khuyến khích những người cung cấp các dịch vụ môi trường tham gia vào REDD+ (Indrarto *et al.* 2012; Paudel *et al.* 2013). Việc ứng dụng tốt nhất cho từng phương án sẽ phụ thuộc vào các bối cảnh chính trị, kinh tế và xã hội cụ thể – không công thức chung nào phù hợp với mọi bối cảnh. Động lực cá nhân của những người tham gia vào PES có thể là những khoản chi trả (Wunder 2008), các giá trị cá nhân và thái độ của họ, đều chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố kinh tế, xã hội, đạo đức và văn hóa (de Vries & Petersen 2009; Pham *et al.* 2012b; Spash *et al.* 2009), hoặc bởi thông tin và các lý lẽ tranh luận của các bên trung gian đưa ra. Chi trả thường là một động lực có sức hấp dẫn để người dân tham gia vào PES vì nó giúp họ bổ sung thêm vào nguồn thu nhập thường xuyên. Tuy nhiên, PES thường tập trung vào việc hỗ trợ các hoạt động tạo thu nhập hơn là trực tiếp tạo ra một nguồn kinh tế mới hay nỗ lực trực tiếp tăng thu nhập của người dân (Kosoy *et al.* 2008). Ngoài ra, các khoản chi trả cố định có khi sẽ cao hơn hoặc thấp hơn so với chi phí cơ hội, nhất là trên thực tế thì sự phân bổ theo không gian của các dịch vụ môi trường là không đều. Để giải quyết vấn đề này, người ta khuyến khích việc đấu giá dịch vụ như là chiến lược cho các nước đang phát triển và hiện nay nó đã được áp dụng ở một vài quốc gia Đông Nam Á (Jack *et al.* 2008; Klimeka *et al.* 2008), tuy nhiên vẫn cần có thêm các đánh giá về tác động của nó lên chất lượng môi trường và các kết quả xã hội khác.

Sự tham gia vào PES cũng có thể bị ảnh hưởng bởi những động cơ mạnh về văn hóa và đạo đức. Khi có được thông tin về các vấn đề môi trường và về chi phí/tác động của các hoạt động bảo tồn, một cá nhân có thể từ chối mọi khoản đánh đổi bằng tiền đối với các hoạt động gây hại đến môi trường (Spash *et al.* 2009) và lựa chọn tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường (Matta *et al.* 2009; Suzuki & Iwasa 2009). Như Vries & Petersen (2009) đã nêu ra, và cũng như chứng minh thực tế tại Việt Nam, một số bên chống lại PES do họ không hiểu đầy đủ về quy mô và ý nghĩa của các vấn đề môi trường. Các quy định của chính phủ, các chiến dịch truyền thông của NGO, đào tạo và chia sẻ thông tin sẽ rất cần để thay đổi nhận thức này (Bishop

Bảng 5. Lựa chọn tiếp cận về chia sẻ lợi ích trong các dự án

Dự án	Kiểu bố trí chia sẻ lợi ích*	Chi tiết
<b>Tanzania:</b> Nhóm Bảo tồn Rừng Tanzania – Kilosa và Lindi	Các hộ gia đình (HH): sinh kế thay thế,* xây dựng năng lực,* cải tiến nông nghiệp,* PES	Phần lợi nhuận từ REDD+ được trả cho tất cả các thành viên của thôn làng đạt tiêu chuẩn được xác định bởi quy chế thôn; quỹ trả trước và chi trả cho các cá nhân được dựa trên tiềm năng trung bình của việc tránh được phát thải mỗi năm; hội đồng thôn quyết định xem liệu có sử dụng lợi tức cho các dự án cộng đồng hay không.
<b>Tanzania:</b> Mpingo	HH: PES Cộng đồng: đảm bảo quyền sử dụng đất* <sup>2</sup> ; chứng chỉ*	Có được chứng chỉ đất; làm rõ ranh giới,* tiến bán gỗ thông qua Hội đồng quản lý rừng và các kế hoạch sử dụng và quản lý đất. Do kế hoạch ban đầu nhằm chuyển lợi nhuận đến các cộng đồng sau khi đã khấu trừ các chi phí chưa nhận được sự đồng thuận, việc xác định phần trăm trong cơ chế này đang được thảo luận thêm.
<b>Tanzania:</b> CARE	Cộng đồng: nhiên liệu thay thế để nấu ăn,* sinh kế thay thế* và năng cao năng lực,* PES	Phần bổ nguồn thu từ carbon sẽ được sử dụng trong các hệ thống tín dụng và cho vay hiện có của thôn. CARE và cộng đồng sẽ đàm phán về các quyền đối với carbon thông qua một tổ chức tập hợp các bên.
<b>Brazil:</b> São Felix do Xingu	HH: các quy tắc về quyền sử dụng đất,* sinh kế thay thế,* năng cao năng lực	Thanh toán và trả trước có điều kiện cho các chủ đất tư nhân (lớn và nhỏ), các nhóm bản địa và những người quản lý khu bảo vệ để: 1) chủ đất: tăng cường thông tin và kiểm soát, một hệ thống lồng ghép về cấp phép và giám sát môi trường, các nỗ lực để tăng năng suất chăn nuôi đại gia súc, tái trồng rừng trên quy mô lớn bằng các loài có giá trị cao; 2) đất của các nhóm bản địa: các nguồn thu nhập thay thế bên vững, quy tắc quản lý tài nguyên thiên nhiên; 3) các cơ quan bảo tồn: thành lập hội đồng quản lý và xây dựng kế hoạch quản lý, cải thiện việc bảo vệ và giám sát.
<b>Brazil:</b> Chuẩn Nhà nước về Hệ thống các Ưu đãi cho Dịch vụ Môi trường	HH: PES,* chiến lược sản xuất thay thế,* quản lý rừng bền vững; quy tắc về quyền sử dụng đất*	Lợi ích từ tăng cường sản xuất trên đất không còn rừng thuộc tài sản địa phương hoặc các khu dân cư nông thôn, bao gồm 1) tài chính cho việc cấp chứng chỉ; 2) bình ổn vào bảo vệ các diện tích có độ che phủ rừng cao và rừng thuộc các nhóm bản địa, bao gồm giám sát lãnh thổ, hỗ trợ lâm nghiệp đa mục tiêu, các dự án văn hóa-xã hội; 3) lợi ích từ năng cao trữ lượng carbon tại các diện tích đã mất rừng.
<b>Brazil:</b> Bolsa Floresta	HH: PES; đa dạng hóa thu nhập; năng cao năng lực* Cộng đồng: các dịch vụ công	Các hộ dân, cộng đồng và các hiệp hội tham gia nhận được các lợi ích có điều kiện. Các gia đình cam kết không phá rừng và cho con đến trường được nhận khoản chi trả hàng tháng là 50 Real mỗi hộ (30 USD)
<b>Việt Nam:</b> SNV	HH: cải thiện quản lý đất đai,* sinh kế thay thế*	Đang ở giai đoạn thiết kế ban đầu. SNV đang thử nghiệm các cách thức khác nhau về chia sẻ lợi ích thông qua các quỹ cộng đồng và của tỉnh. Chuyển hướng ra khỏi trọng tâm tìm kiếm tín chỉ thị trường tự nguyện; đang tìm cách định lượng chi phí cơ hội.
<b>Peru:</b> Dự án REDD trên đất Nhượng quyền thu Hạnh nhân Andes (Brazil Nut)	HH: PES; các lợi ích bằng hiện vật	Những người đóng góp vào việc giảm phát thải thông qua một sáng kiến thử nghiệm tái trồng rừng được nhận các lợi ích có điều kiện.
<b>Peru:</b> Alto Mayo	HH: vật tư nông nghiệp,* năng cao năng lực,* liên kết với các thị trường bên vững* Cộng đồng: các dịch vụ công	Hỗ trợ sản xuất cà phê sạch bền vững

xin xem tiếp trang sau

Bảng 5. Tiếp tục

<b>Indonesia: Bể carbon Cộng đồng Ketapang</b>	HH: nâng cao năng lực;* củng cố quyền sử dụng đất,* sinh kế thay thế	Cải thiện quyền sử dụng đất thông qua việc thiết lập các <i>hutan desa</i> (rừng thôn làng)
<b>Indonesia: Dự án Bảo tồn Đa dạng Sinh học Rimba Raya</b>	HH: công ăn việc làm;* nâng cao năng lực; sinh kế thay thế;* tín dụng Cộng đồng; phát triển thôn làng	Du lịch sinh thái; cơ sở hạ tầng; sức khỏe và tín dụng

a. dấu hoa thị là dự án đã bắt đầu thực hiện.

\* số liệu thu được từ "thảo luận tại chỗ", "danh mục các dự án", và các báo cáo nội bộ do các thành viên nhóm nghiên cứu trong GCS Hợp phần 2 tại các quốc gia Tanzania, Brazil, Việt Nam, Peru, và Indonesia, cũng như trao đổi trực tiếp và các thông tin bổ sung từ các nhóm nghiên cứu này. Thông tin bổ sung về các dự án tại Brazil được trích dẫn từ Duchelle *et al.* (2010).

Nguồn: Luttrell *et al.* (2012)

*et al.* 2008). Hơn nữa, do môi trường vẫn được coi là một phần của phong tục và văn hóa, mong muốn bảo vệ môi trường cho các thế hệ mai sau có thể là động lực giúp người dân tham gia vào quản lý tài nguyên thiên nhiên (Hyams *et al.* 2008; Kosoy *et al.* 2008). Trong

các trường hợp này, hỗ trợ các cá nhân và tổ chức hiện đang cố xúy và duy trì các truyền thống địa phương có thể sẽ mang lại hiệu quả cao hơn so với cung cấp các khoản chi trả bằng tiền (Garnett *et al.* 2007).



## 6. Đánh giá rủi ro

- Quyền sử dụng đất không rõ ràng và không chắc chắn tạo ra sự bất công giữa các cấp và đe dọa các quyền truyền thống.
- Việc thiếu sự đại diện của một số bên trong việc ra quyết định làm giảm tính hợp pháp của các chính sách REDD+. Các mâu thuẫn giữa các cơ quan chính phủ và các bên liên quan trải dài theo cả trục ngang và trục dọc của việc tiếp cận; việc nắm bắt các lợi ích và các khoản chi trả tiềm năng không chỉ làm giảm tính hiệu quả của các dòng tài chính mà còn có thể làm trì hoãn việc phân bổ các khoản chi trả đến các đối tượng ở cấp cơ sở.
- Các bài học liên quan đến điều kiện cho việc vận hành REDD+ không được gắn kết với việc ra quyết định của các quốc gia do thiếu cơ chế chia sẻ thông tin hiệu quả. Hơn nữa, việc không lồng ghép được những bài học kinh nghiệm trong quá khứ vào thiết kế REDD+ có thể dẫn đến sự chống chèo khi thực hiện các nỗ lực phát triển REDD+ song song với các chính sách quốc gia, thường là không có không gian dân chủ cần thiết, sẽ không thể giúp xây dựng năng lực cho các cấu trúc và các tiến trình của chính phủ. Sự chống chèo rườm rà này sẽ dẫn đến việc tăng chi phí giao dịch trong việc thực hiện REDD+, và như vậy sẽ làm giảm tính hiệu quả của toàn bộ chương trình.
- Việc phân quyền sẽ chỉ có ý nghĩa nếu nó đi cùng với xây dựng các năng lực cần thiết cho chính quyền địa phương. Việc thiếu một hệ thống quản trị nhiều lớp có năng lực thực hiện sẽ là nguy cơ đe dọa sự thành công của việc thực hiện REDD+.
- Quy mô và cấp độ của định nghĩa “rừng” và các hệ thống quyền sử dụng đất rừng khác có thể dẫn đến những khác biệt trong thiết kế và thực hiện các hoạt động REDD+.
- Các rủi ro dễ nhận thấy luôn đi kèm với mỗi tranh luận và luận điểm về chia sẻ lợi ích.
- Điều quan trọng là cần phải đảm bảo tính hợp pháp và phù hợp của tiến trình ra quyết định.

Trong phần này, chúng tôi xem xét các rủi ro đi kèm với từng ý kiến tranh luận được sử dụng làm cơ sở cho các cơ chế chia sẻ lợi ích trong REDD+.

### 6.1. Quyền sử dụng đất không rõ ràng và không ổn định

Như đã trình bày ở Phần 3, mặc dù có rất nhiều lý lẽ tranh luận về vấn đề công bằng được ghi nhận ở từng quốc gia trong nghiên cứu này, vấn đề được quan tâm nhiều nhất ở tất cả các quốc gia chủ yếu vẫn là luận điểm I (về các quyền hợp pháp đối với lợi ích từ REDD+) và luận điểm III (là các bên liên quan phải chịu chi phí đều có quyền được hưởng lợi/được bồi hoàn từ các khoản chi trả REDD+).

Trên lý thuyết, việc lựa chọn luận điểm I làm nguyên tắc nền tảng cho các cơ chế chia sẻ lợi ích sẽ tạo ra cơ hội làm rõ và củng cố các quyền (ví dụ, thừa nhận các quyền địa phương và quyền truyền thống, cải thiện chia sẻ thông tin, nâng cao tính đại diện và trách nhiệm

giải trình, những nguy cơ đối với REDD+) (Larson *et al.* 2012). Tuy nhiên, thực tế tại 13 quốc gia và một số dự án PES lại cho thấy hầu như các cơ hội này chưa được đề cập và xem xét đến. Các vấn đề liên quan đến quyền sử dụng đất thường thấy ở tất cả các quốc gia được nghiên cứu bao gồm: thiếu sự rõ ràng về quyền sở hữu; các quy định chống chèo, mâu thuẫn giữa các quyền theo truyền thống và quyền nhà nước (đặc biệt là tại Indonesia, Việt Nam, Cameroon, Tanzania và, ở mức độ nào đó tại Peru); các quyết định về sử dụng đất mâu thuẫn với nhau giữa các cấp và giữa các cơ quan chính phủ; thiếu quyền loại trừ và/hoặc khả năng loại trừ; thực thi và giám sát pháp luật yếu kém; thực hiện sai quy hoạch sử dụng đất; việc đại diện cho đất đai thuộc sở hữu chung thiếu dân chủ; và các quyết định được ban hành mà không có sự hiểu biết và đồng thuận của đại bộ phận dân chúng địa phương. Các vấn đề này dẫn đến việc các bên mạnh hơn nắm giữ hầu hết các quyền, nắm giữ ưu thế và hình phạt sẽ đổ lên đầu người dân địa phương ngay cả khi mất rừng hay xuống cấp rừng do những người bên ngoài gây ra (Larson *et al.* 2012, 2013; xem Bảng 6 về thông tin chi tiết hơn). Tuy

**Bảng 6. Các vấn đề về quyền sử dụng đất chính tại 13 quốc gia**

Quốc gia	Vấn đề quyền sử dụng đất ở quốc gia
Brazil	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quyền sử dụng đất không rõ ràng, các quyền chồng chéo, nhiều diện tích lớn không có chủ quyền rõ ràng (24% vùng Amazon của Brazil là đất công chưa được phân loại)</li> <li>Sức ép lên các diện tích thuộc cộng đồng bản địa cho dù quyền và ranh giới đã được xác định rõ ràng (rất ít trường hợp)</li> <li>Sự thiếu nhất quán nghiêm trọng trong việc giải thích luật, dẫn đến thực hiện sai các quy định</li> <li>Thiếu nguồn kinh phí và nhân sự cần thiết để xây dựng quy tắc về sử dụng đất; tiến trình rất chậm</li> </ul>
Indonesia	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các luật về quyền đối với đất và rừng mâu thuẫn, không nhìn nhận các quyền truyền thống của cộng đồng đối với rừng</li> <li>Hạn chế về các quyền sử dụng truyền thống do ưu tiên việc sử dụng rừng theo hướng kinh doanh</li> <li>Thiếu các luật lệ và thủ tục để đăng ký rừng cộng đồng</li> <li>Các bản đồ không chính xác</li> <li>Các vấn đề mâu thuẫn, tranh cãi về ranh giới và xâm lấn rừng</li> </ul>
Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có khoảng cách lớn giữa luật quốc gia và luật tục theo truyền thống, quyền sử dụng đất truyền thống không được thừa nhận</li> <li>Tuyên bố chủ quyền chồng chéo giữa đất bản địa và đất chiếm dụng</li> <li>Thiếu nhân lực và tài lực cho việc phân bổ đất rừng</li> <li>Các vấn đề tồn tại trong công nghệ công nghệ dẫn đến bản đồ không chính xác</li> <li>Phân bổ đất rừng thiếu công bằng; chiếm dụng đất</li> <li>Các nhóm sử dụng rừng có hiểu biết hạn chế về quyền và trách nhiệm đi kèm với đất rừng được phân bổ</li> </ul>
Cameroon	<ul style="list-style-type: none"> <li>Mâu thuẫn giữa luật chính thức và luật tục theo truyền thống; các luật chính thức hạn chế quyền sử dụng của địa phương</li> <li>Lâm nghiệp cộng đồng nỗ lực để tạo ra một liên kết chính thức giữa các cộng đồng và rừng mà không cần phải thừa nhận các tuyên bố chủ quyền theo truyền thống</li> <li>Chỉ có tầng lớp trên có đủ phương tiện để đăng ký đất và do vậy chỉ có họ có quyền sở hữu được chính thức thừa nhận</li> <li>Việc khoanh vùng đất đai dẫn đến mâu thuẫn dai dẳng giữa các bên liên quan</li> <li>Quyền và trách nhiệm chồng chéo giữa các cơ quan thẩm quyền nhà nước trong các ngành khác nhau (rừng, sử dụng đất, khai khoáng, nước, v.v...)</li> </ul>
Tanzania	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không có sự thừa nhận pháp lý ở cấp độ quốc gia đối với các quyền bản địa</li> <li>Một số cơ quan chính phủ diễn giải các phân hạng sử dụng đất chính thức theo kiểu nhà nước sở hữu phần lớn đất của thôn làng (ví dụ, Cục Lâm nghiệp và Nuôi ong)</li> <li>Mâu thuẫn giữa nông dân và người chăn nuôi gia súc</li> <li>Mâu thuẫn về việc cấm chăn thả gia súc vì các mục đích môi trường</li> <li>Tranh cãi và chồng chéo giữa các phương thức sử dụng đất và nguy cơ tầng lớp trên thâm thu tóm quyền lợi</li> <li>Các quyền truyền thống được thừa nhận nhưng không phải lúc nào cũng được tôn trọng</li> </ul>
DRC	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đất được coi là chưa có chủ là đối tượng thầu tóm của nhà nước</li> <li>Thiếu công cụ quy hoạch để có thể phân bổ đất đai</li> <li>Tuyên bố chủ quyền chồng chéo về đất đai và khai khoáng</li> </ul>
Lào	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thực thi luật pháp yếu kém làm cản trở các nỗ lực đảm bảo quyền đối với đất đai của các cộng đồng địa phương và người dân bản địa</li> <li>Các khía cạnh pháp lý liên quan đến quyền sử dụng đất và đăng ký đất đai không rõ ràng</li> </ul>
Nepal	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không có luật rõ ràng về các quyền của người dân bản địa liên quan đến quyền sử dụng đất</li> </ul>
PNG	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quyền sử dụng đất theo truyền thống và theo pháp luật (thừa nhận quyền truyền thống) không phải lúc nào cũng được giới chức địa phương coi trọng</li> </ul>

Quốc gia	Vấn đề quyền sử dụng đất ở quốc gia
Mozambique	Thực thi luật và các quy định yếu kém có thể đe dọa tính công bằng của các kết quả Không có đầy đủ quyền được sử dụng và hưởng lợi từ đất đai, thực thi pháp luật và các quy định yếu kém
Peru	Người dân bản địa có quyền đối với đất có thể chuyển nhượng chứ không có quyền đối với lãnh thổ lớn hơn không thể chuyển nhượng Hệ thống phân loại đất chồng chéo và thiếu cơ chế đăng ký đất đai Quyền và bổn phận chồng chéo giữa các cơ quan thẩm quyền nhà nước trong các ngành khác nhau (rừng, sử dụng đất, khai khoáng, nước, v.v...) Các khu bảo tồn và các phân hạng đất rừng khác chỉ được tuyên bố trên giấy chứ không có ranh giới xác định rõ

*Nguồn.* Điều chỉnh từ Babon & Gowae 2013; Dkamela 2011; Indrarto *et al.* 2012; Jambiya *et al.* 2012; Jimbira *et al.* 2012; Larson *et al.* 2012; Lestrelin *et al.* 2012; May *et al.* 2011; Mpoyi *et al.* 2013; Paudel *et al.* 2013; Pham *et al.* 2012a; Piu *et al.* 2013; Siteo *et al.* 2012; Videia 2011

nhiên, Luttrell *et al.* (2012) lập luận rằng các quyền sử dụng đất và rừng không nhất thiết gắn liền với quyền được hưởng lợi từ hấp thụ carbon. Trong một số trường hợp, các bên có thể được hưởng lợi từ tín chỉ carbon dựa trên kết quả của một hành động; và như vậy, việc họ được hưởng lợi không nhất thiết là dựa trên quyền sử dụng đất hay rừng mà dựa trên hoạt động của họ hoặc trên các quyền quản lý, quyền thừa hưởng từ tổ tiên, quyền sử dụng hoặc là đầu tư vốn của họ.

Tại DRC, Mozambique, Việt Nam và Indonesia, nhà nước nắm toàn bộ quyền sở hữu và quyền kiểm soát đối với quản lý đất rừng, thực thi pháp luật và cho phép đối với quyền sử dụng, các hộ gia đình và cộng đồng dường như chỉ nhận được rất ít từ chi trả REDD+ (Indrarto *et al.* 2012; Mpoyi *et al.* 2013; Pham *et al.* 2012a; Siteo *et al.* 2012).

Hơn nữa, như Korhonen-Kurki *et al.* (2012) ghi nhận, các quyền và trách nhiệm đối với REDD+ đối với chủ đất (các quyền sở hữu và sử dụng) ở các cấp độ khác nhau nhìn chung là không rõ ràng và việc đưa ra các khuôn khổ pháp lý mới trong các chương trình REDD+ có thể dẫn đến việc tước đi các quyền theo truyền thống. Larson *et al.* (2013) ghi nhận rất ít trường hợp có thay đổi lớn về quyền sử dụng đất; ngoại trừ tại Brazil, nơi đã có những nguồn lực và các nỗ lực đáng kể để tạo ra cơ hội nhằm đảm bảo các quyền về đất đai cho người dân địa phương thông qua hàng loạt các dự án thí điểm REDD+.

Khung pháp lý hiện tại ở tất cả các quốc gia được nghiên cứu đều cần có những cải cách lớn mới có thể đáp ứng được với những thách thức mới đang xuất hiện, ví dụ như việc thiết lập các quyền carbon. Hiện tại chỉ có ở Brazil, sự đồng thuận về yêu cầu phải thừa nhận các

quyền carbon của người dân bản địa ngày càng được nâng cao (May *et al.* 2011), các quốc gia khác (ví dụ, Việt Nam, Nepal, Peru, và Mozambique) lại đang tụt hậu trong việc thể chế hóa các quyền này (Paudel *et al.* 2013; Pham *et al.* 2012a; Piu *et al.* 2013; Siteo *et al.* 2012). Do vậy, người dân địa phương bắt đầu đòi hỏi lợi ích chính đáng của mình từ REDD+ sẽ mất đi động lực giảm phát thải, và việc thiếu rõ ràng về các quyền đối với carbon và đất đai sẽ dẫn đến sự bất công trên ọi cấp độ (Korhonen-Kurki *et al.* 2012). Vấn đề về quyền sử dụng đất và rừng vẫn đang là mối quan ngại lớn, vì vậy, thực tế tại tất cả 13 quốc gia được nghiên cứu cho thấy rất ít hy vọng sẽ có sự thay đổi đáng kể điều kiện hiện tại (Larson *et al.* 2012).

Như đã thảo luận ở Phần 5, tại tất cả các quốc gia, nhà nước giữ quyền có thẩm quyền và quyền kiểm soát. Việc nhà nước giữ vai trò quyết định đối với các quyền cấp nhượng quyền trồng cọ dầu, khai thác gỗ và khai khoáng hoặc các quyền sử dụng đối với các bên liên quan khác trên đất đang được sử dụng tại Indonesia, Peru, PNG và Cameroon không chỉ đe dọa các quyền truyền thống (Brockhaus *et al.* 2013) mà còn là nguy cơ tạo ra những mâu thuẫn sâu sắc giữa nhà nước và các cộng đồng địa phương (Larson *et al.* 2012). Đồng thời, các quyền của cộng đồng thông qua các yêu cầu luật tục hầu như không được thừa nhận (ví dụ, tại Việt Nam) hoặc không rõ ràng hay mâu thuẫn (ví dụ, Tanzania, Indonesia) và yếu (ví dụ, Cameroon, Nepal). Trong các quốc gia được nghiên cứu, PNG là trường hợp đặc biệt khi các quyền theo truyền thống được công nhận trên hơn 90% đất rừng; tuy nhiên, thậm chí cả khi các quyền theo truyền thống được thừa nhận, thì việc liệu các quyền carbon có được tuân thủ hay không cũng là chưa rõ ràng (Babon & Gowae 2013; Larson *et al.* 2012).

## 6.2. Một số bên không được đại diện đầy đủ

Tính công bằng được biểu lộ trong các quá trình, thủ tục, liên quan đến sự tham gia trong quá trình ra quyết định và việc đưa ra và thảo luận các quan điểm trái chiều, được xem là cực kỳ quan trọng đối với bất cứ cơ chế chia sẻ lợi ích nào (Brown & Corbera 2003). Khái niệm về các quyền về thủ tục làm nổi bật lên yêu cầu cần đảm bảo tính hợp pháp trong việc ra quyết định trong REDD+. Luttrell *et al.* (2013, p. 4) xác định tính hợp pháp là một hệ thống có thể điều chỉnh dựa trên cả các nguyên tắc đạo đức và các chuẩn mực xã hội (Jentoft 1999; Johnson 1997), “có bằng chứng của sự đồng thuận (Beetham 1991) và được công nhận bởi chính phủ để xác nhận tuyên bố về thẩm quyền của người tạo lập (Weber 1978)”. Việc thực hiện REDD+ thành công sẽ đòi hỏi tất cả các bên có liên quan đều được tham gia vào việc ra quyết định. Tuy nhiên, ở hầu hết các quốc gia, việc ra quyết định và các thảo luận về REDD+ nói chung và chia sẻ lợi ích nói riêng thường bị chi phối chủ yếu bởi chỉ một vài nhóm nắm quyền lực (ví dụ, các cơ quan nhà nước và các nhà tài trợ ở hầu hết các quốc gia, hay liên minh của khu vực tư nhân ở PNG và Indonesia) đã làm hạn chế sự tham gia của các nhóm dễ bị tổn thương và ít tiếng nói (ví dụ, các nhóm sử dụng tài nguyên theo truyền thống, các nhóm bản địa). Ở hầu hết các quốc gia (ví dụ, Việt Nam, Nepal), quy trình REDD+ đã không làm được việc gắn kết sự tham gia của các bên đứng đằng sau những động lực chính gây ra mất rừng, điều này sẽ dẫn đến các kết quả đầu ra của REDD+ không hiệu quả. Các tổ chức xã hội dân sự đang tích cực tham gia vào các tranh luận REDD+ quốc gia tại Indonesia và Brazil, nhưng hầu như chưa có tiếng nói tại nhiều quốc gia như Việt Nam và Nepal (Babon & Gowae 2013; Cronin & Santoso 2010; Kengoum 2011; May *et al.* 2011; Paudel *et al.* 2013; Pham *et al.* 2011; Piu *et al.* 2013), dẫn đến sự mất cân bằng về quyền lực và không đầy đủ về thông tin (Paudel *et al.* 2013; Pham *et al.* 2012a). Điều này cũng có thể tạo ra các thiên lệch trong thiết kế REDD+ và dẫn đến chỉ có tầng lớp trên thu nhận được lợi ích, và điều này xảy ra thậm chí ngay trong các cộng đồng. Một dự án thử nghiệm về tạo sự đồng thuận tự nguyện, chủ động và có đủ thông tin (FPIC) tại Việt Nam đưa ra những bài học có giá trị về các bước tiến hành thủ tục, nhưng việc điều chỉnh FPIC để đáp ứng với các bối cảnh văn hóa, chính trị và xã hội khác nhau vẫn còn là một thách thức lớn cho tương lai (Pham *et al.* 2012a).

Mâu thuẫn giữa các cơ quan chính phủ và các bên liên quan theo cả chiều dọc và chiều ngang của việc tiếp cận và nắm bắt các lợi ích và chi trả tiềm năng không

chỉ làm giảm tính hiệu quả của các dòng tài chính mà còn làm cản trở việc phân bổ các khoản chi trả ở cấp cơ sở, như trong trường hợp Việt Nam. Các ví dụ từ các tài liệu về PES cho thấy rằng tại Việt Nam, các lợi ích thường rơi vào tay các nhóm có quyền lực; các nhóm dễ bị tổn thương và ít tiếng nói, có ít năng lực và cơ hội để tiếp cận các lợi ích này do đó họ đã bị gạt ra bên lề của việc lập kế hoạch và ra quyết định (Pham *et al.* 2009).

## 6.3. Thiếu cơ chế học hỏi chính sách

Với sự thay đổi rõ ràng trong mục tiêu của REDD+ từ đơn mục tiêu (giảm phát thải) đến đa mục tiêu (xóa đói giảm nghèo, bảo tồn đa dạng sinh học) (Angelsen & McNeill 2012), cơ chế chia sẻ lợi ích của REDD+ có thể xây dựng dựa trên một loạt các chương trình và chính sách đã có, ví dụ như ICDP, lâm nghiệp cộng đồng, Thực thi Luật pháp, Quản trị và Thương mại trong lĩnh vực Lâm nghiệp (FLEGT) và PES, để giảm chi phí giao dịch cho việc thành lập tổ chức mới. Tuy nhiên, bài học từ cải cách ngành lâm nghiệp trước đây, ví dụ như cải cách ở Cameroon, từ các chương trình trồng rừng ở Việt Nam và Indonesia (Dkamela 2011; Indrarto *et al.* 2012; Pham *et al.* 2012a), từ các sáng kiến như FLEGT, hoặc trên tiềm năng phối hợp REDD+ với các chương trình lâm nghiệp cộng đồng ở Cameroon và Nepal (Dkamela 2011; Paudel *et al.* 2013) vẫn chưa được khám phá đầy đủ.

Các chính phủ và các nhà tài trợ ở hầu hết các quốc gia được phân tích trong báo cáo này đều đã khởi động việc thiết kế các dự án thử nghiệm với mục tiêu là hoàn thiện cơ chế REDD+ bằng cách phát triển trên nền các mô hình chia sẻ lợi ích hiện có (ví dụ, PES tại Việt Nam và Brazil; xem thêm chi tiết trong Pham *et al.* 2012a và May *et al.* 2011) hoặc phát triển các thể chế mới (ví dụ PNG: Babon & Gowae 2013; Indonesia: xem Indrarto *et al.* 2012). Mỗi phương án đều có những ưu điểm và nhược điểm nhất định về tính hiệu quả (ví dụ, chi phí thành lập, chi phí giáo dục) và tính hiệu lực (ví dụ, năng lực địa phương trong việc thực hiện sáng kiến này). Kinh nghiệm từ các mô hình chia sẻ lợi ích trong quá khứ sẽ rất có giá trị khi xây dựng các cơ chế chia sẻ lợi ích trong REDD+. Việt Nam để xuất việc gộp quỹ REDD+ vào Quỹ PES của trung ương, điều này sẽ giúp tiết kiệm các chi phí thành lập và vận hành. Một vấn đề cần được xem xét là các mô hình hiện có nên được điều chỉnh theo mức độ nào. Các mô hình hiện có cần được đánh giá một cách đầy đủ để xác định xem liệu có nên duy trì hay thay thế chúng. Spergel & Wells (2009) đề xuất điều chỉnh các

quỹ ủy thác bảo tồn (CTF) làm mô hình cho hệ thống tài chính quốc gia của REDD+, có thể là thành lập thể chế mới theo kiểu CTF hoặc mở rộng thêm chức năng nhiệm vụ của các CTF hiện có. Tài liệu này lập luận rằng CTF đã chứng tỏ tính hiệu quả của nó trong việc quản lý vận hành các quỹ quốc tế và quốc gia từ các nguồn khác nhau qua thời gian tương đối dài và thường là hiệu quả hơn và ít rườm rà quan liêu hơn so với các cơ quan chính phủ.

Tuy các bài học về cách gây dựng các điều kiện cho REDD+ đã được ghi nhận trong nhiều báo cáo của các nhà tài trợ và những người đề xuất REDD+ (Enright *et al.* 2012; UN-REDD 2010; USAID 2012), Korhonen-Kurki *et al.* (2012) nhận thấy các dự án thử nghiệm hầu như tách rời đối với tiến trình ra quyết định ở cấp quốc gia do thiếu chia sẻ thông tin; kết quả là, các bài học từ các dự án thử nghiệm không nhận được sự chú ý từ những người ra quyết định, và do đó, tiến trình ra quyết định không có tính thực tế. Hơn nữa, thất bại trong việc học hỏi kinh nghiệm quá khứ vào thiết kế REDD+ có thể cho thấy các nỗ lực chống chéo hoặc phát triển song song với các chính sách quốc gia có thể nằm ngoài không gian dân chủ hợp pháp, trong trường hợp này sẽ không giúp xây dựng năng lực cho các tổ chức và các quy trình của nhà nước (Luttrell *et al.* 2012). Sự chống chéo này cũng dẫn đến chi phí giao dịch cao hơn trong việc thực hiện REDD+ và giảm tính hiệu quả chung.

Về nguyên tắc, sự hiện hữu của hàng loạt các cơ chế chia sẻ lợi ích có thể đưa ra nhiều bài học cho các cơ chế chia sẻ lợi ích trong tương lai của REDD+. Tuy nhiên, mặc dù đã có tương đối nhiều nghiên cứu về các tiếp cận hợp tác và dựa vào thị trường, các phân tích về ABS vẫn tương đối ít. Các nghiên cứu trong tương lai cần phải giải quyết lỗ hổng kiến thức này và xem xét làm thế nào để các bài học từ các cơ chế này có thể đóng góp cho các chính sách chia sẻ lợi ích từ REDD+ của quốc gia.

#### 6.4. Ưu điểm và nhược điểm của phân quyền quản lý và chuyển giao quyền lực

Như thảo luận ở Phần 4, chia sẻ lợi ích được thực hiện theo cả hai chiều ngang và dọc. Theo Brockhaus *et al.* (2013), các mối quan hệ theo chiều ngang giữa chính quyền trung ương và địa phương và các câu hỏi xung quanh quyền của chính quyền địa phương trong việc thực hiện quyết định của mình liên quan đến việc thực hiện mở rộng các chương trình/dự án REDD+

là yếu tố quan trọng trong thảo luận về chia sẻ lợi ích. Như Korhonen-Kurki *et al.* (2012) ghi nhận, các chiều hướng đa cấp độ này tạo thêm sự phức tạp và mang đến những mối đe dọa khác nhau đối với các phương án chia sẻ lợi ích trong REDD+ (Bảng 7). Cụ thể, một trong những thách thức phổ biến nhất ở tất cả các quốc gia được nghiên cứu là các rào cản thường xuất phát từ tham nhũng và sự thâm tóm quyền lợi vào tầng lớp trên khiến cho các cơ chế chia sẻ lợi ích khó có thể hoạt động tốt. Tham nhũng được ghi nhận ở tất cả các quốc gia được nghiên cứu như là một vấn đề dẫn đến việc phân bổ nguồn thu ở tất cả các cấp chính quyền bị sai lệch. Việc sử dụng sai mục đích các kinh phí cho các chương trình tái trồng rừng tại Việt Nam (Pham *et al.* 2012a) và Indonesia (Barr *et al.* 2010), buôn lậu do các tổ chức tội phạm thực hiện tại Nepal (Paudel *et al.* 2013) và sự chậm trễ trong chi tiêu các nguồn thu cần chia sẻ của ngành lâm nghiệp ở tất cả các cấp chính quyền tại Indonesia (Indrarto *et al.* 2012) chỉ là một vài ví dụ.

Hơn nữa, các tư liệu về việc phân quyền cho thấy việc giao trách nhiệm về chi phí luôn dễ hơn nhiều so với phân chia lợi ích (Ribot 2004, Ribot *et al.* 2006 trích trong Brockhaus *et al.* 2013). Kết quả là, không đủ hoặc thậm chí không có các ưu đãi để có thể khuyến khích chính quyền địa phương tham gia điều tiết và quản lý rừng như một phần của REDD+. Mặc dù REDD+ nhìn chung vẫn luôn được xem là có khả năng tạo ra các động lực giúp thay đổi hành vi ở cấp độ địa phương, nó cũng có thể góp phần xúc tác cho sự thay đổi trong quản trị đa cấp. Chính quyền trung ương có thể giao quyền quản lý tài chính cho chính quyền địa phương, nhưng chưa chắc đã sẵn sàng chia sẻ lợi ích đi kèm. Trong các hệ thống phân quyền như tại DRC, việc phân bổ các lợi ích và các khoản chi trả giữa các tỉnh và các vùng lãnh thổ đã trở thành nguồn gốc cho những căng thẳng đáng kể giữa chính phủ trung ương và chính quyền cấp tỉnh (Mpoyi *et al.* 2013). Thực tế tại Indonesia, Việt Nam và Nepal cũng cho thấy những căng thẳng tương tự (Cronin & Santoso 2010; Paudel *et al.* 2013; Pham *et al.* 2012a).

Một mặt, việc duy trì các quyền có thẩm quyền và quyền kiểm soát ở cấp chính phủ trung ương tại hầu hết các quốc gia (ngoại trừ Brazil) đồng nghĩa với chính quyền địa phương có rất ít quyền lực trong việc ra quyết định và không có nhiều quyền làm chủ đối với REDD+. Ví dụ, tại Nepal, Đạo luật Tự trị Địa phương 1999 chỉ cho chính quyền địa phương rất ít thẩm quyền quản lý rừng. Hậu quả là, chính quyền địa phương, các cơ quan ngoài nhà nước và các cộng đồng địa phương có rất ít quyền làm chủ trong các chính

**Bảng 7. Quản trị đa cấp và các rủi ro đối với chia sẻ lợi ích tại 13 quốc gia được nghiên cứu**

Yếu tố chính trong REDD+	Quản trị đa cấp	Rủi ro nếu không tính đến quản trị đa cấp
Các cơ chế chia sẻ lợi ích và tài chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các hệ thống chia sẻ lợi ích thường được đặt ở cấp quốc gia nhưng lại ảnh hưởng đến các quyền địa phương (các hình thức quyền sử dụng đất từ thời thuộc địa/hậu thuộc địa, các quyền theo truyền thống, thực tiễn địa phương; xem quyền sử dụng đất)</li> <li>Phân bổ các nguồn tài chính và hỗ trợ kỹ thuật qua các cấp độ để hỗ trợ chuẩn bị và các hoạt động đang thực hiện</li> <li>Các quyết định về hiệu suất và giải ngân ở các cấp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nguy cơ tầng lớp trên nắm giữ quyền lợi do các quan hệ quyền lực không cân xứng giữa các nhà tài trợ và những người thụ hưởng ở mọi quy mô và cấp độ</li> <li>Nguy cơ tham nhũng</li> </ul>
Sự tham gia và quyền của người bản địa và các cộng đồng địa phương	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các quyền được tham gia của cộng đồng địa phương</li> <li>Các dòng lợi ích và thông tin từ cấp độ địa phương đến toàn cầu</li> <li>Các chỉ số về sự tham gia cần thừa nhận khả năng có thể có sự chiếm đoạt quyền lợi của tầng lớp trên xảy ra ở tất cả các cấp độ</li> <li>Các quyết định ở cấp quốc gia tạo ra hậu quả ở địa phương</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nguy cơ tầng lớp trên thâm thuô quyền lợi ở mọi cấp độ</li> <li>Nguy cơ bỏ qua các cơ hội học hỏi từ các thành công/thất bại trong quá khứ do các tuyên bố thổi phồng về lợi ích cho cộng đồng và mức độ giảm phát thải thực tế được đưa ra ở mức cao, cho dù thiếu bằng chứng (hoặc bằng chứng sai lệch) trên thực tế</li> </ul>
Đồng lợi ích (xóa đói giảm nghèo, bảo tồn đa dạng sinh học)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Mối quan tâm đến các đồng lợi ích so với giảm phát thải rất khác nhau ở các cấp độ: giảm phát thải là mối quan tâm chính ở cấp độ quốc tế nhưng xóa đói giảm nghèo lại là quan tâm cao nhất ở cấp tỉnh/địa phương. Cấp độ quốc gia có thể được xem xét đến để cân bằng cả hai</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sự chú ý chưa đúng mức đến các mối quan tâm khác nhau có thể là nguyên nhân dẫn đến sự không tham gia của các bên ở cấp tỉnh/địa phương với vai trò, là đối tượng có vai trò quan trọng nhất quyết định sự thành công</li> </ul>

Nguồn: Phát triển từ Wong & Dutschke (2003) và Korhonen-Kurki *et al.* (2012)

sách lâm nghiệp và các vấn đề quản trị rừng (Paudel *et al.* 2013). Mặt khác, việc phân quyền cũng có thể tạo ra nhiều vấn đề hơn cho việc thực hiện REDD+, nhất là khi chính quyền các địa phương không có đủ trách nhiệm giải trình và năng lực yếu kém. Ví dụ, chính quyền cấp địa phương tại PNG hầu như không biết là họ có thẩm quyền đưa ra các luật liên quan đến môi trường địa phương; họ cũng thường bối rối không biết ai có quyền gì, đồng thời, họ cũng không có đủ năng lực để thực hiện vai trò của mình một cách hiệu quả (Babon & Gowae 2013). Tại Indonesia, việc chuyển giao thẩm quyền cho chính quyền địa phương đi kèm với sự thâm thuô quyền lực của tầng lớp trên và tham nhũng (Indrarto *et al.* 2012). Một thách thức khác cũng rất phổ biến ở tất cả các quốc gia được nghiên cứu là thiếu nguồn nhân lực, cả về mặt số lượng cũng như năng lực để thực hiện các nguồn kinh phí lớn đi cùng với REDD+.

Bài học từ các nghiên cứu điểm tại các quốc gia cho thấy sự phân quyền chỉ có thể có ý nghĩa nếu nó đi cùng với xây dựng đầy đủ năng lực cho chính quyền địa phương. Các sai lầm trong việc xây dựng một hệ thống quản trị đa cấp sẽ đe dọa sự thành công của các nỗ lực thực hiện REDD+.

## 6.5. Quy mô và các định nghĩa rừng

Theo Angelsen *et al.* (2009), quy mô của REDD+ và các định nghĩa về “rừng” có ý nghĩa quan trọng đối với các quốc gia và các nhóm có thể được hưởng lợi từ các dòng tài chính REDD+. Một lập luận là nên hay không nên bao gồm cả sự xuống cấp rừng, ví dụ, được hiểu khác nhau tại các quốc gia nơi mất rừng chủ yếu là do chuyển đổi sử dụng đất cho mục đích công nghiệp (ví dụ, Brazil) so với các quốc gia nơi mất rừng diễn ra

từ từ và chủ yếu là do cải tạo đất nông nghiệp quy mô nhỏ và các nhu cầu địa phương về củi và than (ví dụ, nhiều quốc gia châu Phi). Việc mở rộng định nghĩa “rừng” bao gồm cả các rừng trồng và rừng thứ sinh có nghĩa là mở rộng phạm vi để mang lại lợi ích từ các hoạt động bảo tồn carbon đến người nghèo và gia tăng nguồn tài chính của các bên quy mô lớn dành cho các hoạt động động can thiệp hướng nghèo – nhưng cũng có thể dẫn đến việc hạn chế các hoạt động được xem là giảm carbon (Angelsen *et al.* 2009). Dựa trên những phát hiện tương tự, Van Noordwijk & Minang (2009) cho rằng định nghĩa rừng được sử dụng đóng một vai trò quan trọng trong thực hiện REDD+. Tuy nhiên, các quốc gia lại có những định nghĩa “rừng” rất khác nhau (nhất là khi đề cập đến các ngưỡng (mức độ) che phủ rừng).

Sự thiếu đồng bộ trong các hệ thống phân loại đất (bao gồm cả đất rừng) cũng là một vấn đề tại một số quốc gia. Hơn nữa, sự khác biệt trong thu thập số liệu về đất và rừng cũng là vấn đề lớn. Ví dụ, Việt Nam có hai cơ sở dữ liệu về phân loại và quản lý đất đai, hai bộ dữ liệu này thể hiện sự thiếu nhất quán trong các số liệu về rừng. Một bộ cơ sở dữ liệu do Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý và vận hành, bao gồm các thông tin về quản lý đất đai (địa chính), trong đó có diện tích đất và quy hoạch sử dụng đất. Cơ sở dữ liệu thứ hai do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quản lý, xác định các loại rừng và đất rừng và chứa đựng thông tin về độ che phủ rừng (Hoang *et al.* 2010; Pham *et al.* 2012a). Sự tồn tại của hai hệ thống phân loại sử dụng đất làm cho việc giám sát và báo cáo gặp nhiều khó khăn: các đánh giá dựa trên sự thay đổi độ phủ rừng theo thời gian và chia sẻ lợi ích từ REDD+ phụ thuộc vào số liệu đăng ký sử dụng đất. Tình trạng tương tự diễn ra tại Indonesia khi sự thiếu tương thích trong các số liệu về rừng được thu thập được quy cho là do sự khác biệt trong các định nghĩa về rừng, phân loại rừng và các phương pháp phân tích số liệu (Indrarto *et al.* 2012).

Một mặt, Angelsen & McNeill (2012) lập luận rằng việc tính toán việc chi trả ở cấp độ dự án có thể giúp cho việc quản lý được chặt chẽ nhưng sẽ làm giảm tầm ảnh hưởng của REDD+ lên các chính sách quốc gia rộng hơn, và như vậy sẽ làm giảm khả năng của REDD+ lên việc giải quyết các nguyên nhân sâu xa của mất rừng. Mặt khác, các bằng chứng mà Costenbader (2011) đưa ra cho thấy sự điều hòa sẽ giúp cho các chiến lược quốc gia hiện có có thể có ảnh hưởng lớn hơn lên các diễn đàn chính sách.

## 6.6. Các rủi ro gắn liền với các luận điểm chính sách

Một quốc gia có thể thiết kế cơ chế chia sẻ lợi ích của mình dựa trên một số lập luận/luận điểm, ví dụ như một trong số các lý lẽ được thảo luận ở Phần 3. Tuy nhiên, từng lập luận trong số các lập luận này luôn có một vài điểm yếu có thể ảnh hưởng xấu tới các nỗ lực nhằm đạt được các kết quả 3E. Do vậy, cần phải phân tích các rủi ro này một cách cẩn thận khi thiết kế các cơ chế chia sẻ lợi ích. Luttrell *et al.* (2012), khi trình bày các lý lẽ tranh luận/luận điểm cũng đã tóm tắt các rủi ro đi kèm với chúng.

Đầu tiên, rủi ro của việc cơ chế chia sẻ lợi ích thuần túy có nền tảng dựa trên các nguyên tắc của tính hiệu lực và tính hiệu quả là nguồn thu từ REDD+ có thể bị sử dụng chủ yếu để mang lại lợi ích cho các bên giảm phát thải carbon trên quy mô lớn, và trong nhiều trường hợp, các bên này chính là tác nhân chủ yếu gây phát thải hoặc là nguyên nhân gốc rễ của mất rừng. Một phân tích của Dự án Rừng mưa Prince trên 32 đề xuất REDD+ từ các tổ chức chính phủ và phi chính phủ lên UNFCCC cho thấy phần lớn các đề xuất này đều mang lại lợi ích cho những nhóm đã từng gây phát thải lớn trong khi các nhóm ít gây phát thải không được tính đến (Parker *et al.* 2009).

Một rủi ro nữa từ việc đặt cơ sở của cơ chế chia sẻ lợi ích dựa theo luận điểm về tính công bằng I (nghĩa là lợi ích phải đến được với những người có quyền hợp pháp) là những người dân nghèo nhất có thể sẽ không được nhận bất cứ lợi ích nào. Nhiều quốc gia không có các quy định pháp lý về các quyền carbon, và như vậy giả thiết là các khoản chi trả cho giảm phát thải sẽ phải được phân bổ dựa trên các hệ thống quyền sử dụng đất và rừng hiện có và các công cụ chính sách hiện hành về chia sẻ lợi ích từ rừng. Nếu các quyền carbon tương ứng với sở hữu đất, chính phủ sẽ nhận được lợi ích lớn nhất do hầu hết các nhóm sử dụng rừng quy mô nhỏ đều không có các quyền chính thức đối với đất đai; và những nhóm đối tượng sử dụng rừng này sẽ cần có một cơ chế khác nếu muốn họ nhận được lợi ích từ REDD+. Sở hữu đất hoặc cây gỗ trên đất không có nghĩa là chủ sở hữu đó được có quyền hợp pháp để nhận lợi ích từ hấp thụ hoặc giảm phát thải carbon.

Đối với luận điểm công bằng II (nghĩa là lợi ích phải đến được với các bên ít gây phát thải) dẫn đến nhu cầu chứng minh tính bổ sung của bất cứ hành động giảm phát thải nào, đơn giản là do không có lượng phát thải nào được giảm từ các hoạt động thông thường của các bên vốn đã ít gây phát thải. Tuy nhiên, một lý luận khác

là, do tốc độ mất rừng nhìn chung được dự đoán sẽ không ngừng tăng theo thời gian để đáp ứng với điều kiện và động lực kinh tế đang thay đổi, việc sử dụng rừng có trách nhiệm có thể được coi như là có tính bổ sung trong tương lai, và do vậy, các bên quản lý rừng ít phát thải cần phải được nhận lợi ích từ REDD+.

Tính bổ sung thấp cũng là một vấn đề đối với tiếp cận dựa trên sự đóng góp đầu vào trong luận điểm về tính công bằng III (nghĩa là lợi ích cần phải đến được với các đối tượng phải chịu các chi phí, từ chi phí thực hiện, giao dịch hay cơ hội, không cần tính đến mức độ giảm phát thải). Nghĩa là, các hành động – và cùng với đó là các khoản chi trả - có thể thực hiện ở các diện tích rừng không thực sự đang bị đe dọa, nhưng sẽ có tác động làm “giảm bớt” các khoản chi trả cho các diện tích rừng khác đang bị đe dọa (Angelsen 2008).

Các thách thức đối với luận điểm về tính công bằng IV (nghĩa là lợi ích cần phải đến được với những người tạo điều kiện thuận lợi cho REDD+) nằm ở việc xác định phân chia hợp lý của các lợi ích cho mỗi bên thực hiện – nghĩa là, để đảm bảo những người thực hiện dự án có được phần chia công bằng từ lợi ích và đồng thời vẫn phải đảm bảo họ được đối xử tương xứng với các bên liên quan khác. Phần nhận được của những người thực hiện dự án cần phải đủ để đảm bảo rằng việc thực hiện các dự án REDD+ của họ một cách hiệu quả. Hơn nữa, cần phải đảm bảo họ được nhận đủ lợi ích để có thể chi trả cho khoản đã đầu tư vào các hành động cho dù hành động đó không giảm được phát thải. Một lập luận có liên quan khác quan tâm đến bao nhiêu phần của nguồn thu nhà nước được giữ lại để chi trả cho các chi phí thực hiện và chi phí giao dịch.



## 7. Thảo luận

Hầu hết các quốc gia REDD+ vẫn đang trong giai đoạn chuẩn bị, điều này nghĩa là việc chi trả trong khuôn khổ REDD+ hiện vẫn chưa xảy ra và các kết quả đầu ra của REDD+ vẫn chưa được thể hiện trên thực tế. Tuy nhiên, các quốc gia đang cân nhắc hoặc đã đề xuất một vài hình thức cơ chế chia sẻ lợi ích cho thấy có thể có rất nhiều kênh để phân bổ các khoản chi trả, mỗi kênh sẽ mang lại các lợi ích cho các nhóm đối tượng khác nhau. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy mỗi một hình thức cơ chế chia sẻ lợi ích đều có những ảnh hưởng khác nhau đến việc thiết kế REDD+ trong tương lai (Bảng 8).

Như đã thấy, tiếp cận dựa trên quỹ được hầu hết các quốc gia nghiên cứu lựa chọn. Tuy nhiên, thiết kế một cơ chế chia sẻ lợi ích và các chính sách đi kèm đòi hỏi phải có phân tích chi phí-lợi ích kỹ lưỡng, có nghĩa là, cần phải so sánh chi phí cần thiết để thiết kế và vận hành cơ chế và các chính sách liên quan với các lợi ích mà REDD+ có thể mang lại. Theo PwC (2012), chi phí để quản lý các cơ chế để phân bổ lợi ích từ ngành lâm nghiệp có sự khác biệt tương đối đáng kể tùy thuộc vào bối cảnh quốc gia, quy mô, và vào việc cơ chế này dựa trên sự đóng góp hay hiệu suất thực hiện. Thực tiễn tại các quốc gia Mỹ Latin cho thấy các cơ chế chia sẻ lợi ích dựa trên hình thức quỹ cũng đi với chi phí thiết lập và vận hành cao. Ví dụ, Chương trình Socio Bosque tại Ecuador, 30% tổng nguồn thu từ chi trả (2 triệu USD trong năm 2011) được sử dụng cho các chi phí hành chính của cơ chế chia sẻ lợi ích (PwC 2012). Tại Brazil, chi phí để quản lý Quỹ Amazon tương đương với 3% tổng tiền đóng góp, tương đương với chi phí khoảng 1.53 triệu USD từ năm 2008 đến 2011 (PwC 2012). Tại Việt Nam, Quỹ Bảo vệ và Phát triển Rừng giữ lại 10% của tất cả các khoản thu làm quản lý phí, tương đương với 300.000 USD mỗi năm. Tuy nhiên, các tài liệu về tiếp cận dựa trên quỹ cho thấy tính hiệu quả của các quỹ này sẽ được cải thiện dần theo thời gian vận hành (Spergel & Taieb 2008; Spergel & Wells 2009).

Tranh cãi về chi phí thiết lập và vận hành cơ chế đã xuất hiện giữa chính quyền trung ương, các nhà tài trợ và chính quyền địa phương, ví dụ như ta thấy trên thực tế tại Việt Nam. Mặc dù cộng đồng quốc tế và các nhà tài trợ đòi hỏi các quốc gia đang phát triển phải thiết lập một hệ thống quản lý tài chính độc lập, và do vậy có đủ trách nhiệm giải trình, như điều kiện tiên quyết

cho việc nhận được các khoản chi trả REDD+, hầu hết các chính phủ (ví dụ, Việt Nam) đều thấy có nhiều khó khăn trong việc thực hiện điều này, họ cho rằng cách tiếp cận này không mang tính thực tế (Pham *et al.* 2012a). Lý lẽ chính của họ là chi phí để thiết lập các hệ thống như vậy có thể còn cao hơn lợi ích mà các quốc gia có thể nhận được từ REDD+. Một mặt, có nhiều khó khăn trong việc đảm bảo mức độ chi trả phản ánh chính xác các chi phí cơ hội và chi phí giao dịch thực tế - điều hoàn toàn chưa làm được ở bất cứ quốc gia nào trong nghiên cứu này. Mặt khác, các khoản chi trả phải tương xứng với mức độ giảm phát thải đạt được. Do vậy, điều quan trọng là các quốc gia đang thực hiện phải có đủ năng lực và có các công cụ để xác định chi phí giao dịch cho các cộng đồng địa phương và phải thiết kế và thực hiện các cơ chế hợp đồng hiệu quả và có thể linh hoạt đáp ứng với các thay đổi về các chi phí này.

Một số bên tham gia nhìn nhận các yếu tố thị trường có tính hiệu lực cao hơn về kinh tế và hiệu quả cao hơn về môi trường so với các chiến lược bảo tồn do nhà nước điều hành trước đây, và hoàn toàn có thể giả định (một cách lý thuyết) là các thị trường sẽ mang lại việc phân bổ công bằng các lợi ích kinh tế và xã hội (Bawa & Gadgil 1997; Pagiola *et al.* 2002). Tuy nhiên, các thị trường cho dịch vụ môi trường không giống như thị trường hàng hóa tiêu chuẩn, trong đó các thể chế được phát triển một cách tự động thông qua tiến trình phát triển và hoàn thiện lâu dài (Vatn 2000). Thay vào đó, các thị trường dịch vụ hệ sinh thái được hình thành trong thời gian khá ngắn và việc thiết lập chúng thường là do một nhóm các bên ở cả quy mô quốc gia và quốc tế chia sẻ mối quan tâm về bảo vệ môi trường toàn cầu thông qua các cơ chế dựa trên thị trường. Trong mọi trường hợp, khả năng của các khuôn khổ dựa trên thị trường để cân nhắc các bối cảnh sinh thái-xã hội địa phương trong thiết kế và thực hành để hỗ trợ các tiến trình ra quyết định phù hợp và đạt được các kết quả đầu ra công bằng ở mọi cấp độ luôn là một câu hỏi (Adger *et al.* 2001; Brown & Corbera 2003). Do hầu hết các chương trình và dự án PES hiện tại đều không dựa trên hiệu suất thực hiện, nên tác động của chúng lên các kết quả sinh thái và xã hội thường không rõ (ngoại trừ trường hợp của Brazil) hoặc đã thực sự thể hiện là không có tác động hoặc không hướng nghèo, như trong trường hợp Việt Nam (Pham *et al.* 2008, 2012b).

Bảng 8. Ý nghĩa của mỗi kiểu cơ chế chia sẻ lợi ích trong việc đạt tới các kết quả 3E của REDD+

Tính hiệu quả	Các công cụ thị trường (ví dụ, PES)	Quản lý hợp tác	Các mô hình dựa trên quỹ	Các cơ chế chia sẻ lợi nhuận từ nhượng quyền rừng
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Có hiệu lực cao hơn trong việc đưa ra các động lực tài chính và khuyến khích người cung cấp dịch vụ hơn các chương trình quy bảo tồn truyền thống (ví dụ, Brazil, Việt Nam với các chương trình PES quốc gia)</li> <li>• Mang lại sự bền vững về tài chính tại chỗ do quốc gia có thể tự chủ (toàn bộ hoặc từng phần) về tài chính bằng hệ thống của mình (ví dụ, Brazil, Việt Nam với các chương trình PES quốc gia)</li> <li>• Đưa ra nhiều lựa chọn cơ chế thay thế quan trọng cho hệ thống tài chính cấp quốc gia, bao gồm các quỹ quốc gia dựa vào thuế và các nguồn chuyển giao tài chính liên chính phủ (ví dụ, Brazil, Việt Nam)</li> <li>• Chi phí giao dịch cao do cần quản lý một số lượng lớn người mua (ví dụ, Việt Nam, Tanzania, Indonesia)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Có thể nâng cao tính hiệu quả của việc quản lý rừng nhờ tăng quyền kiểm soát của cộng đồng địa phương và giúp xoa dịu giảm nghèo cho các đối tượng sống gần rừng (ví dụ, Nepal, Tanzania, Việt Nam, Lào, PNG)</li> <li>• Chi phí giao dịch cao do số lượng thành viên cộng đồng tham gia lớn (ví dụ, Việt Nam, Indonesia)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Các quỹ độc lập nằm ngoài hệ thống hành chính quốc gia thường có khả năng tốt trong việc giảm chi phí giao dịch; khả năng cạnh tranh tăng lên khi khối lượng REDD+ tăng; cần thiết lập thêm hệ thống mới để mở rộng đến "cấp cơ sở"</li> <li>• Các quỹ được hợp nhất hoặc lồng ghép trực tiếp vào ngân sách nhà nước và các quỹ trong hệ thống hành chính nhà nước có tiềm năng lớn trong việc giúp giảm chi phí giao dịch, tuy nhiên, chúng lại lệ thuộc vào cấu trúc tổ chức hành chính. Có thể sẽ cần thêm các hoạt động xây dựng năng lực, nhất là năng lực hành chính địa phương.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Do trong các vùng nhượng quyền rừng quy mô lớn, vấn đề quyền sử dụng đất không còn đáng quan ngại điều này giúp giảm chi phí giao dịch và giúp cô lập một lượng lớn carbon một cách hiệu quả.</li> <li>• Các vùng nhượng quyền rừng có thể mở rộng quy mô một cách nhanh chóng, đưa ra khả năng đạt được tính hiệu quả và sự rõ ràng hơn các hình thức khác, nhất là ở những nơi mà việc chia sẻ lợi nhuận chỉ được quyết định duy nhất từ cấp trung ương.</li> <li>• Tuy nhiên, một tiếp cận đồng bộ ở khắp nơi trong một quốc gia có thể dẫn đến việc bỏ qua những khác biệt lớn về giá trị của carbon được cô lập và về chi phí cơ hội và chi phí giao dịch trong các bối cảnh cụ thể của các tỉnh hay thậm chí của các địa phương.</li> </ul>	

xin xem tiếp trang sau

**Bảng 8.** Tiếp tục

	<b>Các công cụ thị trường (ví dụ, PES)</b>	<b>Quản lý hợp tác</b>	<b>Các mô hình dựa trên quy</b>	<b>Các cơ chế chia sẻ lợi nhuận từ nhượng quyền rừng</b>
Công bằng	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Các chương trình PES quốc gia của Brazil và Việt Nam không chỉ mang ý nghĩa bảo vệ môi trường mà còn được coi là công cụ xóa đói giảm nghèo.</li> <li>• PES mang lại những kết quả khác nhau đối với xóa đói giảm nghèo (ví dụ, Việt Nam và Brazil)</li> <li>• Những nhóm có lợi thế chiếm đoạt các lợi ích (ví dụ, Việt Nam)</li> <li>• Mức chi trả quá thấp (ví dụ, Việt Nam)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Việc đạt được việc chia sẻ lợi ích công bằng theo cả chiều ngang và chiều dọc là rất khó (ví dụ, Nepal, Việt Nam, Mozambique, Tanzania, PNG)</li> <li>• Nhà nước vẫn chính thức nắm giữ phần lớn lợi nhuận (ngoại trừ Nepal)</li> <li>• Các khung pháp lý không thừa nhận các quyền truyền thống hay quyền của cộng đồng (ngoại trừ Brazil và PNG)</li> <li>• Sự chiếm đoạt lợi ích của các nhóm có lợi thế (tất cả các quốc gia)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Các quỹ độc lập nằm ngoài hệ thống hành chính quốc gia có thể thực hiện tốt việc bồi hoàn trực tiếp cho các đối tượng bị thiệt hại; nhìn chung, các quỹ này có sự minh bạch cao hơn trong việc sử dụng tiền, tuy nhiên vẫn có nguy cơ bị tham nhũng nhất là ở cấp địa phương; có khả năng mang lại đồng lợi ích, tuy nhiên cần có sự theo dõi và kiểm soát đặc biệt.</li> <li>• Các quỹ được hợp nhất hoặc lồng ghép trực tiếp vào ngân sách nhà nước: có khả năng bị sử dụng để tạm thời cân bằng ngân sách nhà nước; nguy cơ bị các nhóm có lợi thế chiếm đoạt lợi ích ở tất cả các cấp; có khả năng cao trong việc mang lại đồng lợi ích, tuy nhiên cần có sự theo dõi và kiểm soát đặc biệt đối với tổ chức hoạt động.</li> <li>• Các quỹ trong hệ thống hành chính nhà nước có thể thực hiện tốt việc bồi hoàn trực tiếp cho các đối tượng bị thiệt hại, nhưng không dễ đảm bảo việc chia sẻ các khoản vay một cách công bằng; các quỹ này có sự minh bạch và trách nhiệm giải trình tốt, tuy nhiên vẫn có nguy cơ bị tham nhũng; có khả năng mang lại đồng lợi ích, tuy nhiên cần có sự theo dõi và kiểm soát đặc biệt.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thuận lợi cho những người nhận nhượng quyền thương mại quy mô lớn (ví dụ, nhượng quyền khai thác gỗ, đồn điền đầu tương hay có dẫu) là đối tượng nhận được phần lợi ích lớn nhất từ REDD+ (ví dụ, Indonesia, Mozambique, Cameroon, PNG).</li> <li>• Thiếu sự tham gia của các cộng đồng địa phương/người dân bản địa vào quản lý rừng và việc ra các quyết định liên quan; điều này dẫn đến sự tuân thủ kém của cộng đồng trong giai đoạn nhượng quyền và có khả năng điều này sẽ tăng hơn khi giấy phép nhượng quyền hết hạn (ví dụ, Indonesia, Cameroon)</li> </ul>

xin xem tiếp trang sau

Bảng 8. Tiếp tục

	Các công cụ thị trường (ví dụ, PES)	Quản lý hợp tác	Các mô hình dựa trên quỹ	Các cơ chế chia sẻ lợi nhuận từ nhượng quyền rừng
Tính hiệu quả	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Khung pháp lý mạnh mẽ và ổn định (ví dụ, Brazil, Indonesia, Việt Nam) và vì vậy có thể thực thi tốt.</li> <li>• Không dựa trên hiệu suất công việc (tất cả các quốc gia)</li> <li>• Hệ thống giám sát kém (đối với cả các tác động môi trường và xã hội; ví dụ, Việt Nam, Indonesia, Cameroon)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Việc thực hiện sẽ bền vững do đảm bảo được sự cam kết của các cộng đồng và các hộ làm chủ của họ đối với việc thiết kế và thực hiện dự án.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Các quỹ độc lập nằm ngoài hệ thống hành chính quốc gia; thu hút nguồn vốn tốt (nhất là từ công chúng); sự thất thoát phụ thuộc vào chức năng nhiệm vụ và về quy mô diện tích rừng mà quỹ đảm nhận; có thể có khả năng xây dựng các giải pháp để tránh thất thoát; yếu trong việc điều phối ngành; tương đối ổn định do các quỹ thường là cam kết trung hoặc dài hạn.</li> <li>• Các quỹ được hợp nhất hoặc lồng ghép trực tiếp vào ngân sách nhà nước; việc thu hút các nguồn kinh phí tư nhân phụ thuộc vào các chương trình nhà nước; khá mạnh trong điều phối ngành; rất mạnh trong việc kiểm soát và khoan vùng các thất thoát trong hệ thống kế toán; tình ổn định phụ thuộc vào cam kết quốc gia.</li> <li>• Các quỹ trong hệ thống hành chính nhà nước; việc thu hút các nguồn kinh phí tư nhân phụ thuộc vào các chương trình nhà nước; có thể có khả năng đưa ra các giải pháp tránh thất thoát; khá mạnh trong việc giám sát và đảm bảo không có thất thoát và đảm bảo việc sử dụng các chính sách ngành; tình ổn định phụ thuộc vào cam kết quốc gia; khá tốt trong điều phối ngành.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đưa ra một phương án “ngầm định” để chia sẻ lợi ích từ các hoạt động REDD+ trên đất thuộc sở hữu nhà nước giữa các cộng đồng sống gần đất nhượng quyền, các cơ quan phát triển hay các tổ chức thuê đất khác với nhà nước.</li> <li>• Có nhược điểm về tính công bằng (đặc biệt trong các tình huống các vùng đất nhượng quyền ảnh hưởng đến sức chống chịu lâu dài của hệ sinh thái hay đến các cộng đồng địa phương) trừ khi phần chia lợi nhuận được quyết định ở cấp tỉnh hay có các biện pháp đảm bảo để cộng đồng địa phương được nhận lợi ích.</li> <li>• Có thể dẫn đến những bên tham gia được/bị chi trả quá mức hoặc dưới mức (ví dụ, Cameroon, Indonesia)</li> <li>• Việc tính toán “phí làm nghiệp” và cơ chế truyền tải lợi ích khá đơn giản giúp công chúng hiểu biết rộng rãi hơn về cơ chế (ví dụ, Cameroon)</li> </ul>

**Bảng 8.** Tiếp tục

	Các công cụ thị trường (ví dụ, PES)	Quản lý hợp tác	Các mô hình dựa trên quỹ	Các cơ chế chia sẻ lợi nhuận từ nhượng quyền rừng
<p>Liên hệ với sở hữu và kiểm soát đất đai/ carbon</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Có hiệu quả cao nhất đối với các chế độ quyền sử dụng đất cho phép cá nhân sở hữu và kiểm soát đất đai và carbon.</li> <li>• Tuy nhiên, cần có các ngoại lệ đối với các chương trình, ví dụ như chuyển giao tài chính liên chính phủ đến chính quyền địa phương để duy trì hoặc cải thiện trữ lượng carbon trên đất thuộc sở hữu nhà nước</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Trong mô hình đồng quản lý rừng, nhà nước duy trì nắm giữ quyền sở hữu đất (cũng có nghĩa là carbon), trong khi quản lý rừng cộng đồng nhìn chung là trao quyền sở hữu và kiểm soát đất đai cho cộng đồng, và cũng có nghĩa là sở hữu đối với carbon.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Các quỹ nằm trong hệ thống hành chính nhà nước được sử dụng cho rất nhiều mục tiêu. Các quỹ có thể cấp vốn cho các dự án và cũng có thể hỗ trợ các hoạt động hành chính trên cả đất công và tư. Trên thực tế, trong một số trường hợp, các quỹ được sử dụng để cấp tài chính cho chi phí hành chính thường xuyên cho đất rừng công.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Hầu hết dựa trên mô hình nhà nước sở hữu và kiểm soát đất đai và carbon, với các hợp đồng thuê theo các thời hạn nhất định</li> </ul>

Nguồn: Babon & Gowae 2013; Costenbader 2011; Dkamela 2011; Indrarto *et al.* 2012; Jambira *et al.* 2012; Lestrelin *et al.* 2012; May *et al.* 2011; Mpoyi *et al.* 2013; Paudel *et al.* 2013; Pham *et al.* 2012a; Piu *et al.* 2013; PwC 2012; Siteo *et al.* 2012; Vatn & Angelsen 2009; Vatn & Vedeld 2011; Videa 2011

Tiếp cận nhượng quyền rừng nhận được nhiều sự ủng hộ như một cơ chế chia sẻ lợi ích do nó có khả năng tiết kiệm về chi phí. Tuy nhiên, nếu số người hưởng lợi lớn, bao gồm cả các chủ đất nhỏ và nghèo, có thể sẽ tạo ra chi phí giao dịch cao (như trong trường hợp của Cameroon); hơn nữa, hệ thống này có thể dẫn đến sự bất công bằng do các bên tham gia có thể bị chi trả dưới mức hoặc quá mức (ví dụ, Cameroon) hay do việc ra quyết định đồng bộ từ cấp trung ương (Indonesia) (Costenbader 2011).

Các cơ chế chia sẻ lợi ích cần phải minh bạch (PwC 2012) và việc thiết kế chúng cần phải bao gồm một hệ

thống hiệu quả để có thể thường xuyên thông tin cho tất cả các bên liên quan về kinh phí đang có và việc chi tiêu. Công tác thông tin có thể được hỗ trợ bởi cả hệ thống ngân hàng quốc gia có thể tiếp cận ở cấp độ địa phương và bởi các hướng dẫn rõ ràng về quyền và trách nhiệm của chính quyền địa phương.

PwC (2012) đã liệt kê các yếu tố cần thiết để thực hiện một cơ chế chia sẻ lợi ích từ REDD+ (Bảng 9). Tuy nhiên, các phân tích của chúng tôi cho thấy các quốc gia trong nghiên cứu này đang gặp rất nhiều khó khăn trong việc đạt được các yếu tố đó.

**Bảng 9. Các yếu tố cần thiết và điều kiện thực tế để đạt được các yếu tố này tại 13 quốc gia**

<b>Điều kiện tiên quyết</b>	<b>Thực tế tại 13 quốc gia được nghiên cứu</b>
Phân công trách nhiệm và khung pháp lý rõ ràng làm nền tảng cho bố trí cơ chế chia sẻ lợi ích	Hầu hết các nước chưa có chương trình REDD+ quốc gia; các quốc gia này chỉ có ý tưởng chung chung về cơ chế chia sẻ lợi ích.
Cơ chế chia sẻ lợi ích phải phù hợp với chiến lược quốc gia, đặc biệt là về xóa đói giảm nghèo, điều này sẽ giúp thúc đẩy sự ủng hộ về chính trị. Điều chỉnh để lồng ghép thống nhất một cơ chế chia sẻ lợi ích vào các kế hoạch phát triển kinh tế xã hội quốc gia có thể giúp cho việc nhân rộng một chương trình thử nghiệm hiệu quả.	Chỉ Việt Nam và Brazil đã lồng ghép thành công việc chia sẻ lợi ích REDD+ vào các chính sách vĩ mô.
Sử dụng các kênh chuyển giao lợi ích hoặc các bố trí thể chế hiện có giúp điều hòa chi phí giao dịch và giảm nhu cầu thiết lập một hệ thống mới.	Chỉ có Việt Nam và Brazil đặt mục tiêu sử dụng thể chế hiện có. Các quốc gia khác đều cố gắng thiết lập thể chế mới để vận hành REDD+.
Chính quyền địa phương có đủ năng lực kỹ thuật quản lý rừng, phát triển cộng đồng và quy hoạch nguồn lực để hỗ trợ các đối tượng hưởng lợi một cách hiệu quả, và họ cũng cần được cung cấp đầy đủ nguồn lực để thực hiện.	Các cơ quan chính quyền địa phương thiếu kỹ năng và năng lực.
Sử dụng cơ quan giám sát và kiểm toán độc lập trong một cơ chế chia sẻ lợi ích giúp cho việc quản trị tốt hơn, minh bạch hơn và kiểm soát tài chính hiệu quả hơn.	Các bên độc lập như vậy không xuất hiện ở bất cứ nước nào trong các quốc gia được nghiên cứu.
Sử dụng phương pháp tiếp cận đơn giản để tính toán và giám sát và quyết định chuyển giao lợi ích sẽ giúp công chúng dễ hiểu và tiếp cận hơn.	Kết quả từ các quốc gia rất khác nhau (một phương pháp tiếp cận đơn giản dễ dàng áp dụng cho mô hình nhượng quyền rừng ở Cameroon nhưng rất khó áp dụng trong chương trình PES ở Việt Nam).
Các cơ chế chia sẻ lợi ích ở cấp độ quốc gia có khả năng chuyển giao trực tiếp các lợi ích từ ngân khố quốc gia đến tài khoản của người hưởng lợi và sẽ giúp giảm sự tham nhũng và chi phí giao dịch.	Các quốc gia châu Phi và Mỹ Latin có năng lực tốt hơn so với các nước châu Á trong việc thực hiện yêu cầu này.
Đối với các cơ chế chia sẻ lợi ích dựa trên hiệu suất, sự gắn kết giữa giám sát và chi trả là rất quan trọng, do cần sự rõ ràng về hậu quả khi xảy ra việc vi phạm các điều kiện của một chương trình.	Các chương trình dựa trên hiệu suất đều chưa được vận hành ở bất cứ quốc gia nào.
Truyền thông hiệu quả sử dụng các kênh phù hợp là rất quan trọng trong việc tăng cường nhận thức và cải thiện sự tham gia của người dân vào chương trình.	Truyền thông và chia sẻ thông tin giữa các nhóm đối tượng còn hạn chế.

xin xem tiếp trang sau

Bảng 9. Tiếp tục

Điều kiện tiên quyết	Thực tế tại 13 quốc gia được nghiên cứu
Sử dụng một quỹ độc lập thuộc sở hữu công hoặc tư để kiểm soát nguồn tài lực có thể giúp các nhà tài trợ vững tin là đồng tiền của họ sẽ được quản lý tốt và bền vững về tài chính.	Chi phí giao dịch và chi phí vận hành của các quỹ này có thể cao. Việc kiểm toán thường xuyên là cần thiết để đảm bảo quy trình được minh bạch.
Cơ chế giám sát liên bộ mạnh mẽ và sự rõ ràng về vai trò của mỗi bộ và các bên liên quan sẽ giúp đảm bảo tất cả các khía cạnh của cơ chế chia sẻ lợi ích được chú trọng tương xứng.	Sự yếu kém trong được nhìn nhận ở tất cả các quốc gia được nghiên cứu.
Sử dụng hiệu quả các mối quan hệ đối tác với các tổ chức xã hội dân sự, các NGO và các cơ quan khuyến lâm trong việc truyền thông và xây dựng năng lực, cũng như để phát hiện các kiến thức và các mạng lưới địa phương.	Chỉ có Indonesia và Brazil là có các liên minh hiệu quả.

Nguồn: Babon & Gowae 2013; Dkamela 2011; Indrarto *et al.* 2012; Jambiya *et al.* 2012; Jimbira *et al.* 2012; Lestrelin *et al.* 2012; May *et al.* 2011; Mpoyi *et al.* 2013; Paudel *et al.* 2013; Pham *et al.* 2012a; Piu *et al.* 2013; PwC 2012; Siteo *et al.* 2012; Videva 2011

## 8. Kết luận

Báo cáo nghiên cứu này xem xét các cơ chế chia sẻ lợi ích khác nhau, bao gồm các cơ chế đang được áp dụng hoặc đang được đề xuất sử dụng tại 13 quốc gia, và xem xét tiềm năng của các cơ chế này trong việc hiện thực hóa hay cản trở việc thực hiện các kết quả đầu ra 3E từ REDD+. REDD+ vẫn đang còn đang ở giai đoạn đầu tại tất cả các quốc gia, chưa có nước nào có được một khung thể chế rõ ràng cho chia sẻ lợi ích REDD+. Tuy nhiên, báo cáo đánh giá này xác định bốn kiểu tiếp cận chia sẻ lợi ích đang được thử nghiệm và cần nhắc sử dụng cho REDD+ tại các quốc gia được nghiên cứu: dựa trên thị trường, quản lý hợp tác, tiếp cận dựa trên quỹ và nhượng quyền rừng. Thực tế cho thấy là phương pháp thứ năm là tiếp cận và chia sẻ lợi ích (ABS) rất ít được áp dụng.

Nhiều dự án thử nghiệm REDD+ đang tìm kiếm các thông tin phục vụ cho việc thiết kế cơ chế chia sẻ lợi ích REDD+ trong tương lai và xây dựng năng lực cho các cấp thẩm quyền địa phương. Tuy nhiên, các chính sách REDD+ tại tất cả các quốc gia được nghiên cứu đều có nguy cơ không mang lại hiệu lực, không công bằng và không hiệu quả do quyền sử dụng đất và quyền carbon không rõ ràng, thiếu sự đại diện của một số bên liên quan, các vấn đề kỹ thuật và tài chính liên quan đến quy mô và cấp độ của REDD+, sự chiếm đoạt lợi ích của các nhóm có ưu thế và các tác dụng phụ tiêu cực của việc phân quyền.

Các nguy cơ này có thể được giảm thiểu nhờ cải thiện việc điều phối giữa các bên tham gia, thực thi pháp luật tốt hơn, có các hướng dẫn về giám sát các dòng tài chính, cải thiện việc chia sẻ thông tin và nâng cao năng lực cho các bên tham gia. Việc liệu REDD+ có thể thúc đẩy các thay đổi này sẽ phụ thuộc một phần vào việc các lợi ích và chi phí từ REDD+ sẽ được chia sẻ thế nào, và liệu các lợi ích này có đủ để đem lại các thay đổi về các hành vi và chính sách cổ vũ ở tất cả các cấp chính quyền.

Tuy nhiên, có thể thấy có một số tiến bộ đã đạt được (Seymour & Angelsen 2012): ví như các tranh luận về REDD+ tại một vài quốc gia ít nhất cũng đã dẫn đến việc rà soát các khuôn khổ pháp lý hiện có để làm rõ quyền sử dụng và quyền đối với carbon; đầu tư vào các hệ thống giám sát, báo cáo và thẩm định có thể khởi

động việc chia sẻ lợi ích dựa trên hiệu suất; các liên minh mới đã hình thành trong các diễn đàn chính sách quốc gia, và một cơ sở mới cho các giá trị của rừng đã xuất hiện (Brockhaus & Angelsen 2012; Di Gregorio *et al.* 2013). Tất cả các tiến bộ này sẽ đóng góp vào việc tạo ra những điều kiện kích hoạt cần thiết để đạt được một cơ chế chia sẻ lợi ích hiệu quả, hiệu lực và công bằng cho REDD+.

Đồng thời, rất rõ ràng rằng có những sự đánh đổi và các mâu thuẫn giữa 3 yếu tố E và giữa các ý tưởng khác nhau về làm thế nào để chia sẻ được lợi ích. Trong khi việc vận hành tài chính REDD+ chủ yếu dựa trên mức giảm phát thải và tính hiệu quả, công bằng hiện tại đang là mối quan tâm và là điều kiện tiên quyết để bắt đầu chương trình REDD+ nào có được sự chấp nhận ở cấp địa phương. Tuy nhiên, nghiên cứu này cho thấy rằng việc đạt được sự công bằng đối với các mô hình quản lý rừng ít phát thải không phải là mối quan tâm ưu tiên tại 13 quốc gia được nghiên cứu, cho dù đây là vấn đề ưu tiên cao trong các tranh cãi và thảo luận quốc tế về chia sẻ lợi ích từ REDD+. Điều này cho thấy rằng, trong việc phát triển các dự án REDD+, cần chú trọng hơn đến các quyền của các nhóm bản địa và các nhóm sử dụng khác vốn có truyền thống quản lý rừng có trách nhiệm; hơn nữa, thất bại trong việc giải quyết bất cứ khiếu nại đang có hoặc có thể xảy ra với người dân bản địa cũng sẽ làm mất đi khả năng hợp lệ hóa một dự án.

Cuối cùng, để một cơ chế chia sẻ lợi ích có thể đạt được hiệu quả, hiệu lực và công bằng, quy trình thiết lập cơ chế đó sẽ bao gồm không chỉ một mục tiêu xuất phát điểm rõ ràng cho cả cấp độ quốc gia và địa phương, mà còn phải phân tích kỹ lưỡng các phương án hiện có và các tác động tiềm năng của từng phương án đối với các cộng đồng, các nhóm đối tượng hưởng lợi khác nhau và các mục tiêu giảm thiểu biến đổi khí hậu. Việc hiểu rõ ràng về những đánh đổi giữa tính hiệu quả, hiệu lực và công bằng giữa các quy mô và các nhóm đối tượng hưởng lợi là cần thiết cho việc ra quyết định với đầy đủ thông tin. Hơn nữa, để một cơ chế chia sẻ lợi ích trong REDD+ có thể nhận được tính hợp pháp và sự chấp nhận rộng rãi, việc thiết kế và thực hiện cần dựa trên các nguyên tắc về tính công bằng và toàn diện.



## 9. Tài liệu tham khảo

- Adger, W.N., T.A. Benjaminsen, K. Brown và H. Svarstad. 2001. Nâng cao phương diện chính trị trong các vấn đề sinh thái tại các cuộc tranh luận môi trường toàn cầu. *Tạp chí Phát triển và Thay đổi* 32:681–715.
- Alers, M., M. Bovarnick, T. Boyle, K. Mackinnon và C. Sobrevila, C. 2007. Giảm thiểu nguy cơ tới các khu bảo tồn: những bài học từ hiện trường. Ngân hàng Tái cấu trúc và Phát triển Quốc tế và Chương trình Phát triển Liên hiệp quốc, Washington, D.C.
- Angelsen, A. (biên tập). 2008. Hướng tới phía trước cùng REDD+: các vấn đề, các lựa chọn và các đề xuất. CIFOR, Bogor, Indonesia.
- Angelsen, A. và D. McNeill. 2012. Cuộc cách mạng về REDD+ . *Trong: Angelsen, A., M. Brockhaus, W.D. Sunderlin và L.V. Verchot (biên tập). Phân tích REDD+: thách thức và cơ hội*, trang 31–49. CIFOR, Bogor, Indonesia.
- Angelsen, A., M. Brockhaus, M. Kanninen, E. Sills, W.D. Sunderlin và S. Wertz-Kanounnikoff. 2009. Nhận biết REDD+: chiến lược quốc gia và lựa chọn chính sách. CIFOR, Bogor, Indonesia.
- Aronsen, I., H. Lindhjem và K.G. Bråten. 2011. Kinh nghiệm từ chia sẻ lợi ích rừng và các vấn đề đối với REDD+ tại Cameroon. Liên minh bảo tồn thiên nhiên quốc tế, Oslo.
- Assemble-Mvondo, S., M. Brockhaus và G. Lescuyer. 2013. Đánh giá tính hiệu quả, hiệu ích và công bằng trong các cơ chế chia sẻ lợi ích nông nghiệp quy mô lớn: những bài học từ phí đất đai tại Cameroon. *Tạp chí Phát triển và Nghiên cứu Châu Âu (EJDR)*. (Được ấn bản).
- Babon, A. và G.Y. Gowae. 2013. *Bối cảnh REDD+ ở PNG: Nguyên nhân, đối tượng và thể chế*. CIFOR, Bogor, Indonesia. (Được ấn bản)
- Barr, C., A. Dermawan, H. Purnomo và H. Komarudin. 2010. *Quản trị tài chính và Quỹ Tái trồng rừng Indonesia thời kỳ Tổng thống Soeharto và hậu Soeharto, 1989-2009: một phân tích kinh tế chính trị về các bài học cho REDD+*. Báo cáo chuyên đề 52. CIFOR, Bogor, Indonesia.
- Barton, D.N., D.P. Faith, M.G. Rusch, H. Acevedo, L. Paniagua và M. Castro. 2009. Chi trả dịch vụ môi trường: đánh giá các đánh đổi bảo tồn đa dạng sinh học và hiệu ích chi phí tại Khu bảo tồn Osa, Costa Rica. *Tạp chí Quản lý Môi trường* 90:901–11.
- Bawa, K. S. và M. Gadgil. 1997. Dịch vụ môi trường trong nền kinh tế sơ khai. *Trong: Daily, G.C. (biên tập). Các dịch vụ thiên nhiên: sự phụ thuộc của xã hội vào các hệ sinh thái tự nhiên*, trang 295–310. Nhà xuất bản Island, Washington, DC.
- Beetham, D. 1991. *Tính hợp lệ của quyền lực*. Macmillan Education, London.
- Behr, D. C. 2012. *Để các thể chế chia sẻ lợi ích thực sự hiệu quả đối với các cộng đồng phụ thuộc vào rừng: Cái nhìn tổng quan về các nỗ lực bước đầu trong REDD+*. Chương trình Rừng (PROFOR), Washington, DC.
- Behr, D.C., E.M. Cunningham, M. Gimbage, G. Kajembe, S. Nsita và K.L. Rosenbaum. 2012. *Chia sẻ lợi ích trên thực tiễn: nhìn sâu vào các nỗ lực bước đầu trong REDD+*. Chương trình Rừng (PROFOR), Washington, DC.
- Bishop, J., S. Kapila, F. Hicks, P. Mitchell và F. Vorhies. 2008. *Xây dựng các hoạt động kinh doanh về đa dạng sinh học*. Shell International Limited, London, và Liên minh bảo tồn thiên nhiên quốc tế, Gland, Switzerland
- Bouda, Z.H., D. Tiveau, P. Savadogo và B. Ouedraogo. 2008. Lợi ích và hạn chế từ việc phân quyền quản lý rừng tại Burkina Faso. *Trong: Geldenhuys C.J, C. Ham và H. Ham (biên tập). Quản lý rừng bền vững tại châu Phi: một vài giải pháp cho các vấn đề quản lý rừng tự nhiên tại châu Phi*. Kỷ yếu hội nghị Quản lý rừng bền vững tại châu Phi 375–91. Stellenbosch, South Africa, 3–7 tháng 11.
- Brockhaus, M., và A. Angelsen. 2012. Nhìn nhận REDD+ qua lăng kính 4I: một khung kinh tế chính trị. *Trong: Angelsen, A., M. Brockhaus, W.D. Sunderlin, và L. Verchot (biên tập). Phân tích REDD+: thách thức và cơ hội*, 15–30. CIFOR, Bogor, Indonesia.
- Brockhaus, M., và M. Di Gregorio. 2012. Một cái nhìn tổng quan: Hợp phần 1 về các chính sách và tiến trình REDD+ quốc gia. <http://www.cifor.org/online-library/browse/view-publication/publication/3858.html> (22 tháng 1 năm 2012).
- Brockhaus, M., M. Di Gregorio và S. Wertz-Kanounnikoff. 2012. Hướng dẫn cho các báo cáo bối cảnh quốc gia: Nghiên cứu so sánh toàn cầu về REDD (GCS-REDD). Hợp phần 1 về các chính sách và tiến trình REDD+ quốc gia. <http://www>.

- cifor.org/online-library/browse/view-publication/publication/3859.html (22 tháng 1 năm 2012).
- Brockhaus, M., M. Di Gregorio, T.T. Pham, và R. Carmenta. 2013. Phương diện chính trị và kinh tế chính trị trong REDD+: đâu là gợi ý cho tính hiệu lực, hiệu quả và công bằng? Tài liệu chưa công bố.
- Brown, K. và E. Corbera. 2003. Khám phá tính công bằng và quản lý bền vững trong nền kinh tế carbon mới. *Chính sách Khí hậu* 3(Phụ bản 1):S41–S56.
- Brown, D., F. Seymour và L. Peskett. 2008. Chúng ta nên làm như thế nào để đạt được đồng lợi ích trong REDD và tránh thực hiện những điều có hại? *Trong: Angelsen, A. (biên tập). Hướng tới phía trước cùng REDD+: các vấn đề, các lựa chọn và các đề xuất*, 107–18. CIFOR, Bogor, Indonesia.
- Bun, Y., T. King và P. Shearman. 2004. Ảnh hưởng của Trung Quốc lên ngành công nghiệp lâm nghiệp của Papua New Guinea. Cục Phát triển Quốc tế, London.
- Casson, A. 2005. Rừng mất mèo: vườn Krui damar. Tổ chức Nông Lương Liên hiệp quốc, Rome.
- Cerutti, P.O., L. Tacconi, R. Nasi và G. Lescuyer. 2011. Tính pháp lý và gỗ được chứng nhận: tác động bước đầu của chứng chỉ rừng tại Cameroon. *Tạp chí Kinh tế và Chính sách Rừng* 13:184–90.
- Chagas, T. 2010. Quyền carbon rừng tại Brazil. Mạng lưới công bằng về các chính sách khí hậu liên quan đến rừng. REDD net. redd-net.org/files/Brazil%20Case%20Study.pdf (11 tháng 2 năm 2011).
- Champange, E. và J. Roberts. 2009. Khung pháp lý cho REDD. Thiết kế và thực hiện tại cấp quốc gia. Nghiên cứu điểm: Brazil. *Trong: Costenbader, J. (biên tập) Khung pháp lý cho REDD: thiết kế và thực hiện tại cấp quốc gia*, 139–50. Liên minh bảo tồn thiên nhiên quốc tế, Gland, Switzerland.
- Costenbader, J. 2011. Chia sẻ lợi ích trong REDD+: một đánh giá so sánh về ba cách tiếp cận chính sách quốc gia. Chương trình UN-REDD. www.theredddesk.org (21 tháng 12 năm 2011).
- Coulibaly-Lingani, P. 2011. Đánh giá nhanh chương trình quản lý rừng có sự tham gia tại nam Burkina Faso. Luận án Tiến sĩ. Đại học Khoa học Nông nghiệp Thụy Điển, Alnarp, Sweden.
- Covington và Baker&McKenzie. 2009. *Phân tích nền tảng về khung quy định trong REDD*. Nhóm carbon mặt đất và Chương trình Hợp tác Liên hiệp quốc về REDD, New York.
- Cronin, T. và L. Santoso. 2010. *Vấn đề chính sách REDD+ được thể hiện trong thông tin đại chúng: Nghiên cứu điểm tại Indonesia*. Báo cáo chuyên đề số 49. CIFOR, Bogor, Indonesia.
- de Vries, B.J.M. và A.C. Petersen. 2009. Khái niệm hóa phát triển bền vững: một phương pháp đánh giá liên kết các giá trị, kiến thức, cái nhìn toàn cầu và các kịch bản. *Tạp chí Kinh tế sinh thái* 68:1006–19.
- Di Gregorio, M., M. Brockhaus, T. Cronin, E. Muharrom, L. Santoso, S. Mardiah và M. Büdenbender. 2013. Tính công bằng và REDD+ trên các phương tiện thông tin đại chúng: Một đánh giá so sánh về các tranh luận chính sách. Được ấn bản.
- Dkamela, G.P. 2011. *Bối cảnh REDD+ ở Cameroon: Nguyên nhân, đối tượng và thể chế*. Báo cáo chuyên đề số 57. CIFOR, Bogor, Indonesia.
- Duchelle, A., J. Börner, S. Wunder, E. Araújo, R. Farias, J. Tezza, A. Toniolo, R. G. Cortez, M. de los Ríos, M. F. Gebara, R. Guerra, T. Megid, L. Micol, G. Ribemboim và V. Viana. 2010. Nền tảng của các cuộc tranh luận về REDD+: các bằng chứng sơ khởi về các nỗ lực thí điểm tại khu vực Amazon ở Brazil. Tóm lược chính sách bước đầu ở Amazon 02. Tổ chức nghiên cứu lâm nghiệp quốc tế, Brazil [online] <http://www.cifor.org/online-library/browse/view-publication/publication/3296.html>.
- Engel, S., S. Pagiola, S. Wunder. 2008. Thiết kế chi trả dịch vụ môi trường trên lý thuyết và thực tiễn: Một cái nhìn tổng quan về các vấn đề. *Tạp chí Kinh tế Sinh thái* 65:663–74.
- Enright, A., R. McNally, T. Sikor. 2012. *Một tiếp cận để thiết kế hệ thống phân bổ lợi ích hưởng nghèo tại địa phương trong REDD+: những bài học từ Việt Nam*. Chương trình REDD+ Tổ chức Phát triển Hà Lan, Hà Nội.
- Expert Consultation Group. 2011. Chi trả dịch vụ môi trường tại Papua New Guinea: một hệ thống PES được đề xuất tại PNG. Nhóm chuyên gia tư vấn. Bản tổng kết dự thảo 2.0.
- Fabricius, C., E. Koch, H. Magome, và S. Turner (biên tập). 2004. *Quyền, tài nguyên và phát triển nông thôn: quản lý tài nguyên dựa vào cộng đồng tại khu vực Nam Phi*. Earthscan, London.
- Finston, S.K. 2007. Những hậu quả được lường trước và chưa lường được: so sánh kinh nghiệm quốc gia dưới định chế cấp bằng. Báo cáo được trình bày tại Hội thảo chuyên đề về Kiến thức bản địa/Nguồn gen/Văn hóa dân gian: Từ Chính sách công tới các Giải pháp thực tiễn, SIPO và USPTO. Chengdu, Trung Quốc, 30–31 tháng Mười.
- Fishera, B., K.R. Turnera và P. Morling. 2009. Định nghĩa và phân loại các dịch vụ môi trường cho việc ra quyết định. *Tạp chí Kinh tế sinh thái* 8:643–53.
- Fujita, Y. 2008. Giao đất giao rừng tại Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào: so sánh các nghiên cứu điểm từ nghiên cứu quản lý tài nguyên thiên nhiên dựa vào cộng đồng. *Tài nguyên Thiên nhiên và Xã hội* 21:120–33.

- Gallemore, C., H. Rut Dini Prasti và M. Moeliono. 2012. Khi các cấp độ đạt được: các mạng lưới chính sách xuyên quốc gia và REDD+ tại Trung Kalimantan, Indonesia. Tài liệu dự án chưa công bố.
- Garnett, S., J. Sayer và D.T. Johan. 2007. Nâng cao tính hiệu quả của các can thiệp nhằm hài hòa mục tiêu bảo tồn và phát triển: một khung lý thuyết. *Tạp chí Sinh thái và Xã hội* 12(1):2.
- Gebara, M.F. 2010. Cơ chế chia sẻ lợi ích cho REDD: làm sao để chia sẻ lợi ích một cách công bằng giữa những người quản lý rừng? <http://titan.socioambiental.org/home/oswaldo@socioambiental.org/Briefcase/Mecanismos%20de%20Distribui%C3%A7%C3%A3o%20de%20Beneficios%20para%20REDD%2B%20%28em%20ingl%C3%AAs%29.pdf> (22 tháng 1 năm 2012).
- Government of Nepal [Chính phủ Nepal]. 2011. Nghiên cứu về các thí điểm REDD+ tại Nepal. Bộ Lâm nghiệp, Đất và Bảo tồn. Phòng Lâm nghiệp và Biến đổi khí hậu REDD, Kathmandu.
- Government of Vietnam [Chính phủ Việt Nam]. 2012. Quyết định 799/2012/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về “Giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và nâng cao trữ lượng carbon rừng” giai đoạn 2012-2020. Hà Nội, 27 tháng 6 năm 2012.
- Gray, J.A. 2000. Nhượng quyền rừng: kinh nghiệm và bài học từ các quốc gia trên thế giới. Báo cáo được trình bày tại Hội nghị quốc tế IUFRO: Quản lý lồng ghép rừng mưa nhiệt đới bởi khối công nghiệp và các cộng đồng. Pará, Brasil.
- Greenpeace. 2011. Khủng hoảng chứng chỉ rừng tại lưu vực Congo? Các vấn đề rủi ro về chứng nhận tín chỉ toàn cầu. <http://www.greenpeace.org/africa/en/Press-Centre-Hub/Publications/Crisis-for-FSC-in-the-Congo-Basin/> (11 tháng 2 năm 2013).
- Grieg-Gran, M., I. Porras và S. Wunder. 2005. Cơ chế thị trường cho dịch vụ môi trường rừng có thể giúp đỡ người nghèo như thế nào? Bài học bước đầu từ Mỹ Latin. *Tạp chí Phát triển Quốc tế* 33:1511–27.
- Hajer, M. 1996. Hiện đại hóa các vấn đề sinh thái như là văn hóa chính trị. Trong: S. Lash, B. Szerszynski và B. Wynne (biên tập). *Rủi ro, môi trường và hiện đại hóa: hướng tới khái niệm sinh thái mới*, 246-268. Sage, London.
- Hedge, R. và G.Q. Bull. 2011. Kết quả thực hiện chi trả dịch vụ môi trường dựa trên nông lâm tại Mozambique: một phân tích ở cấp độ hộ dân. *Tạp chí Kinh tế Sinh Thái* 71:122–30.
- Hoang, M.H., T.T. Pham, T.H. Do và D. Thomas. 2010. Một đánh giá về các lựa chọn giảm phát thải từ tất cả các kiểu sử dụng đất tại Việt Nam – sẵn sàng cho REDD. Trung tâm Nghiên cứu Nông Lâm Thế giới (ICRAF), Hà Nội.
- Huang, M. và S.K. Upadhyaya, 2007. Chi trả dịch vụ môi trường dựa trên lưu vực tại châu Á. Chương trình Hỗ trợ Hợp tác Quản lý Tài nguyên và Nông nghiệp Bền vững (SANREM), Văn phòng Nghiên cứu Quốc tế, Giáo dục và Phát triển (OIED) Báo cáo chuyên đề 06-07. Blacksburg, VA, USA.
- Hyams, W., E. Grant, A. Birtles và P. Valentine. 2008. Tìm kiếm ý nghĩa mới cho những giá trị cũ. Trong: Smyth D. và G.K. Ward (biên tập). *Bảo vệ quốc gia: quản trị bản địa và quản lý các khu bảo tồn*, 71–94. Viện Nghiên cứu về Thổ dân và Eo biển Torres, Canberra.
- Ibisch, P.L. 2005. Các quy định và tiếp cận chia sẻ lợi ích tại Bolivia: các hệ quả cho việc nghiên cứu và bảo tồn đa dạng sinh học. Trong: U. Feit, M. von den Driesch & W. Lobin (biên tập). *Tiếp cận và chia sẻ lợi ích nguồn gen. Các phương pháp và ý nghĩa để điều phối các nghiên cứu đa dạng sinh học và bảo tồn đồng thời cung cấp các biện pháp an toàn cho tiếp cận và chia sẻ lợi ích*, 65–73. BfN – Skripten 163, Bundesamt für Naturschutz, Bonn, Germany.
- Indrarto, B.G., P. Murharjanti, J. Khatarina, I. Pulungan, F. Ivalerina, J. Rahman, N.M. Prana, P.A.I. Resosudarmo và E. Muharrom. 2012. *Bối cảnh REDD+ ở Indonesia: nguyên nhân, đối tượng và thể chế*. Báo cáo chuyên đề 92 CIFOR, Bogor, Indonesia.
- International Tropical Timber Organization [Tổ chức Gỗ Nhiệt đới Quốc tế] (ITTO). 2007. Hướng tới các mục tiêu của ITTO 2000 và quản lý rừng bền vững tại Papua New Guinea. Báo cáo thực hiện nhiệm vụ. ITTO. Port Moresby.
- Ituarte-Lima, C. và S.M. Subramanian. 2011. *Khía cạnh pháp lý về tính công bằng trong dịch vụ môi trường: trường hợp tiếp cận và chia sẻ lợi ích và REDD+*. Báo cáo được trình bày tại Viện nghiên cứu Rừng Nhiệt đới và Biến đổi môi trường Oxford, 17 tháng 6 năm 2011.
- Jack, B.K., C. Kousky và K.R.E. Sims. 2008. *Thiết kế chi trả dịch vụ môi trường: các bài học từ kinh nghiệm quá khứ của cơ chế dựa trên lợi ích*. *Kỷ yếu Viện Khoa học quốc gia Hoa Kỳ* 105:9465–70.
- Jambiya, G., R. Shemdoe, R. Tukai, D. Kweka và T. Dokken. 2012. *Bối cảnh REDD+ ở Tanzania: nguyên nhân, đối tượng và thể chế*. Tài liệu dự án chưa công bố.

- Jentoft, S. 1999. *Tính hợp lệ và thất bại trong quản lý ngư nghiệp*. *Tạp chí Chính sách Đại dương* 24:141–8.
- Jimbira, S.S., M. Balinga và M. Zida. 2012. Bối cảnh REDD+ ở Burkina Faso: Nguyên nhân, đối tượng và thể chế. Tài liệu dự án chưa công bố.
- Johnson, C. 1997. *Quy định, định mức và mục tiêu sinh kế bền vững*. Viện nghiên cứu Phát triển. Báo cáo chuyên đề 52, Brighton, UK.
- Karsenty, A., I.G. Drigo, M.G. Pikett và B. Singer. 2008. quy định nhượng quyền rừng tại Trung Phi và Nam Mỹ. *Tạp chí Sinh thái và Quản lý Rừng* 256:1498–1508.
- Kengoum, D.F. 2011. Chính sách REDD+ trên các phương tiện thông tin đại chúng: nghiên cứu điểm từ Cameroon. Báo cáo chuyên đề 51. CIFOR, Bogor, Indonesia.
- Klimeka, S., A.R. Kemmermann, H. Steinmann, J. Freese và J. Isselstein. 2008. Tưởng thưởng người nông dân do mang đến đa dạng sinh học thực vật tại các khu vực đồng cỏ được quản lý: một phương pháp tiếp cận nghiên cứu điểm đa ngành. *Tạp chí Bảo tồn Sinh thái* 141:2888–97.
- Kokko, S. 2010. Quản trị rừng địa phương và chia sẻ lợi ích từ giảm khí phát thải nhà kính từ mất rừng và suy thoái rừng (REDD): nghiên cứu điểm tại Burkina Faso. Khoa Phát triển Đô thị và Nông thôn: Đại học Khoa học Nông nghiệp Thụy Điển (SLU), Uppsala, Sweden.
- Korhonen-Kurki, K., M. Brockhaus, A.E. Duchelle, S. Atmadija và T.T. Pham. 2012. Các cấp độ khác nhau và các thách thức cho REDD+ *Trong: Angelsen, A., M. Brockhaus, W.D. Sunderlin, và L. Verchot (biên tập)*. Phân tích REDD+: cơ hội và thách thức, 91–110. CIFOR, Bogor, Indonesia.
- Kosoy, N., E. Corbera và K. Brown, K. 2008. Sự tham gia trong chi trả dịch vụ môi trường: nghiên cứu điểm tại rừng mưa Lacandon, Mexico. *Geoforum* 39:2073–83.
- Laird, S. và R. Wynberg. 2008. *Tiếp cận và chia sẻ lợi ích trên thực tiễn: hướng đi cho các mối quan hệ đối tác liên ngành*. Báo cáo kỹ thuật số 38. Ban thư ký Công ước Đa dạng sinh học, Montreal, Canada.
- Landell-Mills, N. và I.T. Porras. 2002. *Có thực sự là bước đột phá? Đánh giá toàn cầu về thị trường chi trả dịch vụ môi trường và tác động lên người nghèo*. Các Công cụ phục vụ sự bền vững của khối tư nhân trong ngành lâm nghiệp. Viện nghiên cứu quốc tế về Môi trường và Phát triển, London.
- Larson, A.M., E. Corbera, P. Cronkleton, C. van Dam, D. Bray, M. Estrada, P. May, G. Medina, G. Navarro và P. Pacheco. 2010. Quyển về rừng và carbon trong các nỗ lực ban đầu về REDD+ tại Mỹ Latin. Bản tóm lược thông tin số 33. CIFOR, Bogor, Indonesia.
- Larson, A.M. và G.R. Dahal. 2012. Đối mới việc chiếm hữu và sử dụng rừng: các quyền lợi mới đối với tài nguyên của các cộng đồng phụ thuộc rừng? *Tạp chí Bảo tồn và Xã hội* 10:77–90.
- Larson, A.M., M. Brockhaus và W.D. Sunderlin. 2012. Các vấn đề chiếm hữu trong REDD+: những bài học từ hiện trường. *Trong: Angelsen, A., M. Brockhaus, W.D. Sunderlin, và L. Verchot (biên tập)*. Phân tích REDD+: thách thức và cơ hội, 153–76. CIFOR, Bogor, Indonesia.
- Larson, A.M., M. Brockhaus, W.D. Sunderlin, A. Duchelle, A. Babon, T. Dokken, T.T. Pham, I.A.P. Resosudarmo, G. Selaya, A. Awono và T.B. Huynh. 2013. Chiếm hữu đất và REDD+: điều tốt, điều xấu và những yếu tố khác. *Tạp chí Biến đổi Môi trường Toàn cầu*. Được ấn bản.
- Lee, E. và S. Mahanty. 2009. *Chi trả dịch vụ môi trường và giảm nghèo: rủi ro và cơ hội*. Trung tâm vì Con người và Rừng, Bangkok.
- Lescuyer, G., S. Assembe-Mvondo, J.N. Essoungou, V. Toison, J.-F. Trébuchon và N. Fauvet. 2012. Nhượng quyền khai thác gỗ và sinh kế địa phương tại Cameroon: từ đồng nhất tới liên minh. *Tạp chí Sinh thái và Xã hội* 17(1):7.
- Lestrelin, G., M. Trockenbrodt, K. Phanvilay, S. Thongmanivong, T. Vongvisouk và J.C. Castella. 2012. Bối cảnh REDD+ ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào: nguyên nhân, đối tượng và thể chế. Tài liệu dự án chưa công bố.
- Lindhjem, H., I. Aronsen, K.G. Bråten và A. Gleinsvik. 2010. *Kinh nghiệm chia sẻ lợi ích: các vấn đề và lựa chọn cho REDD+*. Econ Pöyry, Oslo.
- Locatelli, B., V. Rojas, Z. Salinas. 2008. Tác động của chi trả dịch vụ môi trường lên sự phát triển địa phương tại Bắc Costa Rica: một phân tích đa tiêu chí. *Tạp chí Chính sách và Kinh tế Rừng* 10:275–85.
- Luttrell, C., L. Loft, M.F. Gebara và D. Kweka. 2012. Ai nên thụ hưởng lợi ích và tại sao? Tranh luận về chia sẻ lợi ích trong REDD+. *Trong: Angelsen, A., M. Brockhaus, W.D. Sunderlin, và L. Verchot (biên tập)*. Phân tích REDD+: thách thức và cơ hội, 129–152. CIFOR, Bogor, Indonesia.
- Luttrell C., L. Loft, M.F. Gebara, D. Kweka, M. Brockhaus, A. Angelsen và Sunderlin, W., 2013. Ai nên thụ hưởng lợi ích từ REDD+? Quy mô và thực tế. Tài liệu chưa công bố (đang trong quá trình bình duyệt).
- Mahanty, S, K. Burslem và E. Lee (biên tập). 2007. *Một sự chia sẻ công bằng? Kinh nghiệm về chia sẻ lợi ích*

- từ quản lý tài nguyên dựa vào cộng đồng tại châu Á.* RECOFTC, WWF và SNV, Bangkok.
- Mansur, E. và A. Zacarias. 2003. Từ chính sách và thực tiễn: các bài học từ lâm nghiệp cộng đồng tại Mozambique. Báo cáo đệ trình cho Hội nghị Rừng Thế giới lần thứ XII năm 2003, thành phố Quebec, Canada.
- Maryudi, A. và M. Krott. 2012. Các nỗ lực xóa nghèo thông qua chương trình lâm nghiệp cộng đồng tại Java, Indonesia. *Tạp chí Phát triển Bền vững* 5:2.
- Masripatin, N. 2013. Thể chế và rừng: nền kinh tế carbon tại Indonesia. Báo cáo trình bày tại Cuộc họp điều phối Giảm thiểu rủi ro thảm họa thiên nhiên trong ngành lâm nghiệp thông qua REDD+. Bộ Nội vụ Indonesia, Jakarta.
- Matta, J.R., J.R.R. Alavalapati và D.E. Mercer. 2009. *Lợi ích từ bảo tồn đa dạng sinh học vượt lên trên các mô hình quản lý mẫu mực: liệu chủ rừng có quan tâm?* *Tạp chí Kinh tế Đất đai* 85:132–43.
- May, P.H., E. Boyd, F. Veiga và M. Chang. 2004. *Các hiệu ứng phát triển bền vững tại địa phương từ các dự án carbon rừng tại Brazil và Bolivia: Một cái nhìn từ hiện trường.* Viện nghiên cứu quốc tế về Môi trường và Phát triển, London.
- May, P.H., B. Millikan và M.F. Gebara. 2011. *Bối cảnh REDD+ ở Brazil: nguyên nhân, đối tượng và thể chế.* Báo cáo chuyên đề số 55. CIFOR, Bogor, Indonesia.
- Mayrand, K và M. Paquin. 2004. *Chi trả dịch vụ môi trường: điều tra và đánh giá các chương trình hiện tại.* Trung tâm quốc tế Unisfera, Montreal, Canada.
- Mbak, E. 2010. Cơ chế PES tại lưu vực Cidanau, Indonesia: nền kinh tế sinh thái và đa dạng sinh học. [www.teebweb.org/resources/teeb-case-studies-list/](http://www.teebweb.org/resources/teeb-case-studies-list/) (20 tháng 1 năm 2013).
- Moeliono, M., C. Gallemore, L. Santoso, M. Brockhaus và M. Di Gregorio. 2012. **Lồng ghép thể chế chia sẻ thông tin trong REDD+: nghiên cứu điểm tại Indonesia. Tài liệu dự án chưa công bố.**
- Mpoyi, A., F.B. Nyamwoga, F.M. Kabamba và S. Assembe-Mvondo. 2013. *Bối cảnh REDD+ ở DRC: nguyên nhân, đối tượng và thể chế.* CIFOR, Bogor, Indonesia. (được ấn bản)
- Muljono, P. 2009. Kinerja aspek sosial dalam pengelolaan hutan alam lestari: studi kasus pada HPH PT. Sumalindo Lestari Jaya II Provinsi Kalimantan Timur. *Jurnal Transdisiplin Sosiologi dan Ekologi Manusia* 3(3).
- Nepstad, D., B. Soares-Filho, F. Merry, P. Moutinho, H. Rodrigues, M. Bowman và S. Schwartzman. 2007. *Chi phí và lợi ích từ giảm khí phát thải từ mất rừng và suy thoái rừng tại khu vực Amazon ở Brazil.* Trung tâm nghiên cứu Woods Hole, Falmouth, MA.
- Nhantumbo, I. và S. Izidine. 2009. *Sẵn sàng cho REDD+ tại rừng trên khu vực đất khô: nghiên cứu các lựa chọn và các mối liên kết tiềm năng cho chi trả REDD tại khu vực sinh thái Miombo (nghiên cứu quốc gia Mozambique).* Viện nghiên cứu quốc tế về Môi trường và Phát triển, London.
- Nkhata, A.B., C. Breen và A.C. Mosimane. 2012a. Đưa ra lý thuyết tài sản chung: gợi ý cho các nghiên cứu chia sẻ lợi ích tại các quốc gia đang phát triển. *Tạp chí quốc tế về các vấn đề sở hữu công* 6:52–69.
- Nkhata, A.B., A. Mosimane, L. Downsborough, C. Breen và D.J. Roux. 2012b. Một hình thức chia sẻ lợi ích cho việc quản trị các hệ thống xã hội – sinh thái tại các quốc gia đang phát triển. *Tạp chí Xã hội và Sinh thái* 17(1):17.
- Ostrom, V. 1976. Các nền tảng chung cho phân tích chính sách. *Tạp chí các vấn đề Kinh tế* 10: 839–57.
- Pacheco, P. 2005. Phân quyền quản lý rừng tại Bolivia: Ai nhận được lợi ích và tại sao? *Trong:* Colfer, C.J.P và D. Capistrano (biên tập). *Phương diện chính sách của việc phân quyền: rừng, con người và quyền lực*, 166–83. Earthscan, London.
- Pagiola, S, A. Arcenas, G. Platais. 2005. Chi trả dịch vụ môi trường có giúp giảm nghèo? Một khám phá về các vấn đề và bằng chứng cập nhật tại Mỹ Latin. *Tạp chí Phát triển Thế giới* Số 33, Phần 2, trang 237–253.
- Pagiola, S., J. Bishop và N. Landell-Mills. 2002. Bán các dịch vụ môi trường rừng: cơ chế dựa theo thị trường cho bảo tồn và phát triển. Earthscan, London.
- Parker, C., A. Mitchell, M. Trivedi, N. Mardas và K. Sosis. 2009. *Cuốn sách nhỏ về REDD+.* Chương trình Global Canopy, Oxford, UK.
- Pascual, U, R. Muradian, L.C. Rodriquez và A. Duraiappah. 2010. Khám phá sự liên kết giữa tính công bằng và hiệu quả trong chi trả dịch vụ môi trường: một phương pháp tiếp cận dựa trên lý thuyết. *Tạp chí Kinh tế Sinh thái* 69:1237–44.
- Pattanayak, S.K., S. Wunder và P.J. Ferraro. 2010. Hãy chỉ cho tôi tiền đang ở đâu: liệu các khoản chi trả có đem lại dịch vụ môi trường tại các nước đang phát triển? *Tạp chí Đánh giá Kinh tế Môi trường và Chính sách* 4:254–74.
- Paudel, D., D.R. Khanal và P. Branney. 2011. Tính minh bạch trong ngành lâm nghiệp Nepal: một đánh giá cơ sở về các chỉ số pháp lý, sự cung cấp và thực tiễn. Chương trình Sinh kế và Lâm nghiệp(LFP), Kathmandu.
- Paudel, N.S., D. Khatri, D.R. Khanal và R. Karki. 2013. *Bối cảnh REDD+ ở Nepal: nguyên nhân,*

- đối tượng và thể chế. Báo cáo chuyên đề số 81. CIFOR, Bogor, Indonesia.
- Peskett, L., D. Huberman, E. Bowen-Jones, G. Edwards và J. Brown. 2008. Để REDD thực sự hoạt động vì người nghèo. Báo cáo chuẩn bị cho Đối tác Môi trường và Nghèo đói.
- Peskett, L. và G. Brodnig. 2011. *Quyền carbon trong REDD+: tìm kiếm các đề xuất cho người nghèo và nhóm dễ tổn thương*. Ngân hàng thế giới và REDD-net, Washington, DC.
- Pham, T.T., M.H. Hoang và B.M. Campbell. 2008. Chi trả dịch vụ môi trường hưởng nghèo: thách thức đối với chính phủ và các cơ quan hành chính tại Việt Nam. *Tạp chí Hành chính và Phát triển Công* 28:363–73.
- Pham, T.T., M.B. Campbell và S. Garnett. 2009. Các bài học cho chi trả dịch vụ môi trường hưởng nghèo: một phân tích về các dự án chi trả dịch vụ môi trường tại Việt Nam. *Tạp chí Hành chính Công Thái Bình Dương* 31:117–35.
- Pham, T.T., S. Garnett và H. Aslin. 2011. Các cơ hội về mặt tổ chức và thể chế cũng như các rào cản đối với sự tham gia của các hộ dân nghèo và chi trả dịch vụ môi trường tại Việt Nam. *Tạp chí Hành chính và Phát triển Công Châu Á Thái Bình Dương* 33:57–76.
- Pham, T.T., M. Moeliono, T.H. Nguyen, H.T. Nguyen và T.H. Vu. 2012a. *Bối cảnh REDD+ ở Việt Nam: nguyên nhân, đối tượng và thể chế*. Báo cáo chuyên đề số 75. CIFOR, Bogor, Indonesia.
- Pham, T.T., M. Moeliono, M. Brockhaus, M.T. Le, N.D. Le và L.T. Ngo. 2013. Các yếu tố ảnh hưởng sự phân bổ chi trả dịch vụ môi trường và các đề xuất nhằm thiết lập sự bồi hoàn hiệu quả, hiệu lực và công bằng: một nghiên cứu điểm tại tỉnh Sơn La, Việt Nam. Tài liệu chưa công bố (đang trong quá trình bình duyệt).
- Piu, H.C., T. García, C. Enrique, J. Martinez và M. Menton. 2013. *Bối cảnh REDD+ ở Peru: nguyên nhân, đối tượng và thể chế*. CIFOR, Bogor, Indonesia. (được ấn bản).
- PwC. 2012. Đánh giá các lựa chọn cho một cơ chế hiệu quả để chia sẻ lợi ích: cái nhìn sâu vào các nỗ lực bước đầu về REDD+. Chương trình Rừng (PROFOR), Washington, DC <http://www.profor.info/sites/profor.info/files/docs/REDD%20PART%20III.pdf> (22 tháng 1 năm 2012).
- Renner, I. 2010. Cơ chế bồi hoàn cho người dân ở vùng thượng lưu tại các khu bảo tồn, Peru. Nghiên cứu TEEB. TEEB case. [www.teebweb.org/resources/teeb-case-studies-list/](http://www.teebweb.org/resources/teeb-case-studies-list/) (22 tháng 1 năm 2012).
- Resosudarmo, I.A.P., C. Barr, A. Dermawan và J. McCarthy. 2006. Cân đối tài chính và tái phân bổ lợi nhuận từ rừng. Trong: Barr, C., I.A.P. Resosudarmo, A. Dermawan, J.F. McCarthy, M. Moeliono và B. Setiono (biên tập). *Phân quyền trong quản trị rừng tại Indonesia*, 58–86. CIFOR, Bogor, Indonesia.
- Robertson, N. và S. Wunder. 2005. *Dấu vết môi trường trong các nỗ lực đánh giá những khoản chi trả ban đầu tại Bolivia*. CIFOR, Bogor, Indonesia.
- Romero, M.Z., S. Trærup, E. Wieben, L.R. Møller, A. Koch. 2013. Khía cạnh kinh tế của các dự án về rừng và carbon rừng: đem các bài học vào vấn đề triển khai REDD+ quốc gia. UNEP Risø Centre, Roskilde, Denmark.
- Rosendal, G.K. 2010. *Tiếp cận và chia sẻ lợi ích nguồn gen tại Cameroon: phát triển tính pháp lý và thể chế và các thách thức*. Viện Fridtjof Nansen, Lysaker, Norway.
- Schlager, E. và E. Ostrom. 1992. Định chế quyền tài sản và tài nguyên thiên nhiên: Một phân tích lý thuyết. *Tạp chí Kinh tế Đất đai* 68:249–62.
- Seymour, F. và A. Angelsen. 2012. Tổng hợp và kết luận: REDD+ không hối tiếc. Trong: Angelsen, A., M. Brockhaus, W. Sunderlin và L. Verchot, L. (biên tập). *Phân tích REDD+: thách thức và cơ hội*, 317–334. CIFOR, Bogor, Indonesia.
- Sharma, J.V. và P. Kohli. 2012. Quản trị rừng và triển khai REDD+ tại Ấn Độ. Viện Năng lượng và Tài nguyên (TERI), New Delhi.
- Sikor, T., H. Jun, Y. Kurniawan, A.D. Kusuma, G. Lestrelin, L. Caizhen, D.T. Nguyen, K. Phanvilay, K. Phengsopha, M. Saito-Jensen và E.P. Setyawan. 2012. Phân tích về các cơ chế chia sẻ lợi ích tại Trung Quốc, Indonesia, Lào và Việt Nam. Đầu ra 6.1. Dự án I-REDD+, Cơ quan Lâm nghiệp Baoshan, Tổ chức Phát triển Hà Lan, Cộng đồng Bảo tồn Quốc tế.
- Silva, C.G.M. 2008. *Quản lý rừng dựa vào cộng đồng như một nhân tố quyết định sự phát triển của người dân bản địa tại bắc La Paz - Bolivia*. Viện Nghiên cứu Xã hội, The Hague, Hà Lan.
- Sitoe, A., A. Salomão và S. Wertz-Kanounnikoff. 2012. *Bối cảnh REDD+ ở Mozambique: nguyên nhân, đối tượng và thể chế*. Báo cáo chuyên đề số 79 CIFOR, Bogor, Indonesia.
- Spash, C.L., K. Urama, R. Burton, W. Kenyon, P. Shannon và G. Hill. 2009. Động cơ đằng sau sự sẵn sàng chi trả để gia tăng độ đa dạng sinh học tại các hệ sinh thái nước: kinh tế, đạo đức và tâm lý xã hội. *Tạp chí Kinh tế Sinh thái* 68:955–64.
- Spergel, B. và P. Taieb. 2008. Đánh giá nhanh về các quỹ ủy thác bảo tồn. Chuẩn bị cho Nhóm công tác Liên minh Bảo tồn về Quỹ Môi trường.

- Spergel, B. và M. Wells. 2009. Quỹ ủy thác bảo tồn như mô hình cho vấn đề tài chính REDD+ quốc gia. *Trong: Angelsen, A. với M. Brockhaus, M. Kanninen, E. Sills, W.D. Sunderlin và S. Wertz-Kanounnikoff (biên tập). Nhận biết REDD+: chiến lược quốc gia và lựa chọn chính sách*, 75–84. CIFOR, Bogor, Indonesia.
- Streck, C. và C. Parker. 2012. Tài chính REDD+. *Trong: Angelsen, A., M. Brockhaus, W.D. Sunderlin và L.V. Verchot (biên tập). Phân tích REDD+: thách thức và cơ hội*, 111–28. CIFOR, Bogor, Indonesia.
- Sunderlin, W.D. và E.O. Sills. 2012. Các dự án REDD+ như là sự pha trộn giữa các cách tiếp cận bảo vệ rừng cũ và mới. *Trong: Angelsen, A., M. Brockhaus, W.D. Sunderlin và L.V. Verchot (biên tập). Phân tích REDD+: thách thức và cơ hội*, 177–92. CIFOR, Bogor, Indonesia.
- Suneetha, M.S. và B. Pisupati. 2009. Chia sẻ lợi ích trong tiếp cận và chia sẻ lợi ích: lựa chọn và giải thích. Viện Nghiên cứu Đại học Chuyên sâu, Yokohama, Japan. [http://www.ias.unu.edu/resource\\_centre/UNU\\_ABS\\_Report\\_Final\\_lowres.pdf](http://www.ias.unu.edu/resource_centre/UNU_ABS_Report_Final_lowres.pdf) (22 tháng 1 năm 2012).
- Suzuki, Y. và Y. Iwasa. 2009. Mâu thuẫn giữa các nhóm trong cấu trúc đa dạng kinh tế-xã hội và sinh thái. *Tạp chí Kinh tế Sinh thái* 8:1106–15.
- Thomas, S., P. Dargusch, S. Harrison và J. Herbohn. 2010. Tại sao chỉ có rất ít các dự án trồng rừng và tái trồng rừng dựa theo Cơ chế Phát triển sạch? *Tạp chí Sử dụng Đất* 27:880–7.
- Tomich, T.P., D. Thomas và M. Van Noordwijk. 2004. Dịch vụ môi trường và thay đổi sử dụng đất tại Đông Nam Á: từ công nhận cho tới các quy định hoặc tương thưởng? *Tạp chí Nông nghiệp, Hệ sinh thái và Môi trường* 104:229–44.
- Tvedt, M.W. 2006. Các thành tố pháp lý tại các quốc gia thuộc bên sử dụng nhằm đạt được các cam kết chia sẻ lợi ích công bằng. *Tạp chí Sở hữu Trí tuệ Thế giới* 9:189–212.
- United Nations Framework Convention on Climate Change [Công ước khung Liên hiệp quốc về Biến đổi khí hậu] (UNFCCC). 2007. Quyết định 2/CP.13: Giảm khí phát thải từ mất rừng tại các quốc gia phát triển: các cách tiếp cận để thúc đẩy hành động. UNFCCC, Bonn, Đức. <http://unfccc.int/resource/docs/2007/cop13/eng/06a01.pdf#page=8> (23 tháng 5 năm 2012).
- UN-REDD Programme [Chương trình UN-REDD]. 2010. Thiết kế các hệ thống chia sẻ lợi ích ràng buộc tại Việt Nam. Chương trình UN-REDD, Đức.
- UN-REDD Programme [Chương trình UN-REDD]. 2011. Các nguyên tắc và tiêu chuẩn xã hội và môi trường của chương trình UN-REDD. Phiên bản số 3 – dự thảo tư vấn. Tháng 9 năm 2011. Chương trình hợp tác Liên hiệp quốc về Giảm phát thải từ mất rừng và suy thoái rừng tại các quốc gia đang phát triển. [http://www.un-redd.org/Multiple\\_Benefits\\_SEPC/tabid/54130/Default.aspx](http://www.un-redd.org/Multiple_Benefits_SEPC/tabid/54130/Default.aspx) (20 tháng 5 năm 2012).
- USAID. 2009. Quyền tài sản và quản trị tài nguyên: Burkina Faso. Hồ sơ bối cảnh quốc gia USAID. [http://usaidlandtenure.net/sites/default/files/country-profiles/full-reports/USAID\\_Land\\_Tenure\\_Burkina\\_Faso\\_Profile.pdf](http://usaidlandtenure.net/sites/default/files/country-profiles/full-reports/USAID_Land_Tenure_Burkina_Faso_Profile.pdf) (11 tháng 11 năm 2013).
- USAID. 2010. Quyền tài sản và quản trị tài nguyên: Peru. Hồ sơ bối cảnh quốc gia USAID. [http://usaidlandtenure.net/sites/default/files/country-profiles/full-reports/USAID\\_Land\\_Tenure\\_Peru\\_Profile.pdf](http://usaidlandtenure.net/sites/default/files/country-profiles/full-reports/USAID_Land_Tenure_Peru_Profile.pdf) (11 tháng 1 năm 2013).
- USAID. 2012. *Phân quyền các quyền về rừng và quản lý rừng bền vững: một đánh giá về các chính sách và chương trình tại 16 quốc gia đang phát triển*. Dự án về quyền tài sản và quản trị tài nguyên (PRRG). Tetra Tech ARD, Burlington, VT, USA.
- Van Dam, C. 2003. Khía cạnh kinh tế của các chứng chỉ phát triển rừng bền vững dùng để phục vụ cho ai? Báo cáo được trình bày tại Hội nghị Phát triển và Môi trường Mỹ Latin: Các thách thức địa phương đối với vấn đề toàn cầu hóa. Quito, Ecuador, 11–12 tháng 4.
- Van Hensbergen, H.J., K. Bengtsson, M.I. Mirand và I. Dumas. 2011. Nghèo đói và chứng chỉ rừng. The Forest Initiative, Stockholm.
- Van Noordwijk, M. và P.A. Minang. 2009. *Nếu chúng ta không thể định nghĩa được, thì chúng ta cũng không thể giúp đỡ được: định nghĩa về rừng và REDD*. Đối tác cho các vấn đề bên lề Rừng Nhiệt đới. Tóm lược chính sách số 15. Đối tác ASB, Nairobi.
- Van Noordwijk, M., H. Purnomo, L. Peskett và B. Setiono. 2008. Giảm khí phát thải từ mất rừng và suy thoái rừng (REDD) tại Indonesia: lựa chọn và thách thức cho các cơ chế chia sẻ lợi ích công bằng và hiệu quả. Báo cáo chuyên đề số 81. Tổ chức Nghiên cứu Nông lâm Thế giới (ICRAF), Bogor, Indonesia.
- Van Noordwijk M, Leimona B, Jindal R, Villamor G B, Vardhan M, Namirembe S, Catacutan D, Kerr J, Minang PA, Tomich TP, 2012. Chi trả dịch vụ môi trường: sự tiến triển hướng tới các lợi ích công bằng và hiệu quả cho các cảnh quan đa chức năng. *Tạp chí Cách mạng Môi trường và Tài nguyên* 37, 389-420.
- Vatn, A. 2000. Môi trường như là hàng hóa. *Tạp chí Giá trị Môi trường* 9:493–509.
- Vatn, A. và A. Angelsen. 2009. Các lựa chọn cho cấu trúc REDD+ quốc gia *Trong: Angelsen, A., với M.*

- Brockhaus, M. Kanninen, E. Sills, W.D. Sunderlin và S. Wertz-Kanounnikoff (biên tập). *Nhận biết REDD+: chiến lược quốc gia và lựa chọn chính sách*, 57–74. CIFOR, Bogor, Indonesia.
- Vatn, A. và P. Vedled. 2011. *Hãy sẵn sàng! Một nghiên cứu về cấu trúc quản trị quốc gia cho REDD+*. Báo cáo Noragric số 59. Khoa Nghiên cứu Môi trường và Phát triển Quốc tế, Đại học Khoa học Đời sống Na Uy, Aas, Na Uy.
- Verissimo, A., Y.L.B. Alves, M.P. da Costa, C.R. de Carvalho, G.C. Born, S. Talocchi, R.H. Born. 2002. Chi trả dịch vụ môi trường: Brazil. Fundaçion PRISMA. Brazil.
- Vhugen, D. và J. Miner. 2011. REDD+ và quyền carbon: các bài học từ hiện trường. Dự án quyền tài sản và quản trị tài nguyên (PRRGP). USAID, Tetra Tech ARD, Burlington, VT, USA.
- Videa, B.P. 2011. Bối cảnh REDD+ tại Bolivia: nguyên nhân, đối tượng và thể chế. Tài liệu dự án chưa công bố.
- Vietnam Forest Protection and Development Fund [Quỹ Bảo vệ và Phát triển Rừng Việt Nam]. 2012. Báo cáo triển khai vận hành Quỹ Bảo vệ và Phát triển Rừng và chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2012 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2013. Tài liệu chuẩn bị cho hội thảo. Đắk Nông, Việt Nam, 24 tháng 10.
- Weber, M. 1978. *Kinh tế và xã hội*. Nhà xuất bản đại học California, Berkeley, CA, USA.
- Wertz-Kanounnikoff, S. và A. Angelsen. 2009. Cấu trúc REDD+ quốc gia và toàn cầu: liên kết giữa thể chế và hành động. Trong: Angelsen, A., với M. Brockhaus, M. Kanninen, E. Sills, W.D. Sunderlin và S. Wertz-Kanounnikoff (biên tập). *Nhận biết REDD+: chiến lược quốc gia và lựa chọn chính sách*, 13–24. CIFOR, Bogor, Indonesia.
- Wertz-Kanounnikoff, S. và M. Kongphan-Apirak. 2008. Nguyên nhân biến đổi sử dụng đất và mất rừng tại Đông Nam Á và vai trò của các “cơ chế chi trả dịch vụ môi trường (PES)”. Báo cáo cơ sở cho Dự án của IIED-WRI-CIFOR: “Bồi hoàn và Lợi ích từ việc Duy trì các Dịch vụ Môi trường: Một đánh giá về các kiến thức hiện hành và đề xuất cho Các nỗ lực bước đầu về đối phó Biến đổi Khí hậu trong ngành Lâm nghiệp” tài trợ bởi Bộ Ngoại vụ, Na Uy.
- Wertz-Kanounnikoff, S. và D. McNeill. 2012. Các chỉ số hiệu suất và triển khai REDD+. Trong: Angelsen, A., M. Brockhaus, W. Sunderlin và L. Verchot, L. (biên tập). *Phân tích REDD+: thách thức và cơ hội*, 233–46. CIFOR, Bogor, Indonesia.
- Wong, J. và M. Dutschke. 2003. Liệu hiệu suất có thể được đảm bảo? Xem xét một vài vấn đề kỹ thuật và thực tiễn nhằm đảm bảo tín chỉ carbon từ trồng rừng và tái trồng rừng. Hamburgisches Welt-Wirtschafts-Archiv (HWWA), Hamburg, Đức.
- World Bank [Ngân hàng thế giới]. 2009. Suy nghĩ lại về các đối tác lâm nghiệp và chia sẻ lợi ích. Cái nhìn sâu về các yếu tố và bối cảnh tạo điều kiện cho sự hợp tác đối với cộng đồng và chủ đất. [http://www.profor.info/sites/profor.info/files/Benefit\\_Sharing\\_WEB.pdf](http://www.profor.info/sites/profor.info/files/Benefit_Sharing_WEB.pdf) (22 tháng 1 năm 2012).
- Wunder, S. 2005. Chi trả dịch vụ môi trường: Một vài vấn đề và lời giải. Báo cáo chuyên đề số 42. CIFOR, Bogor, Indonesia.
- Wunder, S. 2008. Chi trả dịch vụ môi trường và người nghèo: khái niệm và những bằng chứng bước đầu. Tạp chí Môi trường và Kinh tế Phát triển 13:279–97.



# Phụ lục 1. Ý nghĩa của 3E đối với REDD+ tại 13 quốc gia

	Hiệu lực	Hiệu quả	Công bằng
<b>Việt Nam</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cam kết mạnh mẽ từ chính phủ được thể hiện rõ ràng trong Chương trình REDD+ Quốc gia, trong đó có nội dung hướng dẫn chi tiết về chia sẻ lợi ích.</li> <li>Tuy độ che phủ rừng đã tăng lên trong hai thập kỷ vừa qua, chất lượng rừng thì lại suy giảm. Diện tích rừng bị xuống cấp đang tăng lên, và, thậm chí nhiều rừng được trồng mới, mật độ rừng nói chung đã giảm. Trữ lượng carbon vì vậy cũng thấp.</li> <li>Nhiều biện pháp chính sách không thực hiện tốt do nguồn vốn cho bảo vệ rừng hạn hẹp, năng lực quản trị rừng địa phương kém, sự điều phối yếu cả theo chiều dọc và chiều ngang, trao đổi kinh tế ít, sự chiếm dụng đất và lợi ích của các nhóm có đặc quyền và tham nhũng.</li> <li>Tiến trình giao đất giao rừng diễn ra chậm.</li> <li>Quản lý lượng tiền lớn từ các nhà tài trợ để thực hiện và thí điểm REDD+ là một thách thức lớn đối với chính quyền các địa phương.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Ngân sách nhà nước không đủ để chi trả mọi phí tổn thực hiện các chương trình và chính sách.</li> <li>Chi phí giao dịch cao do có ít sự điều phối và chức năng chống chéo giữa các bộ, thiếu quy trình giám sát tài chính minh bạch và các thủ tục tài chính rườm rà phức tạp.</li> <li>Chi phí thực tế không được tính toán, điều này có thể dẫn đến việc sử dụng nguồn vốn sai mục đích.</li> <li>Sự hỗ trợ đáng kể từ các nhà tài trợ bên ngoài cho các chính sách về giảm mất và suy thoái rừng tại Việt Nam không được sử dụng hiệu quả.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Rất khó cho các cộng đồng địa phương đáp ứng đầy đủ các yêu cầu để có được các quyền sử dụng rừng.</li> <li>Mặc dù Chương trình REDD+ quốc gia đề cập đến tầm quan trọng của việc gắn kết tất cả các bên liên quan, nhưng một số nhóm đối tượng quan trọng vẫn không được tham vấn cũng như tham gia vào việc phát triển chương trình này.</li> <li>Sự tham gia của người dân bản địa trong REDD+ vẫn rất hạn chế do rào cản ngôn ngữ, trình độ học vấn thấp và hạn chế về khả năng đàm phán để chia sẻ lợi ích.</li> <li>Các cơ quan chính phủ và các công ty nhà nước có thể nắm giữ đến 80% lợi ích từ rừng có chất lượng tốt hiện đang thuộc sự quản lý của nhà nước.</li> <li>Việc giao đất giao rừng không cho phép đồng sở hữu ở cấp độ hộ dân và cấp độ cộng đồng, điều này có xu hướng hạn chế các quyền của phụ nữ.</li> </ul>
<b>Lào</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sở hữu quốc gia và cam kết đối với các chương trình REDD+ là cao nhưng việc thực hiện vẫn đang gặp rất nhiều thách thức.</li> <li>Sự điều phối thể chế theo chiều dọc (giữa các cấp độ quốc gia, tỉnh và địa phương) và theo chiều ngang (giữa các ngành) là rất yếu.</li> <li>Sự thống nhất với các chiến lược giảm thiểu khác (NAMA) là không rõ.</li> <li>Quyền sử dụng đất, đăng ký đất và các quyền đối với các bon và các tài nguyên rừng khác là không rõ ràng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Năng lực quản lý một nguồn tài chính lớn là rất hạn chế. Các quy trình hành chính sẽ tiếp tục chậm chạp và khó vận hành nếu vai trò và trách nhiệm của các cơ quan không được làm rõ.</li> <li>Trách nhiệm của các cơ quan hiện vẫn không rõ ràng.</li> <li>Không có sẵn hệ thống tin dụng nào hiện có có khả năng chuyển giao các lợi ích từ REDD+.</li> <li>Chi phí giao dịch để vận hành hệ thống quản trị hiện thời rất cao.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có sự đồng thuận về nguyên tắc có sự tham gia của tất cả các bên liên quan (bao gồm cả các cộng đồng địa phương) trong thiết kế và thực hiện REDD+.</li> <li>Các nỗ lực để cải thiện sự tham gia và tham vấn địa phương có thể không thành công do không đủ năng lực và thiếu phương pháp ở cấp thực hiện.</li> <li>Xã hội dân sự được tham gia trong tham vấn về cải cách luật pháp và vai trò của xã hội dân sự trong REDD+ đã tăng lên (ví dụ, Nhóm Công tác Vấn đề Đất đai).</li> </ul>

	Hiệu lực	Hiệu quả	Công bằng
Nepal	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quá trình quá độ chính trị đang diễn ra và các bất trắc đi kèm với nó đã cản trở việc lập kế hoạch dài hạn cho ngành lâm nghiệp Nepal. Hiện tại, không có chính sách hay chiến lược lâm nghiệp tổng thể và hầu hết các quyết định chính sách ngắn hạn đều được đưa ra theo kiểu ngẫu hứng.</li> <li>Có rất nhiều kinh nghiệm về lâm nghiệp cộng đồng, cũng là trọng tâm của REDD+ do nó đưa ra cách thức quản lý rừng hiệu quả với chi phí cực thấp và với các cơ chế chia sẻ lợi ích tương đối công bằng.</li> <li>Việc phối hợp và chia sẻ thông tin giữa các cơ quan chính phủ rất yếu.</li> <li>Không có luật pháp rõ ràng về các quyền bản địa liên quan đến việc tự trị, quyền sử dụng đất và các quyền đối với carbon.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có rất nhiều nghi ngờ về năng lực của các cơ quan chính phủ trong việc chuyển giao dòng tiền REDD+ một cách hiệu quả và đảm bảo đến các đối tượng hưởng lợi.</li> <li>Do các nguy cơ là dòng tiền REDD+ sẽ không đến được với các đối tượng quản lý rừng, mối liên hệ giữa chi trả và các kết quả bảo tồn có thể sẽ bị phá vỡ.</li> <li>Mặc dù đã có đề xuất về một Quỹ Ủy thác Carbon Rừng do một tổ chức đa bên điều tiết, chính phủ, nhất là Bộ Tài chính, có thể sẽ không thật sự mong muốn ủng hộ quỹ này.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các cơ quan trung ương được cho là đóng vai trò chủ chốt trong kiểm soát việc thực hành sử dụng đất, nhưng có vẻ như không có quyền sở hữu và sự đóng góp của chính quyền địa phương, các tổ chức ngoài nhà nước và các cộng đồng địa phương.</li> <li>Các chiến lược nhằm đến sự tham gia của các cộng đồng địa phương và các bên liên quan thường bị hạn chế ở cấp độ quốc gia, hầu như chỉ tập trung ở một số ít các đối tượng thuộc các cơ quan công quyền, các tổ chức phát triển, các NGO và một vài hiệp hội dân sự.</li> </ul>
Indonesia	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thực thi pháp luật yếu kém và tham nhũng dẫn đến việc thực hiện các chính sách thiếu hiệu quả.</li> <li>Sự mơ hồ trong việc thừa nhận tính hợp pháp của người dân theo luật tục là nguồn gây khiếu kiện, tranh chấp đất đai và mâu thuẫn về quyền sử dụng đất.</li> <li>Thậm chí khi các quyền của người dân về tiếp cận rừng theo luật tục được thừa nhận về mặt pháp lý, việc áp dụng thực tế quyền này cũng hạn chế ở những nơi rừng đang thu hút nhiều mối quan tâm mạnh mẽ hơn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Khung thể chế cho các hoạt động lâm nghiệp bao gồm cả các luật và quy định cụ thể, chuyên ngành (ví dụ, các quy định về lâm nghiệp, nông nghiệp và khai khoáng) và các quy định pháp lý tổng thể, bao quát hơn (ví dụ, phân quyền, lập kế hoạch tài chính và quy hoạch không gian). Điều này dẫn đến sự không đồng bộ, mâu thuẫn, các vấn đề không chắc chắn, sự thiếu hiệu quả, và cản trở các hành vi tham nhũng như đang hiện diện trong các khung thể chế nhiều cấp tạo ra các cơ hội cho những hành vi trục lợi kinh tế.</li> <li>Thiếu sự phối hợp và đồng bộ giữa các ngành tạo ra các chi phí giao dịch cao trong việc thực hiện chính sách.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quản trị yếu kém về các mặt liên quan đến tiếp cận thông tin, sự tham gia và tư pháp.</li> <li>Sự phổ biến của tham nhũng, móc ngoặc hoặc gia đình trị trong thực thi pháp luật và bộ máy hành chính có điều kiện phát huy do sự tham gia của công chúng bị hạn chế và thiếu sự minh bạch trong các quy trình ban hành chính sách.</li> <li>Các cộng đồng không tham gia vào việc ra các quyết định liên quan đến rừng</li> </ul>

	Hiệu lực	Hiệu quả	Công bằng
PNG	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quyền sở hữu quốc gia đối với các chương trình chính sách yếu.</li> <li>Hệ thống quyền sử dụng đất theo truyền thống ở PNG khiến cho việc thiết kế và thực hiện một chương trình REDD+ quốc gia sẽ phải được khởi nguồn từ các lợi ích, nhu cầu và nguyện vọng của các chủ đất truyền thống. Ngược lại với các quốc gia nơi nhà nước nắm hầu hết quyền sở hữu đối với tài nguyên rừng, một chiến lược REDD+ quốc gia không thể quy định các vùng cụ thể để thực hiện REDD+. Thay vào đó, cần có sự đồng ý của các chủ đất đối với bất cứ hoạt động nào diễn ra trên đất thuộc sở hữu truyền thống. Điều này làm cho quy hoạch sử dụng đất ở cấp quốc gia là cực kỳ khó khăn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>PNG không thành công trong việc thu hút các đầu tư lớn vào REDD+ kể cả ở khu vực tư nhân cũng như từ các tổ chức liên chính phủ.</li> <li>Quản trị yếu kém và tham nhũng thịnh hành khiến cho PNG chưa "sẵn sàng cho REDD".</li> <li>Việc phối hợp giữa các cấp quốc gia và địa phương yếu kém. Chính quyền các tỉnh có quyền lớn trong việc xây dựng và thực hiện các chính sách về rừng, nhưng họ thường không có đủ nguồn lực, năng lực và cả ý thức mong muốn thực hiện trách nhiệm này, điều đó dẫn đến một khoảng thiếu hụt rất lớn. Chính quyền địa phương, cấp gần gũi nhất đối với các dự án REDD+ tại các khu vực cụ thể, đã được tổ chức tốt để thực hiện các hoạt động giám sát, tuy nhiên, họ lại không có thẩm quyền ra quyết định về sử dụng đất.</li> <li>Trong chính phủ thiếu lòng tin cần thiết để quản lý đúng cách và phân bổ nguồn vốn đến cấp địa phương. Các chính sách REDD+ nhằm đẩy mạnh việc chính phủ trung ương kiểm soát mạnh mẽ các nguồn vốn đều có thể sẽ gặp nhiều thách thức, và một quỹ ủy thác độc lập do nhiều bên liên quan điều phối có nhiều khả năng sẽ được nhìn nhận là hiệu quả và có tính hiệu lực cao hơn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quyền sử dụng đất và các quyền carbon không rõ ràng.</li> <li>Các chiến lược REDD+ được phát triển bởi các nhóm nhỏ có đặc quyền chính sách bao gồm các quan chức chính phủ và các nhà tư vấn quốc tế, có rất ít sự tham gia của các chủ đất truyền thống là nhóm đối tượng cần thiết nhất do chính họ mới sở hữu đất rừng mà các chiến lược REDD+ muốn bảo vệ.</li> <li>Có sự đồng thuận rộng rãi trong các bên tham gia vào REDD+ về tầm quan trọng của cơ chế chia sẻ lợi ích. Các bên đều thừa nhận rằng phần lớn lợi ích cần phải được chuyển giao đến các chủ đất, tuy nhiên còn có nhiều bên khác có quyền hợp pháp được đòi hỏi quyền lợi tương xứng với các đầu tư và đóng góp của họ vào REDD+.</li> <li>Nhiều bài học có thể áp dụng từ việc phân bổ lợi ích, cụ thể là trong các lĩnh vực lâm nghiệp và khai khoáng. Các xung đột tiềm năng bên trong và giữa các cộng đồng sở hữu đất là một mối quan ngại lớn.</li> </ul>
Mỹ Latin	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đang soạn thảo Luật Lâm nghiệp và Chiến lược REDD+ Quốc gia; không có quan điểm rõ ràng về chia sẻ lợi ích tuy nhiên bước đầu nó được coi như một biện pháp đảm bảo; chưa phê chuẩn quy định pháp lý về quyền carbon, tuy nhiên, một số bang đã thông qua quy định pháp lý này.</li> <li>Có rất nhiều điều chưa chắc chắn về quyền sử dụng đất và các quyền sở hữu.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Việc điều phối tập trung và áp đặt từ trên xuống ở cấp trung ương, có thể một phần là do có một tổ hồng chính sách ở cấp liên bang về cấu trúc cụ thể và điều phối liên chính phủ.</li> <li>Về khía cạnh năng lực để phát triển một chiến lược cấp tài chính cho REDD+, Brazil đã tiến một bước lớn qua việc hình thành Quỹ Amazon vào năm 2008. Tuy nhiên, quỹ này cũng đang gặp nhiều khó khăn trong việc lựa chọn các dự án phù hợp để phê chuẩn. Rất ít dự án do các bang, các tỉnh và xã hội dân sự để xuất có cấu trúc tốt, và các nhà tài trợ phân nản về năng lực thực hiện của các cơ quan để xuất.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các chính sách REDD+ chỉ để cập rất ít đến nhu cầu của các nhóm chịu thiệt thòi về lợi ích và ít cơ hội tham gia vào các hoạt động kinh tế.</li> <li>Các chiến lược REDD+ đáp ứng việc phát triển chính sách của các chính quyền địa phương hợp tác hoặc độc lập với chương trình lớn của quốc gia hoặc NGO quốc tế, nhưng mối quan hệ với các cơ quan hoặc các bên liên quan ở cấp địa phương vẫn chưa được hình thành. Cách tiếp cận này có thể làm giảm tính hiệu quả và có tác động tiêu cực lên sự công bằng.</li> </ul>

	Hiệu lực	Hiệu quả	Công bằng
<b>Bolivia</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thể chế quản trị tại hầu hết các vùng rừng đều yếu kém và các bên liên quan có xung đột về lợi ích.</li> <li>• Sự tham gia của các tổ chức địa phương và bản địa trong tiến trình ra quyết định thường không hiệu quả.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Vốn và nguồn lực đầu tư vào REDD+ không được sử dụng hiệu quả. Hầu hết kinh phí cho việc chuẩn bị được sử dụng vào đào tạo và tổ chức cán bộ của các chương trình, nhưng nếu chính phủ tiếp tục giữ lại hỗ trợ cho các nỗ lực này, dòng tiền sẽ không mang lại các kết quả đầu ra như mục tiêu.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Hệ thống hành chính không thể hiện mối quan tâm đầy đủ đến các lợi ích của người dân nông thôn và người nghèo, nhất là đảm bảo quyền sử dụng đất cho các nhóm bản địa.</li> <li>• Việc thiết lập REDD+ chỉ xác định rừng đơn giản là các bể carbon, điều này không khuyến khích sự tham gia đầy đủ của người dân bản địa và các cộng đồng địa phương trong quản lý rừng.</li> <li>• So với nhiều quốc gia khác, các nỗ lực giao đất cho người dân bản địa và nông thôn tương đối thành công, cho họ những quyền nhất định về kiểm soát tài nguyên rừng và họ có cơ hội để đòi hỏi được nhận ít nhất một vài lợi ích từ REDD+.</li> </ul>
<b>Peru</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Việc phê chuẩn Luật Lâm nghiệp, Luật Tham vấn và Luật Dịch vụ Môi trường bị trì hoãn.</li> <li>• Thực thi pháp luật yếu kém.</li> <li>• Các tiến trình chính sách REDD+ gặp nhiều khó khăn về sự tham gia và tính minh bạch. Mặc dù tiến trình tham gia do xã hội dân sự tạo nên đã hỗ trợ việc điều chỉnh REDD+, nhưng một số bên tham gia quan trọng ví dụ như người dân sống gần rừng và người dân bản địa vẫn chưa có vai trò tương xứng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Sai lầm trong việc cân nhắc các kinh nghiệm trước đây về thực thi lâm luật (như R-PIN đưa ra) làm cho các nguồn ngân sách chính phủ dành cho thực thi pháp luật tiếp tục bị sử dụng không hiệu quả.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Việc làm thế nào để các cộng đồng và các dân tộc bản địa được tính đến trong tiến trình REDD+ và được hưởng lợi từ nó vẫn chưa rõ ràng.</li> </ul>
<b>Châu Phi</b>			
<b>DRC</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• DRC tham gia tích cực vào tiến trình REDD+ và đã phát triển một R-PP.</li> <li>• Bộ Quy tắc Hoạt động Khai khoáng và Lâm nghiệp 2002 tạo ra nguồn lực được chuyển giao cho các tỉnh và các vùng lãnh thổ, xuất phát từ việc chia lại một phần phần nguồn thu có được từ sản xuất tài nguyên thiên nhiên: 40% cho các tỉnh, trong đó có 15% cho các vùng lãnh thổ. Tuy nhiên, việc chia lợi nhuận này chưa được thực hiện và trở thành nguồn gốc căng thẳng giữa chính quyền trung ương và địa phương.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Không có kế hoạch phát triển vùng lãnh thổ hay các quy trình điều phối chính sách hiệu quả liên quan đến phát triển vùng lãnh thổ. Trong điều kiện không có các công cụ lập kế hoạch cho các phương án phân bổ đất đai, các loại hình sử dụng được tuyên bố cho mục đích lâm nghiệp, địa chính và khai khoáng rất chồng chéo.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tất cả đất rừng thuộc tài sản nhà nước với rất ít quyền được trao cho các cộng đồng địa phương và các hộ gia đình.</li> </ul>

	Hiệu lực	Hiệu quả	Công bằng
Mozambique	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các quyền theo phong tục được thừa nhận nhưng chưa đầy đủ, trong đó không có "quyền miễn trừ".</li> <li>Việc phối hợp theo chiều dọc yếu do cấp tính độc lập với cấp trung ương.</li> <li>Có rất nhiều hành động đang được thực hiện để hướng đến phân quyền.</li> <li>Điều phối liên ngành yếu kém.</li> <li>Có rất nhiều kinh nghiệm về chi trả dựa trên hiệu suất trong khuôn khổ PES.</li> <li>Chưa có cấu trúc thể chế cho hoạt động tài chính REDD+.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thế chế và quản trị yếu kém, nhất là ở các cấp tỉnh và huyện.</li> <li>Quy trình để lấy được một Giấy Chứng nhận Quyền Sử dụng Đất (DUAT) hiện thời rất công kềnh và mất thời gian (dẫn đến chi phí giao dịch cao); quy trình cấp DUAT mới hiện đang bị trì hoãn.</li> <li>Các tranh luận nổi lên giữa khu vực công và tư về trách nhiệm thực hiện REDD+.</li> <li>Các tranh luận về năng lực của các ngành có thể làm tăng sự khó khăn cho việc điều phối trong ngành (dẫn đến chi phí giao dịch cao).</li> <li>Chi phí cơ hội của REDD+ thấp, nhất là đối với sản xuất nông nghiệp quy mô nhỏ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các chính sách quốc gia nhấn mạnh tiếp cận "hướng nghèo" và phát triển nông nghiệp.</li> <li>Thực thi pháp luật và các quy định yếu kém có thể làm giảm tính công bằng của các kết quả.</li> <li>Các quyền sử dụng và hưởng lợi từ đất đai chưa hoàn thiện và thực thi pháp luật yếu kém (ví dụ, tham vấn cộng đồng, cơ chế chia sẻ 20% lợi tức từ khai thác gỗ).</li> <li>Các bài học quan trọng có thể rút ra từ kinh nghiệm với việc chi trả cho các cộng đồng dựa trên hiệu suất công việc.</li> </ul>
Tanzania	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các chính sách lâm nghiệp quốc gia tập trung giải quyết các động cơ chính dẫn đến mất và xuống cấp rừng, tuy nhiên, việc thực hiện còn nhiều hạn chế.</li> <li>Không có thảo luận về việc thiết kế và thực hiện các cơ chế chia sẻ lợi ích.</li> <li>Đạo luật Lâm nghiệp 2002 đưa ra một cơ sở pháp lý cho các cộng đồng được sở hữu, quản lý hoặc đồng quản lý rừng theo một loạt các điều kiện và trong khuôn khổ của các hình thức quản lý khác nhau; có cơ hội cho carbon thuộc sở hữu hoặc được quản lý bởi cộng đồng trong REDD+.</li> <li>Chiến lược REDD+ Quốc gia xác định rất nhiều đối tượng hưởng lợi từ các quỹ REDD+ sẽ được nhận phần phần bổ từ Quỹ Ủy thác REDD Quốc gia (NRTF).</li> <li>Các khu bảo vệ hy vọng sẽ được lợi từ REDD+ thông qua cải thiện năng lực quản lý và việc giảm khai thác gỗ bất hợp pháp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình kém dẫn đến các mâu thuẫn về lợi ích và đẩy mạnh hơn việc mất và xuống cấp rừng, và tình trạng này sẽ vẫn đang tiếp tục tồn tại.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quản trị rừng và việc xác định các quyền tài sản đối với tài nguyên rừng và đất đai yếu.</li> <li>Đối với các khu bảo tồn rừng thôn làng, thôn có quyền sở hữu; tuy nhiên, đối với rừng không nằm trên đất khu bảo tồn rừng thôn, không rõ là ai sở hữu carbon, điều này là cơ hội để tạo ra các mâu thuẫn về vấn đề quyền carbon.</li> <li>Chiến lược REDD+ Quốc gia không đề xuất các phương án chia sẻ lợi ích ở các cấp độ địa phương.</li> </ul>

Hiệu lực	Hiệu quả	Công bằng
<p>Cameroon</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Không có quy định về chia sẻ lợi ích.</li> <li>Cameroon và các quốc gia COMIFAC khác có quan điểm về tài chính REDD+ là cần thiết lập 3 cơ chế: 1) một quỹ khởi động để xây dựng năng lực và đưa ra các chính sách nhằm giảm mất rừng; 2) một quỹ bình ổn để bảo vệ trữ lượng carbon của quốc gia trong các vùng rừng ít bị khai thác; và, quan trọng nhất, 3) cơ chế thị trường đưa ra chỉ số thanh toán mà quốc gia được nhận dựa trên hiệu suất của mình.</li> <li>Phối hợp theo chiều dọc, nhất là về việc quản lý tài nguyên thiên nhiên, yếu kém.</li> <li>Thực thi pháp luật yếu kém.</li> </ul>	<p>Hiệu quả</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Năng lực hiện có không đủ để quản lý lượng kinh phí lớn. Nhiều khoản ngân sách chưa được sử dụng và có nhiều khó khăn trong việc chuyển giao vốn đến đúng đối tượng được nhận trong ngành lâm nghiệp và, nói chung hơn, đến ngân sách của các quốc gia nghèo có nợ quốc gia cao.</li> <li>Thắc mắc về việc chi trả không được cân nhắc do nó liên hệ với cả điều kiện thực hiện của các hoạt động xứng đáng được bồi thường và với tiêu chí xác định đối tượng thụ hưởng tín chỉ carbon.</li> </ul>	<p>Công bằng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Thiếu trách nhiệm giải trình.</li> <li>Nhà nước độc quyền về đất đai và tài nguyên, và quyền từ chối truyền lại của các cộng đồng địa phương và bản địa bị tước đoạt.</li> <li>Có một xung đột thường trực về ngôn ngữ liên quan đến tài nguyên và đất rừng, xuất phát từ nhu cầu các bên liên quan ở địa phương về quyền truy cập và sử dụng các tài nguyên này.</li> <li>Những người làm việc trong ngành lâm nghiệp không được tham gia vào tiến trình: nông dân du canh truyền thống, săn bắn-hái lượm, những người quản lý rừng cộng đồng, các hội đồng địa phương, hội đồng khu vực, ngành sản xuất lâm nghiệp với các thành phần trong nước và nước ngoài, các ngành sản xuất nông nghiệp và các tổ chức xã hội dân sự.</li> <li>Việc điều phối cần phải mang ý nghĩa là các khu vực cần phải được đối xử công bằng về mức độ can thiệp và về chia sẻ các chi phí giao dịch.</li> </ul>
<p>Burkina Faso</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Quốc gia đã phê chuẩn hàng loạt thỏa thuận quốc tế bao gồm cả CBD, UNFCCC và CITES.</li> <li>Luật pháp hiện tại không quy định về quyền sử dụng carbon (những nghiên cứu đầu tiên trong Chương trình Đầu tư Lâm nghiệp Burkina để ra mục tiêu giải quyết vấn đề này).</li> </ul>	<p>Hiệu quả</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Chính sách đất đai nông thôn thừa nhận quyền tài sản của cá nhân, ngược lại với Cải cách Đất đai và Trồng trọt, lại chỉ cho phép sở hữu nhà nước đối với đất đai.</li> </ul>	<p>Công bằng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>REDD+ có thể rút ra bài học về chia sẻ lợi ích từ quản lý rừng.</li> </ul>

Nguồn: Babon & Gowae 2013; Mpoyi et al. 2013; Dkamela 2011; Indrarto et al. 2012; Jambira et al. 2012; May et al. 2011; Paudel et al. 2013; Pham et al. 2012a; Piu et al. 2013; Siteo et al. 2012; Videva 2011.

## Phụ lục 2. Các bên tham gia và quyền của họ

Tiếp cận chia sẻ lợi ích <sup>a</sup>	Các nhóm bên tham gia			Tỷ lệ chia sẻ lợi ích
	Các quyền có thẩm quyền	Các quyền kiểm soát	Các quyền sử dụng	
<b>MỸ LATIN</b>				
<b>BRAZIL</b>				
F1	Các cơ quan chính phủ, các nhà tài trợ; các quý ủy thác: Quý Đa dạng Sinh học Brazil (FUNBIO)	Các nhà tài trợ (ví dụ, Chính phủ Na Uy), FUNBIO	Các quý ủy thác, các cơ quan chính phủ; quản lý khu bảo tồn, người mua dịch vụ môi trường, quản lý rừng	
F2	-	-	-	
F3	Quý Amazon	Ngân hàng Phát triển Kinh tế và Xã hội (BNDES)	Sản xuất có cho gia súc, nuôi trồng và đánh bắt thủy sản, ngành nông nghiệp, các nhà sản xuất than củi công nghiệp	
<b>CBNRM</b>	Các cơ quan chính phủ: Bộ Môi trường	Người thực hiện dự án: Quý Lâm nghiệp Quốc gia, hợp tác xã cộng đồng/các tổ chức cộng đồng, chính quyền địa phương	Người sử dụng đất: hộ gia đình, các cộng đồng, nhóm hộ gia đình	
<b>PES</b>	Các cơ quan chính phủ: Bộ Môi trường, Bộ Phát triển Nông thôn, chính quyền liên bang và địa phương	NGO: hỗ trợ kỹ thuật Người thực hiện dự án: Quản lý bảo vệ rừng, cơ quan quý, Quý Amazon Bến vững (FAS), các địa phương	Người mua: công ty cấp nước, các công ty tư nhân ở hạ lưu, chính quyền liên bang và địa phương  Người bán: chính quyền liên bang và địa phương, các chủ đất tư nhân, các cộng đồng truyền thống	Tại các bang Paraná và Minas Gerais của Brazil, các địa phương nhận được 5% từ thuế bán hàng để cấp tài chính cho các chương trình bảo vệ rừng đầu nguồn nhằm bảo vệ nguồn nước sinh hoạt (Mayrand & Paquin 2004)

Tiếp cận chia sẻ lợi ích <sup>a</sup>	Các nhóm bên tham gia			Tỷ lệ chia sẻ lợi ích
	Các quyền có thẩm quyền	Các quyền kiểm soát	Các quyền sử dụng	
CDM	Các cơ quan chính phủ: Bộ Môi trường, các bộ liên quan, Ủy ban Liên bộ về Biến đổi Khí hậu Toàn cầu của Brazil	Người thực hiện dự án: Các công ty tư nhân, chính quyền liên bang và địa phương, các NGO	Người bán: các công ty tư nhân (các công ty rác thải và năng lượng)	
ABS	Các cơ quan chính phủ: Bộ Môi trường, Bộ Khoa học – Công nghệ và các bộ liên quan  <b>Các nhà tài trợ:</b> Các NGO quốc tế	Người thẩm định  Ủy ban Đa dạng Sinh học Quốc gia (CONABIO), các quỹ môi trường quốc gia/bang/địa phương, các sáng kiến của khu vực tư nhân	Người sử dụng rừng: rừng nhà nước, hộ gia đình, các cộng đồng, các công ty tư nhân	
FC	Các cơ quan chính phủ: Instituto Brasileiro do Meio Ambiente e dos Recursos Naturais Renováveis (IBAMA), Bộ Môi trường (MMA), Serviço Florestal Brasileiro (SFB), Comissão Coordenadora Programa Nacional de Florestas (Conaflor) và các cơ quan môi trường bang	Ban quản lý các công ty gỗ	Người sử dụng rừng: các công ty gỗ, cộng đồng, chính quyền	
<b>BOLIVIA</b>				
F1	Quỹ Môi trường Quốc gia (FONAMA), Quỹ Phát triển Hệ thống Khu Bảo tồn Quốc gia (FUNDESAP), Quỹ Bảo vệ và Sử dụng Bền vững Môi trường (PUMA)	<b>CTF:</b> FONAMA, FUNDESAP, PUMA	Đơn vị quản lý khu bảo tồn, các cộng đồng sống trong và xung quanh khu bảo tồn	
F2	-	-	-	-
F3	FONABOSQUE,	Tổng cục Môi trường Bolivia, FONABOSQUE	-	



Tiếp cận chia sẻ lợi ích <sup>a</sup>	Các nhóm bên tham gia		
	Các quyền có thẩm quyền	Các quyền kiểm soát	Các quyền sử dụng
CBNRM	Các cơ quan chính phủ: Bộ Quy hoạch và Phát triển Bền vững	Người thực hiện dự án: Trưởng thôn, ban/tổ chức quản lý thôn, chính quyền hoặc các hiệp hội địa phương	Người sử dụng đất: hộ gia đình, các cộng đồng  Theo Luật Lâm nghiệp (điều 38), phí cấp phép sử dụng được phân bổ như sau: 35% cho cơ quan quận, 25% cho đến địa phương, 10% cho FONABOSQUE và 30% cho Kiểm lâm. Đối với phí cấp phép khai thác, 25% cho cơ quan quận, 25% đến địa phương, và 50% cho FONABOSQUE (Silva 2008)
PES	Các cơ quan chính phủ: Bộ Quy hoạch và Phát triển Bền vững	Người thực hiện dự án: Quản lý bảo vệ rừng, chính quyền địa phương, các NGO  Quỹ phát triển, các ngân hàng	Người mua: Các nhà máy thủy điện, các công ty du lịch sinh thái, các công ty cấp nước, người mua và môi giới carbon quốc tế  Người bán: Người sử dụng rừng (rừng nhà nước, nông dân vùng cao)
CDM	Các cơ quan chính phủ: Bộ Quy hoạch và Phát triển Bền vững và các bộ liên quan, Chương trình Quốc gia về Biến đổi Khí hậu (PNCC)	Người thực hiện dự án: Cơ quan Phát triển Sạch, các công ty tư nhân, các NGO  Người thẩm định	Dự án Hành động vì Khí hậu Noel Kempff Mercado, bước đầu phân bổ 49% tin chỉ bởi hoàn cho chính phủ Bolivia (trong đó, 20% được chia cho các NGO quốc gia đóng vai trò người thực hiện dự án) 49% đến các ngành đóng góp và 2% cho Công ty Điện lực Mỹ, nhà đầu tư chính, như lợi tức phát triển dự án (May et al. 2004).
ABS	Các cơ quan chính phủ: Bộ Quy hoạch và Phát triển Bền vững và các bộ liên quan, Hệ thống Quốc gia về Tài nguyên Di truyền, cơ quan tư vấn kỹ thuật  NGO Bảo tồn với vai trò cố vấn cho chính phủ	Người thực hiện dự án: Các viện nghiên cứu, các công ty tư nhân, các cơ quan chính phủ	Người sử dụng đất: Hộ gia đình, các cộng đồng, các tổ chức bản địa  Các công ty tư nhân

Tiếp cận chia sẻ lợi ích <sup>a</sup>	Các nhóm bên tham gia			
	Các quyền có thẩm quyền	Các quyền kiểm soát	Các quyền sử dụng	Tỷ lệ chia sẻ lợi ích
FC	Các cơ quan chính phủ: Bộ Quy hoạch và Phát triển Bền vững, Kiểm lâm, các hội đồng địa phương	Các công ty tư nhân nhận nhượng quyền rừng, các nhóm xã hội địa phương	Các công ty tư nhân nhận nhượng quyền rừng, các nhóm xã hội địa phương, cộng đồng, chính quyền (trung ương và địa phương)	
<b>PERU</b>				
F1	<b>Quỹ Quốc gia về Khu Bảo vệ (PROFONANPE)</b>	<b>Các nhà tài trợ, PROFONANPE</b>	Các cộng đồng sống trong và xung quanh các khu bảo tồn, Cục Quản lý Khu Bảo tồn Quốc gia	
F2	-	-	-	
F3	Nhà nước; CTFs: Quỹ Môi trường Quốc gia (FONAM), Quỹ Mỹ châu của Peru (FONDAM)	CTFs: FONAM, FONDAM	Đơn vị quản lý hành chính đối với các tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên sinh học	
CBNRM	Các cơ quan chính phủ: Bộ Môi trường (MINAM), Bộ Nông nghiệp (MINAG), Bộ Ngư nghiệp và các bộ liên quan	Người thực hiện dự án: Các cơ quan chính quyền khu vực, các tổ chức cộng đồng, ngành thương mại	Người sử dụng: Hộ gia đình, cộng đồng, ngành thương mại, các cơ quan chính phủ	
PES	Các cơ quan chính phủ: MINAM, MINAG và các bộ liên quan, FONAM	Người thực hiện dự án: Chính quyền khu vực, các NGO, khu vực tư nhân	Người bán: Nông dân vùng cao	
CDM	Các cơ quan chính phủ: MINAM, MINAG, Hội đồng Môi trường Quốc gia với vai trò cơ quan thẩm quyền quốc gia, các bộ liên quan, FONAM	Người thực hiện dự án: Các cơ quan chính phủ, khu vực tư nhân	Người bán: Các công ty tư nhân (điện lực, thủy điện), ngành lâm nghiệp	
FC	Các cơ quan chính phủ: Bộ Nông nghiệp	Người thẩm định	Công ty nhượng quyền rừng, chính phủ (trung ương và khu vực)	
<b>CHÂU Á VÀ CHÂU ĐẠI DƯƠNG</b>				
<b>INDONESIA</b>				
F1	Các nhà tài trợ, Quỹ Đa dạng Sinh học Indonesia (KEHATI)	<b>Các nhà tài trợ, KEHATI</b>	Các cộng đồng gần rừng	
F2	-	-	-	

Tiếp cận chia sẻ lợi ích <sup>a</sup>		Các nhóm bên tham gia		
	Các quyền có thẩm quyền	Các quyền kiểm soát	Các quyền sử dụng	Tỷ lệ chia sẻ lợi ích
F3	-	<p>Quy Phục hồi Rừng, chính quyền địa phương,</p> <p>Chính quyền địa phương, Bộ Lâm nghiệp, cơ quan lâm nghiệp</p>	<p>Chính quyền khu vực/ địa phương; các cộng đồng/hợp tác xã địa phương</p>	
CBNRM	Các cơ quan chính phủ: Bộ Lâm nghiệp, cơ quan lâm nghiệp khu vực/quận	<p>Người thực hiện dự án:</p> <p>Trưởng thôn, các hợp tác xã thôn, các công ty lâm nghiệp quốc doanh (Perhutani)</p>	<p>Người sử dụng đất: Hộ gia đình, các cộng đồng, nhóm hộ gia đình</p>	
PES	<p>Các cơ quan chính phủ: Bộ Lâm nghiệp, Bộ Môi trường, cơ quan lâm nghiệp, chính quyền tỉnh/khu vực/quận và các hợp tác xã thôn</p> <p>Nhà tài trợ</p>	<p>Người thực hiện dự án:</p> <p>Quản lý bảo vệ rừng, các NGO, các tổ chức cộng đồng</p> <p>Các NGO và các cơ quan nghiên cứu hỗ trợ kỹ thuật</p>	<p>Người mua: Công ty cấp nước quốc doanh ở địa phương, công ty điện lực nhà nước, các ngành nghề tư nhân, canh tác ở hạ lưu, các cộng đồng hạ lưu</p> <p>Người bán: Các công ty lâm nghiệp nhà nước, ban quản lý rừng, cộng đồng nông dân vùng cao</p>	<p>Ở vùng đầu nguồn Cidanau, 80% để chi trả cho đất canh tác, 14% chi phí giao dịch, 6% tiền thuế (Mbak 2010)</p>
CDM	Các cơ quan chính phủ: Bộ Lâm nghiệp, Bộ Môi trường và các bộ liên quan, Ủy ban Quốc gia về Cơ chế Phát triển Sạch, Bộ Lâm nghiệp, Nhóm công tác về Biến đổi Khí hậu	<p>Người thực hiện dự án:</p> <p>Khu vực tư nhân, cơ quan chính phủ</p> <p>Người thẩm định</p>	<p>Người bán: các công ty tư nhân từ các dự án như biogas, sinh khối, người sử dụng methane, nhiên liệu</p>	
ABS	Các cơ quan chính phủ: Bộ Lâm nghiệp, Bộ Môi trường, Bộ Nông nghiệp and các bộ liên quan	<p>Người thực hiện dự án:</p> <p>Ủy ban Quốc gia về Quản lý đa dạng sinh học, hợp tác thôn làng</p>	<p>Người sử dụng rừng (các công ty lâm nghiệp nhà nước, hộ gia đình, các cộng đồng, các công ty tư nhân)</p>	
	Các nhà tài trợ			

Tiếp cận chia sẻ lợi ích <sup>a</sup>	Các nhóm bên tham gia			Tỷ lệ chia sẻ lợi ích
	Các quyền có thẩm quyền	Các quyền kiểm soát	Các quyền sử dụng	
FC	Các cơ quan chính phủ: Bộ Lâm nghiệp, chính quyền khu vực	Ban quản lý nhượng quyền rừng, chính quyền khu vực	Công ty nhượng quyền rừng, cộng đồng, chính quyền (trung ương và khu vực)	Phí Nhượng quyền Rừng: 20% chính quyền trung ương, 16% chính quyền địa phương, 64% nhà sản xuất huyện/ địa phương. Thuế dựa trên Lượng Gỗ Khai thác /Tài nguyên Rừng Dự phòng: 20% chính quyền trung ương, 16% chính quyền địa phương, 32% nhà sản xuất huyện/ địa phương, 32% đến các huyện khác. Quy Phục hồi rừng: 60% chính quyền trung ương, 40% nhà sản xuất huyện/ địa phương (Indrarto <i>et al.</i> 2012)
<b>VIỆT NAM</b>				
F1	-	-	-	
F2	-	-	-	
F3	-	<b>CTFs: Quỹ Bảo vệ và Phát triển Rừng, Quỹ Phục hồi rừng</b>	-	
CBNRM	Các cơ quan chính phủ: <b>Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn</b> (MARD), Bộ Tài nguyên và Môi trường (MONRE), UBND tỉnh/ huyện/ xã	<b>Nhóm tầng lớp trên:</b> Trưởng thôn, ban quản lý thôn, bí thư đảng ủy thôn	Người sử dụng đất: Hộ gia đình, các cộng đồng, nhóm hộ gia đình, các đoàn thể xã hội	
JFM	Các cơ quan chính phủ: MARD, MONRE, UBND tỉnh/ huyện/ xã	Ban Quản lý Vườn Quốc gia/Khu Bảo tồn, Ban quản lý rừng, các công ty lâm nghiệp nhà nước, các Chi cục (cấp tỉnh) và Phòng (cấp huyện) Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Người sử dụng đất: Hộ gia đình, các cộng đồng, nhóm hộ gia đình, các đoàn thể xã hội  Trưởng thôn, ban quản lý thôn, bí thư đảng ủy thôn	

Tiếp cận chia sẻ lợi ích <sup>a</sup>	Các nhóm bên tham gia			Tỷ lệ chia sẻ lợi ích
	Các quyền có thẩm quyền	Các quyền kiểm soát	Các quyền sử dụng	
PES	<p>Người môi giới: Các cơ quan chính phủ (MARD, UBND tỉnh/ huyện/ xã)</p>	<p>Quy Bảo vệ và Phát triển Rừng, các ngân hàng</p> <p>Ban quản lý PES các cấp, các đoàn thể xã hội</p>	<p>Người mua: Các nhà máy thủy điện, các công ty du lịch sinh thái, các công ty cấp nước, các công ty thủy sản và người môi giới</p> <p>Người bán: Người sử dụng rừng (các công ty lâm nghiệp nhà nước, các đoàn thể xã hội, hộ gia đình, các cộng đồng, các công ty tư nhân, ban quản lý rừng)</p> <p>Các NGO, cơ quan nghiên cứu, các CSO có thể tham gia vào lập kế hoạch và thiết kế</p>	<p>10% giữ lại tại Quỹ Bảo vệ và Phát triển Rừng</p> <p>90% được phân bổ cho các nhóm sử dụng rừng</p> <p>Nếu người sử dụng rừng là các ban quản lý rừng hay các công ty lâm nghiệp nhà nước, 10% khác sẽ được trả cho phí quản lý và 80% còn lại sẽ được phân bổ cho người dân địa phương (Quyết định 380 về Thi điểm PES)</p>
CDM	<p>Các cơ quan chính phủ: MONRE và MARD</p>	<p>Cơ quan do Chính phủ chỉ định</p>	<p>Người bán: Người sử dụng rừng (các công ty lâm nghiệp nhà nước, các đoàn thể xã hội, hộ gia đình, các cộng đồng, các công ty tư nhân)</p> <p>Các NGO, cơ quan nghiên cứu, các CSO có thể tham gia vào lập kế hoạch và thiết kế</p>	
ABS	<p>Các cơ quan chính phủ: MARD, DARD, UBND tỉnh/ huyện/ xã</p>	<p><b>Nhóm tăng lớp trên và có tiếng nói:</b> trưởng thôn, bí thư đảng ủy, ban quản lý thôn</p>	<p>Người thăm định: các viện nghiên cứu, các NGO quốc tế và quốc gia, các tổ chức phi lợi nhuận địa phương</p>	
FC	<p>Các cơ quan chính phủ: MARD, DARD, UBND tỉnh/ huyện/ xã</p>	<p>Các ban quản lý Vườn Quốc gia/ Khu Bảo tồn, Các cơ quan cấp tỉnh</p>	<p>Các công ty tư nhân</p>	<p>Tùy theo từng trường hợp</p>

Tiếp cận chia sẻ lợi ích <sup>a</sup>	Các nhóm bên tham gia			Tỷ lệ chia sẻ lợi ích
	Các quyền có thẩm quyền	Các quyền kiểm soát	Các quyền sử dụng	
<b>NEPAL</b>				
F1	-	-	-	
F2	-	-	-	
F3	-	Các quỹ của các nhóm sử dụng	Thành viên trong các chương trình lâm nghiệp cộng đồng	
<b>CBNRM</b>	Các cơ quan chính phủ: Bộ Rừng và Bảo tồn Đất đai, Cục Nghiên cứu và Điều tra Rừng	Người thực hiện dự án: các đơn vị thực hiện, chính quyền trung ương và địa phương, UBND tỉnh/huyện/xã	Người sử dụng đất: Hộ gia đình, các cộng đồng, chính quyền địa phương, ủy ban nhân dân	
<b>PES</b>	Các cơ quan chính phủ: Bộ Rừng và Bảo tồn Đất đai, Bộ Môi trường, UBND tỉnh/ huyện/ xã	Người thực hiện dự án: Cơ quan lâm nghiệp huyện  Các NGO	Người mua: Các nhà máy thủy điện, các công ty cấp nước  Người bán: Người sử dụng rừng (các công ty lâm nghiệp nhà nước, nông dân vùng cao)	
<b>CDM</b>	Các cơ quan chính phủ: Bộ Rừng và Bảo tồn Đất đai, Bộ Môi trường, Bộ Năng lượng và các bộ liên quan, Cục Nghiên cứu và Điều tra Rừng	Người thực hiện dự án  Người thẩm định	Người bán: Các công ty tư nhân (Biogas và thủy điện nhỏ)	
<b>ABS</b>	Các cơ quan chính phủ: Các bộ liên quan (Bộ Rừng và Bảo tồn Đất đai, Bộ Nông nghiệp và Hợp tác xã, Bộ Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Bộ Phát triển Địa phương, Bộ Tài nguyên Nước), Ủy ban Kế hoạch Quốc gia	Người thực hiện dự án: Các nhóm sử dụng rừng cộng đồng, các hợp tác xã, các ủy ban bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học, các công ty tư nhân, các viện nghiên cứu	Hộ gia đình, các cộng đồng, các công ty tư nhân	
<b>FC</b>	Các cơ quan <b>chính phủ</b> : Bộ Rừng và Bảo tồn Đất đai	Các ban quản lý nhượng quyền rừng (quốc doanh)	Các nhượng quyền rừng quốc doanh, chính quyền (trung ương, khu vực), cộng đồng	
<b>LÀO</b>				
F1	-	Quỹ Bảo vệ Rừng (EPF), Quỹ Phát triển Rừng (FDF)	-	
F2	-	-	-	
F3	-	-	-	

Tiếp cận chia sẻ lợi ích <sup>a</sup>	Các nhóm bên tham gia			Tỷ lệ chia sẻ lợi ích
	Các quyền có thẩm quyền	Các quyền kiểm soát	Các quyền sử dụng	
CBNRM	Các cơ quan chính phủ: Bộ Nông Lâm nghiệp, Cục Lâm nghiệp	Người thực hiện dự án: Trưởng thôn, ban quản lý thôn, chính quyền địa phương	Người sử dụng đất: Hộ gia đình, các cộng đồng	Nghị định (Số 001/PR) quy định 70% tổng tiền thu từ bán gỗ được trả vào Kho bạc (chi phí khai thác sẽ được khấu trừ từ khoản này), 30% còn lại được chia sẻ như sau: 20% vào quỹ Phát triển Rừng Quốc gia, 40% cho các chi phí vận hành của các cơ quan thẩm quyền cấp tỉnh và huyện, 40% còn lại được chuyển vào các quỹ phát triển thôn (Lestrelin <i>et al.</i> 2012)
JFM	Các cơ quan chính phủ: Bộ Nông Lâm nghiệp, Cục Lâm nghiệp	Người thực hiện dự án: Đơn vị quản lý cấp huyện đối với rừng sản xuất, các tổ chức thôn	Phòng lâm nghiệp huyện, chính quyền trung ương, người dân	
PES	Các cơ quan <b>chính phủ</b> : Bộ Nông Lâm nghiệp, Cục Lâm nghiệp, Tổng cục Tài nguyên Nước và Môi trường (WREA)	Người thực hiện dự án: Quản lý rừng bảo vệ, các tổ chức cộng đồng  <b>Các công cụ cấp vốn:</b> EPF, FDF	Người mua: Thủy điện  Người bán: Người sử dụng rừng (các công ty lâm nghiệp nhà nước, nông dân vùng cao)	
CDM	Các cơ quan chính phủ: Bộ Tài nguyên Thiên nhiên và Môi trường như là cơ quan thẩm quyền quốc gia  Các nhà tài trợ	Cơ quan thẩm quyền quốc gia	Người bán: Công ty tư nhân (sử dụng năng lượng hiệu quả, dự án thủy điện, biogas, xi măng), các chủ rừng	
ABS	Các cơ quan chính phủ: Bộ Nông Lâm nghiệp, WREA  Các nhà tài trợ	Cục Lâm nghiệp Quản lý Tài nguyên  Các công cụ cấp vốn		

Tiếp cận chia sẻ lợi ích <sup>a</sup>	Các nhóm bên tham gia			Tỷ lệ chia sẻ lợi ích
	Các quyền có thẩm quyền	Các quyền kiểm soát	Các quyền sử dụng	
FC	Các cơ quan chính phủ: Bộ Nông Lâm nghiệp, Quốc hội, Tổng cục Địa chính (NLMA), cơ quan thẩm quyền cấp tỉnh	Ban quản lý nhượng quyền rừng, chính quyền (trung ương, tỉnh), NLMA	Các công ty nhượng quyền rừng, chính quyền (trung ương, tỉnh), các cộng đồng	
<b>PAPUA NEW GUINEA</b>				
F1	-	<b>Các nhà tài trợ, Quỹ Ủy thác Bảo tồn Mama Graun</b>	-	
F2	-	-	-	
CBNRM	Các cơ quan chính phủ: Bộ Lâm nghiệp	Chủ đất, hiệp hội chủ rừng, các lãnh tụ truyền thống	Người sử dụng đất: Chủ đất, hiệp hội/nhóm chủ đất	
PES	Nhà tài trợ  Các cơ quan chính phủ: Bộ Lâm nghiệp và các bộ liên quan, Cục Môi trường và Bảo tồn	NGO hỗ trợ kỹ thuật  Đề xuất một cơ quan đa bên để giám sát việc thực hiện	Người mua: Các nhóm công ty/ doanh nghiệp và người môi giới  Người bán: Các chủ rừng (các nhóm chủ đất)	
CDM	Các cơ quan chính phủ: Cơ quan Phát triển và Biến đổi Khí hậu (OCCD) với vai trò cơ quan thẩm quyền nhà nước, Bộ Lâm nghiệp và các bộ liên quan	Người phát triển dự án  Người thẩm định	Người bán: Năng lượng tái tạo, quản lý chất thải, các công ty năng lượng	
ABS	Các cơ quan chính phủ: Bộ Lâm nghiệp và các bộ liên quan, Cục Môi trường, UBND tỉnh/ huyện/ xã	Các lãnh tụ truyền thống, các hiệp hội chủ rừng, công ty tư nhân	Hộ gia đình, các cộng đồng, chủ đất, các công ty tư nhân	
FC	Các cơ quan chính phủ: Bộ Lâm nghiệp, Ban Lâm nghiệp Quốc gia, Ủy ban Quản lý Rừng cấp tỉnh, Cơ quan Thẩm quyền Lâm nghiệp PNG, các đại diện chi chủ đất, chính quyền tỉnh, Bộ Lâm nghiệp (NFS)	Ban quản lý nhượng quyền rừng, NFS, Cục Môi trường và Bảo tồn (DEC)	Công ty nhượng quyền rừng, chủ đất, cộng đồng, chính quyền (trung ương, tỉnh)	



Tiếp cận chia sẻ lợi ích <sup>a</sup>	Các nhóm bên tham gia			Tỷ lệ chia sẻ lợi ích
	Các quyền có thẩm quyền	Các quyền kiểm soát	Các quyền sử dụng	
<b>CHÂU PHI</b>				
<b>TANZANIA</b>				
F1	Quý Ủy thác Bảo tồn Đất Tanzania	Các nhà tài trợ, Quý Ủy thác Bảo tồn Đất Tanzania	-	
F2	-	-	-	
F3	Bộ Tài chính, Quý Phát triển Lâm nghiệp	Quý Phát triển Lâm nghiệp	-	
CBNRM	Các cơ quan chính phủ: Bộ Môi trường và Bảo vệ Thiên nhiên (MINEF), Bộ Lâm nghiệp và Động vật Hoang dã (MINFOF), các nhà tài trợ	Quản lý rừng cấm, sở lâm nghiệp, các chương trình sáng kiến nhóm/ hợp tác xã cộng đồng, các tổ chức phát triển	Người sử dụng đất: Hộ gia đình, các cộng đồng	
<b>PES</b>				
	Các cơ quan chính phủ: MINEF, MINFOF và các bộ liên quan	Quản lý PES (các NGO, các địa phương), các cơ quan quỹ	Người mua: Các nhà máy thủy điện, các công ty cấp nước	
			Người bán: các cộng đồng thương lưu	
CDM	Các cơ quan chính phủ: MINEF, MINFOF, Ủy ban Quốc gia về CDM, cơ quan thẩm quyền quốc gia, các công cụ tài chính	Chính quyền nông thôn, cán bộ phát triển dự án, các công ty tư nhân (các công ty điện lực, quản lý bãi thải, các công ty thủy điện, các công ty lâm nghiệp, công nông nghiệp)	Người sử dụng đất: Hộ gia đình, các cộng đồng, các xưởng cưa	
ABS	Các cơ quan chính phủ: MINEF, MINFOF, Bộ Nông nghiệp, Bộ Nghiên cứu Khoa học và các bộ liên quan	Các tổ chức truyền thống/địa phương về quản lý rừng cộng đồng	Người bán: Hộ gia đình, các cộng đồng	
	Các nhà tài trợ		Người mua: Ngành dược phẩm	
<b>BURKINA FASO</b>				
F1	--	-	-	
F2	-	-	-	

Tiếp cận chia sẻ lợi ích <sup>a</sup>	Các nhóm bên tham gia			Tỷ lệ chia sẻ lợi ích
	Các quyền có thẩm quyền	Các quyền kiểm soát	Các quyền sử dụng	
F3	Quý Lâm nghiệp	Quý Lâm nghiệp	Ngành động vật hoang dã và đánh bắt thủy sản	
CBNRM	Các cơ quan chính phủ: Bộ Môi trường  Nhà tài trợ	Người thực hiện dự án: NGO, cơ quan chính phủ, các hiệp hội thôn, các tổ chức kinh tế-xã hội  Các NGO cung cấp hỗ trợ kỹ thuật	Người sử dụng: Hộ gia đình, các cộng đồng	
JFM	Các cơ quan chính phủ: Bộ Môi trường  Các nhà tài trợ	Người thực hiện dự án: Quản lý khu bảo vệ, các tổ chức thôn	Người sử dụng: Hộ gia đình, quản lý khu bảo vệ	
CDM	Các cơ quan chính phủ: Bộ Môi trường, cơ quan thẩm quyền quốc gia  Các nhà tài trợ	Người thực hiện dự án: Các công ty tư nhân, NGO		
ABS	Các cơ quan chính phủ: Bộ Môi trường  Các nhà tài trợ	Viện nghiên cứu, cơ quan chính phủ	Viện nghiên cứu, doanh nghiệp nước ngoài (được phẩm và nông nghiệp-thực phẩm)	
FC	Các cơ quan chính phủ: Các cơ quan quản lý rừng nhà nước	Nhượng quyền rừng cộng đồng/ hiệp hội thôn, giới chức địa phương	Thôn/ cộng đồng, chính quyền (trung ương và địa phương)	
<b>CAMEROON</b>				
F1	-	-	-	
F2	-	-	-	
F3	-	Quý Phát triển rừng đặc biệt	Cộng đồng rừng	

Tiếp cận chia sẻ lợi ích <sup>a</sup>	Các nhóm bên tham gia			Tỷ lệ chia sẻ lợi ích
	Các quyền có thẩm quyền	Các quyền kiểm soát	Các quyền sử dụng	
CBNRM	Các cơ quan chính phủ: Bộ Môi trường và Bảo vệ Thiên nhiên (MINEP), Bộ Lâm nghiệp và Động vật Hoang dã (MINFOF), Cục Lâm nghiệp và Nuôi ong (FBD), hội đồng huyện, chính quyền huyện và địa phương	Nhóm tầng lớp trên: hội đồng thôn, giới chức địa phương	Người sử dụng đất: Hộ gia đình, các cộng đồng	
JFM	Các cơ quan chính phủ: MINEP, MINFOF, Hội đồng Du lịch Huyện	Khu bảo tồn rừng thôn, khu bảo tồn rừng quốc gia hay địa phương hoặc khu bảo tồn rừng do tư nhân quản lý, hội đồng thôn	Người sử dụng đất: Hộ gia đình, các cộng đồng	
PES	Các cơ quan chính phủ: MINEP, MINFOF và các bộ liên quan, Cục Môi trường (DoE), FBD			
CDM	Các cơ quan chính phủ: MINEP, MINFOF và các bộ liên quan, DoE, FBD	Cơ quan thẩm quyền quốc gia	Người bán: Các công ty tư nhân (năng lượng, nhà sản xuất bricket), hộ gia đình	
FC	Các cơ quan chính phủ: MINFOF, hội đồng tỉnh	Ban quản lý rừng nhượng quyền, hội đồng tỉnh	Các công ty nhượng quyền rừng, các cộng đồng, chính quyền (trung ương, tỉnh)	50% về nhà nước, 40% đến hội đồng địa phương (giới chức địa phương tại Cameroon), và 10% đến các thôn gần rừng nhượng quyền, cũng như chi trả thuế thôn cho các cộng đồng gần rừng nhượng quyền (Morrison <i>et al.</i> 2009 trích dẫn từ Costenbader 2011)
DRC				
F1	-	-	-	
F2	-	-	-	
F3	-	-	-	

Tiếp cận chia sẻ lợi ích <sup>a</sup>	Các nhóm bên tham gia			Tỷ lệ chia sẻ lợi ích
	Các quyền có thẩm quyền	Các quyền kiểm soát	Các quyền sử dụng	
CBNRM	Các cơ quan chính phủ: Bộ Môi trường, Bảo tồn Thiên nhiên và Du lịch (MECNT)	Người thực hiện dự án: Các cơ quan chính phủ, các hiệp hội cộng đồng	Người sử dụng: Hộ gia đình, các cộng đồng, các công ty tư nhân địa phương	
PES	Các nhà tài trợ	Các NGO cung cấp hỗ trợ kỹ thuật		
CDM	Các cơ quan chính phủ: MECNT	Người thực hiện dự án: Các công ty tư nhân, cộng đồng, các cơ quan chính phủ		
FC	Các nhà tài trợ	Người thực hiện dự án: Các công ty tư nhân, các cộng đồng	Người môi giới, doanh nghiệp tư nhân quốc tế, các cộng đồng	
MOZAMBIQUE		Người thẩm định		
F1	-	-	-	
F2	-	-	-	
F3	-	Quý Phát triển Lâm nghiệp và Động vật Hoang dã	-	
CBNRM	Các cơ quan chính phủ: Bộ Điều phối các Hoạt động Môi trường (MICOA), Bộ Nông nghiệp (MINAG), Tổng cục Rừng và Động vật Hoang dã, các Hội đồng Quản lý Tài nguyên Thiên nhiên có Sự tham gia (COGEPs), chính quyền địa phương	<b>Nhóm tăng lớp trên:</b> Các lãnh tụ truyền thống, các hiệp hội địa phương, các NGO với vai trò quản lý dự án, chính quyền địa phương	Người sử dụng đất: Hộ gia đình, các cộng đồng, nhóm hộ gia đình, các đoàn thể xã hội  Các tổ chức tư nhân tham gia vào việc đào tạo	Tại Tchuma Tcahu: 33% về chính phủ, 32% cho các cộng đồng địa phương, 35% cho tổ chức quản lý dự án.  Tại Chipanje Chetu: 57% cho các cộng đồng, 20% cho chính quyền địa phương, 23% cho quản lý chương trình. (Nhantumbo & Izidine 2009)

Tiếp cận chia sẻ lợi ích <sup>a</sup>	Các nhóm bên tham gia			Tỷ lệ chia sẻ lợi ích
	Các quyền có thẩm quyền	Các quyền kiểm soát	Các quyền sử dụng	
JFM	Các cơ quan chính phủ: MICOA, MINAG, Tổng cục Rừng và Động vật Hoang dã, các Hội đồng Quản lý Tài nguyên Thiên nhiên có Sự tham gia, chính quyền địa phương	Quản lý rừng cấm, các hiệp hội địa phương, các lãnh tụ truyền thống, chính quyền địa phương	Người sử dụng đất: hộ gia đình, các cộng đồng, chính quyền địa phương	
PES	Các nhà tài trợ  Các cơ quan chính phủ: MICOA, MINAG  Các nhà tài trợ	Người thực hiện dự án, các cơ quan chính phủ  Người thẩm định	Hộ gia đình, cộng đồng  Người mua: Các công ty tư nhân quốc tế	Chi trả tiền mặt cho hộ gia đình không cao (trung bình khoảng US\$60 một năm cho một hộ gia đình tham gia), nhưng vẫn đóng góp 10% tổng thu nhập bằng tiền cho các hộ tham gia. Một phần ba tiền bán carbon được chuyển vào quỹ ủy thác công đồng để phát triển và hỗ trợ các doanh nghiệp cộng đồng (Hedge & Bull 2011)
CDM	Các cơ quan chính phủ: MICOA, MINAG, Bộ Khoa học Công nghệ và các bộ liên quan, cơ quan thẩm quyền quốc gia  Các nhà tài trợ	Người thực hiện dự án: Công ty tư nhân, cơ quan chính phủ  Người thẩm định  Các NGO, chuyên gia từ các trường đại học cung cấp tư vấn và hỗ trợ kỹ thuật	Người bán: Công ty xi măng tư nhân, công ty ga tư nhân, công ty trồng rừng tư nhân	
ABS	Các cơ quan chính phủ: MICOA, MINAG và các bộ liên quan	Cơ quan chính phủ, viện nghiên cứu, công ty tư nhân	Hộ gia đình, các cộng đồng, công ty tư nhân	
FC	Các cơ quan chính phủ: Chính quyền tỉnh	Ban quản lý nhượng quyền khai thác gỗ, chính quyền tỉnh	Công ty nhượng quyền khai thác gỗ, chính quyền tỉnh	

<sup>a</sup> F1: các quỹ nằm ngoài hệ thống hành chính nhà nước; F2: các quỹ được ghép vào trong hệ thống ngân sách nhà nước; F3: các quỹ phụ thuộc vào năng lực của hệ thống hành chính nhà nước; CBNRM: quản lý tài nguyên thiên nhiên dựa vào cộng đồng; JFM: hợp tác quản lý rừng; PES: chi trả dịch vụ môi trường; CDM: Cơ chế Phát triển Sạch; FC: rừng nhượng quyền; ABS: Tiếp cận và Chia sẻ Lợi ích.





Các báo cáo chuyên đề của CIFOR bao gồm các kết quả nghiên cứu sơ bộ hoặc nâng cao về các vấn đề về rừng ở các khu vực nhiệt đới và cần được công bố vào thời điểm thích hợp để tạo ra và thúc đẩy các cuộc thảo luận. Nội dung báo cáo đã được rà soát nội bộ nhưng chưa trải qua quá trình bình duyệt từ các chuyên gia bên ngoài tổ chức.

Vấn đề chia sẻ lợi ích trong REDD+ đã thu hút sự chú ý của các nhà hoạch định chính sách cũng như các cộng đồng địa phương do sự thành công của REDD+ sẽ phụ thuộc rất nhiều vào việc thiết kế và thực hiện cơ chế chia sẻ lợi ích sáng kiến này. Mặc dù đã có rất nhiều tài liệu về các cơ chế chia sẻ lợi ích tiềm năng cho REDD+, lĩnh vực này vẫn thiếu một phân tích sánh toàn cầu về các chính sách REDD+ quốc gia và về các ảnh hưởng kinh tế-chính trị có thể hoặc tạo điều kiện hoặc cản trở các cơ chế này. Tương tự, chưa có nhiều nghiên cứu tìm hiểu kỹ lưỡng về các nguyên tắc kinh tế-chính trị là căn nguyên của các chính sách và các tiếp cận chia sẻ lợi ích hiện đang có tại các quốc gia.

Được xây dựng trên nền tảng nghiên cứu về chính sách REDD+ tại 13 quốc gia, báo cáo này đưa ra một cái nhìn khái quát trên bình diện toàn cầu và mô tả cập nhật về các cơ chế chia sẻ lợi ích cho REDD+ và các yếu tố kinh tế-chính trị ảnh hưởng đến thiết kế và việc hình thành các cơ chế này. Năm kiểu mô hình chia sẻ lợi ích phù hợp với REDD+ và quản lý tài nguyên thiên nhiên được sử dụng để xây dựng một khung nhằm xác định điều gì có thể và không thể thực hiện và xem xét cấu trúc của các quyền trong REDD+. Các tác giả cũng xem xét các cơ chế này dưới góc độ của năm luồng thảo luận nổi bật về câu hỏi ai cần được hưởng lợi từ REDD+, và nhìn nhận REDD+ qua một lăng kính 3E (tính hiệu lực, hiệu quả, công bằng), vạch ra một số nguy cơ có thể đi kèm với các kết quả đầu ra của REDD+.

Các mô hình chia sẻ lợi ích hiện có và các dự án REDD+ đã đưa ra những bài học ban đầu cho việc xây dựng các cơ chế chia sẻ lợi ích REDD+. Tuy nhiên, các chính sách liên quan tại 13 quốc gia được nghiên cứu có thể dẫn đến sự thiếu hiệu lực trong giảm thiểu carbon, không hiệu quả về chi phí và bất công bằng do sự thiếu liên kết dẫn đến hiệu suất và kết quả kém, quyền sử dụng đất và các quyền carbon không rõ ràng, thiếu đại diện của một số bên liên quan, các vấn đề về tài chính và kỹ thuật liên quan đến quy mô và cấp độ của REDD+, khả năng tăng lớp trên chiếm dụng các lợi ích và các hiệu ứng phụ tiêu cực của tiến trình phân quyền. Hơn nữa, các yếu tố nền tảng cần có để hiện thực hóa các cơ chế chia sẻ lợi ích 3E hầu như chưa có ở các quốc gia được nghiên cứu. Liệu REDD+ có thể là xúc tác cho các thay đổi thiết yếu sẽ một phần phụ thuộc vào cách thức chia sẻ lợi ích và chi phí từ REDD+, và liệu các lợi ích có đủ để tạo tác động thay đổi các chính sách và hành vi cố hữu ở tất cả các cấp chính quyền.

Việc thiết kế và thực hiện các cơ chế chia sẻ lợi ích – và cùng với đó là tính hợp pháp và sự thừa nhận đối với REDD+ – sẽ phụ thuộc vào việc có các mục tiêu rõ ràng, công bằng về mặt thủ tục và một tiến trình đầy đủ và cùng với đó là một phân tích kỹ lưỡng tất cả các phương án chia sẻ lợi ích và các tác động tiềm năng lên các đối tượng hưởng lợi cũng như đối với các nỗ lực giảm thiểu biến đổi khí hậu.



RESEARCH PROGRAM ON Forests, Trees and Agroforestry

Nghiên cứu này được CIFOR tiến hành trong khuôn khổ Chương trình Nghiên cứu của CGIAR về Rừng, Cây và Nông lâm kết hợp. Chương trình hợp tác này nhằm mục tiêu cải thiện việc quản lý và sử dụng rừng, nông lâm kết hợp và tài nguyên di truyền cây gỗ ở nhiều loại hình cảnh quan từ rừng đến trang trại. CIFOR chịu trách nhiệm chính về chương trình cùng với các đối tác là Bionersity International, CIRAD (Trung tâm Hợp tác Quốc tế về Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp), Trung tâm Nông nghiệp Nhiệt đới và Trung tâm Nghiên cứu Nông lâm Thế giới.

[cifor.org](http://cifor.org)

[ForestsClimateChange.org](http://ForestsClimateChange.org)



Fund



Australian Government  
Department of Foreign Affairs and Trade



**Trung tâm Nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế (CIFOR)**

Tổ chức nghiên cứu lâm nghiệp quốc tế CIFOR hoàn thiện sự phát triển của con người, bảo tồn môi trường sống và tiến tới sự bình đẳng thông qua tiến hành các nghiên cứu hỗ trợ cho các chính sách và chương trình thực tiễn tác động tới rừng ở các nước đang phát triển. CIFOR là thành viên của liên hiệp các trung tâm nghiên cứu CGIAR. Trụ sở chính của CIFOR đặt tại Bogor, Indonesia và các văn phòng của CIFOR có mặt tại Châu Á, Châu Phi và Nam Mỹ.

